

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

ĐÀO THỊ NGÀ

**NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA ĐỘI
NGŨ GIẢNG VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO
ĐẲNG NGÀNH XÂY DỰNG TẠI HÀ NỘI TRONG BỐI
CẢNH KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM HIỆN
NAY**

LUẬN VĂN THẠC SĨ TRIẾT HỌC

Hà Nội - 2014

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

ĐÀO THỊ NGÀ

**NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA ĐỘI
NGŨ GIẢNG VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO
ĐẲNG NGÀNH XÂY DỰNG TẠI HÀ NỘI TRONG BỐI
CẢNH KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM HIỆN
NAY**

Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Triết học
Mã số: 60 22 03 01

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Nguyễn Vũ Hảo

Hà Nội - 2014

LỜI CAM

ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn của PGS. TS. Nguyễn Vũ Hảo. Các số liệu, tài liệu nêu ra trong luận văn là trung thực, đảm bảo tính khách quan, khoa học và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ một công trình nào khác. Các tài liệu tham khảo có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng .

Hà Nội, ngày tháng năm 2014

Tác giả luận văn

Đào Thị Nga

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do lựa chọn đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài	2
3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn	6
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn	7
5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu	7
5. Những đóng góp của luận văn	8
6. Cấu trúc của luận văn	8
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA GIẢNG VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	9
1.1. Khái niệm “đạo đức nghề nghiệp”	9
1.1.1. <i>Khái niệm và các loại hình cơ bản của đạo đức nghề nghiệp</i>	9
1.1.2. <i>Các quan niệm khác nhau về đạo đức nghề nghiệp</i>	15
1.2 Những đặc trưng cơ bản của đạo đức nghề nghiệp đối với giảng viên các trường ĐH, CĐ	22
1.2.1 <i>Đạo đức nghề nghiệp của giảng viên ĐH, CĐ với tính cách là nhà giáo</i>	22
1.2.2 <i>Đạo đức nghề nghiệp của giảng viên ĐH, CĐ với tính cách là nhà khoa học</i>	29
1.3 Bối cảnh kinh tế thị trường và những yêu cầu đặt ra đối với đạo đức nghề nghiệp của giảng viên các trường đại học và cao đẳng ở Việt Nam hiện nay	34
1.3.1 <i>Bối cảnh kinh tế thị trường và tính hai mặt của nó</i>	34
1.3.2 <i>Những ảnh hưởng của nền KTTT đối với ĐCNN của nghề dạy học</i>	41

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP CỦA VIỆC NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA GIẢNG VIÊN CÁC TRƯỜNG 50

ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NGÀNH XÂY DỰNG Ở HÀ NỘI TRONG 50

BỐI CẢNH KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY 50

2.1. Những đặc thù của đạo đức nghề nghiệp của giảng viên các trường đại học và cao đẳng ngành xây dựng ở Hà Nội 50

2.2. Thực trạng đạo đức nghề nghiệp của giảng viên các trường đại học và cao đẳng ngành xây dựng tại Hà Nội trong bối cảnh kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay: thực trạng và những vấn đề đặt ra 52

2.1.1 Thực trạng đạo đức nghề nghiệp của giảng viên các trường đại học và cao đẳng ngành xây dựng tại Hà Nội trong bối cảnh kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay. 52

2.1.2 Thực trạng nhận thức về đạo đức nghề nghiệp của giảng viên các trường đại học và cao đẳng ngành xây dựng tại Hà Nội trong bối cảnh kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay. 56

2.1.2 Những vấn đề đặt ra đối với đạo đức nghề nghiệp của giảng viên các trường đại học và cao đẳng ngành xây dựng tại Hà Nội trong bối cảnh kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay 61

2.3. Những giải pháp nhằm nâng cao đạo đức nghề nghiệp của giảng viên các trường đại học và cao đẳng ngành xây dựng tại Hà Nội trong bối cảnh kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay 63

2.3.1 Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao đạo đức nghề nghiệp của giảng viên các trường đại học và cao đẳng ngành xây dựng tại Hà Nội trong bối cảnh kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay 63

2.3.2 Một số giải pháp nhằm nâng cao đạo đức nghề nghiệp của giảng viên các trường đại học và cao đẳng ngành xây dựng tại Hà Nội trong bối cảnh kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay. 65

KẾT LUẬN 84

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	88
PHỤ LỤC	92

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nội dung
ĐĐNN	Đạo đức nghề nghiệp
KTTT	Kinh tế thị trường
ĐH	Đại học
CĐ	Cao đẳng
tr	Trang

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài

Từ ngàn xưa, dân tộc Việt Nam đã có truyền thống tôn sư, trọng đạo, tôn vinh nghề dạy học, tôn vinh người thầy giáo theo đó “Không thầy đố mày làm nên” hay “nhất tự vi sư, bán tự vi sư”. Quan điểm Nho giáo chính thống, còn hơn thế nữa, đã đặt vị trí người thầy còn hơn cả cha, mẹ theo thứ bậc “Quân, Sư, Phụ” về phương diện giúp cho con người mở mang trí tuệ, phát triển tài năng và hình thành những giá trị đạo đức. Đồng thời, với truyền thống tôn sư, trọng đạo, dân tộc Việt Nam cũng đặt ra những yêu cầu rất cao, thậm chí khắt khe đối với đạo đức của người thầy giáo.

Việc giáo dục và đào tạo đội ngũ giáo viên xứng đáng với truyền thống tốt đẹp là trọng trách của các trường đại học, đặc biệt là các trường đại học sư phạm. Trong bối cảnh kinh tế thị trường (KTTH), sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ, việc coi trọng nâng cao đạo đức nghề nghiệp (ĐĐNN) của người thầy được xem là một nội dung cơ bản nhằm đào tạo ra những giáo viên có năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức tốt.

Cần giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học; không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học

Trong những thập kỷ vừa qua, ở Việt Nam chúng ta đã xây dựng và phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần hoạt động theo cơ chế thị trường, phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa có sự điều tiết của Nhà nước (gọi tắt là nền kinh tế thị trường). Nền KTTH đã tạo ra nhiều chuyển biến rất tích cực và thu được nhiều thành quả to lớn trên nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, đã và đang đem lại những giá trị tốt đẹp trên nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội như: Kinh tế, ngoại giao, chính trị,

văn hóa, nghệ thuật và đặc biệt là giáo dục và đào tạo. Nền KTTT đã mang lại những thay đổi to lớn trong nhận thức, hành vi và thái độ của đội ngũ giảng viên nói riêng và nghề dạy học nói chung. Đại bộ phận cán bộ giảng viên thể hiện tinh thần năng động, sáng tạo, mong muốn tạo ra và đóng góp nhiều của cải vật chất và tinh thần cho bản thân, gia đình và xã hội, mong được cống hiến, được làm giàu chính đáng và hưởng thụ những thành quả do bàn tay và khối óc của mình tạo ra. Đây cũng là những thay đổi rất lớn, là những phẩm chất mới trong ĐCNN của người theo nghề dạy học.

Tuy nhiên, mặt trái của nền KTTT cũng đã có nhiều ảnh hưởng tiêu cực đến ĐĐNN của nghề dạy học như: Đạo đức, luân lý, định hướng giá trị, thế giới quan, nhân sinh quan trong nhân cách của nhiều tầng lớp trong xã hội, trong đó có đội ngũ giảng viên đang hoạt động trong ngành giáo dục. Cụ thể, một bộ phận giảng viên chạy theo lối sống thực dụng, ích kỷ, hẹp hòi, lý tưởng nghề nghiệp mờ nhạt, quá đề cao giá trị vật chất. Sự xuống cấp, suy thoái nhân cách của bộ phận nhỏ giảng viên đã ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách của học sinh, sinh viên; làm giảm đi sự tôn vinh yêu quý mà nhân dân dành cho những người hành nghề sư phạm. Một trong những nguyên nhân cơ bản của những biểu hiện tiêu cực trên chính là sự nhận thức chưa đúng đắn, chưa sâu sắc về đạo đức nghề dạy học

Như vậy, nâng cao ĐĐNN là một nhiệm vụ to lớn, có ý nghĩa quan trọng và cũng là một vấn đề khó khăn, phức tạp nhưng có tính cấp bách. Xuất phát từ những lý do trên tác giả xin lựa chọn đề tài: ***“Nâng cao đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên các trường đại học, cao đẳng ngành xây dựng tại Hà Nội trong bối cảnh kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay”*** làm đề tài luận văn thạc sĩ của mình

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong quá trình nghiên cứu và triển khai đề tài này, tác giả đã được tiếp xúc với một nguồn tài liệu bằng tiếng Việt rất phong phú. Những tài liệu được

tác giả đưa vào trong danh mục tài liệu tham khảo dù ít dù nhiều đều liên quan đến nội dung của luận văn nên được sử dụng ở những mức độ khác nhau.

Vấn đề ĐĐNN của nghề dạy học, nâng cao ĐĐNN cho đội ngũ giảng viên luôn thu hút được sự quan tâm chú ý của những nhà khoa học, các thầy cô giáo và đặc biệt là phụ huynh học sinh, các tầng lớp khác trong xã hội và công luận. Nhưng trước hết là sự quan tâm của chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước

Trong các bài nói chuyện, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giáo dục chứa đựng nhiều quan điểm, tư tưởng và triết lý giáo dục hết sức vĩ đại những dễ hiểu, cụ thể và sâu sắc. Trong đó phải kể đến những lời giáo huấn của Bác đào tạo thế hệ trẻ nói riêng. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, người thầy giáo trước hết phải là công dân mẫu mực, phải mang trong mình đạo đức cách mạng. Đó là thứ đạo đức mới, đạo đức vĩ đại, nó không phải vì danh vọng cá nhân, mà vì lợi ích chung của Đảng, của nhân dân, của dân tộc, của loài người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò của người thầy giáo trong sự nghiệp cách mạng “Tôi mong rằng trong một thời kỳ rất ngắn, lòng hăng hái và nỗ lực của anh chị em sẽ có kết quả vẻ vang. Đồng bào ai cũng biết đọc, biết viết. Cái vinh dự đó thì tượng đồng, bia đá nào cũng không bằng” [35]

Trên cơ sở nghiên cứu về đề tài, tác giả đã tiếp cận từ ba mảng kiến thức cơ bản về vấn đề ĐĐNN của đội ngũ giảng viên hiện nay như sau:

1. Mảng thứ nhất: Đó là những công trình nghiên cứu công phu của những nhà khoa học ở Việt Nam về đạo đức và ĐĐNN như: Tác giả Nguyễn Cảnh Toàn cho rằng “Tri thức có thể có được bằng cách luyện tập cấp tốc trong một thời gian ngắn nhưng phẩm chất nghề nghiệp thì không thể có được trong ngày một, ngày hai. Những phẩm chất đó muốn có được phải tổ chức giáo dục chặt chẽ ngay từ khi sinh viên mới bước vào trường” [45]. Trong bài

viết của mình tác giả nhấn mạnh giáo dục phẩm chất nghề nghiệp là một công việc lâu dài, khó khăn, phức tạp.

Hai tác giả khác là Phạm Khắc Chương và Hà Nhật Thăng, trên cơ sở phân tích các giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam trong lịch sử giáo dục, đã chỉ ra một số phẩm chất của người thầy giáo “Thầy giáo là người giàu lòng nhân ái, sống mẫu mực, đạo đức trong sáng, không tham công danh, phú quý. Có thể nói cái tâm, cái trí của thầy giáo là tấm gương sáng của con người trong các thời kỳ lịch sử” [12, tr. 94]. Chính vì những phẩm chất đó theo tác giả “Mọi người đối xử với thầy với cả tấm lòng kính mến khi gọi là thầy giáo, người đi học thì xưng là con. Khi nhà thầy có việc, các trò đến lo lắng giúp đỡ như việc của nhà mình” [12, tr. 94].

Cuối cùng, những phẩm chất ĐĐNN của người giáo viên phải có được thể hiện rất rõ trong Luật Giáo dục sửa đổi được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua năm 2005. Luật Giáo dục ghi rõ “Nhà giáo cần phải có tiêu chuẩn sau đây: Phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt, đạt trình độ chuẩn đào tạo về chuyên môn và nghiệp vụ; đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; lý lịch bản thân rõ ràng” [31]. Như vậy, vấn đề ĐĐNN cần được quy định cụ thể và rõ ràng trong các văn bản pháp quy để đảm bảo người giáo viên có cách ứng xử và đạo đức phù hợp với nghề dạy học. Tác giả cho rằng cần phải xây dựng “Luật Giáo viên”. Đây là cách tiếp cận ĐĐNN rất phù hợp trong tình hình hiện nay.

Qua việc phân tích các quan điểm về hệ thống hóa kết quả nghiên cứu các tác giả nêu trên, chúng tôi nhận thấy:

Mặc dù không đưa ra các khái niệm ĐĐNN, nhưng các tác giả đều đề cập đến những biểu hiện và nội hàm của khái niệm này. Các tác giả cho rằng ĐĐNN của người thầy giáo bao gồm: Lòng yêu nghề, mến trẻ, thế giới quan khoa học và nhân sinh quan đúng đắn, lý tưởng nghề nghiệp, niềm tin vào thế

hệ trẻ, ý chí và nghị lực vượt khó khăn để hoàn thành tốt các nhiệm vụ dạy học và giáo dục.

2. Mảng thứ hai: Những tài liệu nghiên cứu về bối cảnh kinh tế thị trường và tính hai mặt của nó.

Tác giả Nguyễn Quang Uẩn đã đề cập đến vấn đề đạo đức nghề trong bối cảnh kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay. Tác giả đưa ra khái niệm “Đạo đức nghề” là “Trong xã hội hiện đại với nền kinh tế thị trường, đối với các ngành nghề khác nhau ở những quốc gia khác nhau người ta đều coi trọng đạo đức nghề, như nghề y có y đức, nghề giáo có đạo đức nhà giáo, các nghề kinh doanh có chữ tín” [51].

Đất nước ta thực hiện nền kinh tế thị trường gần 30 năm. Các khái niệm về nhân cách, phẩm chất, nghề nghiệp của người giáo viên cũng đã có rất nhiều thay đổi. Song, vẫn chưa có công trình khoa học nào đánh giá một cách khoa học và toàn diện và sâu sắc những ảnh hưởng tích cực cũng như tiêu cực của kinh tế thị trường đối với đạo đức nghề nghiệp của nghề sư phạm và dĩ nhiên trong tình hình mới chúng ta vẫn chưa có được những biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp mới, phù hợp với nền kinh tế thị trường.

3. Mảng thứ ba: Các công trình nghiên cứu về ĐĐNN của nhà giáo, giảng viên đại học, cao đẳng.

Tác giả Trần Trọng Thủy đã dành nhiều thời gian để nghiên cứu vấn đề giáo dục đạo đức. Tác giả nhận xét “Sinh viên ra nghề có một số hành trang văn hóa cơ bản nhưng còn khá lúng túng về tay nghề và mơ hồ về lý tưởng” [47]. Trong bài viết đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục tháng 1/1993, tác giả đã chỉ ra một số phẩm chất đạo đức mà sinh viên mới ra trường phải có lòng yêu nghề, lòng mến trẻ và nhất là phải có lý tưởng. Lý tưởng ở đây chính là lý tưởng đào tạo thế hệ trẻ trở thành những công dân có ích cho xã hội.

Trong cuốn “Tâm lý học” do Nhà xuất bản Giáo dục phát hành năm 1995, tác giả Phạm Minh Hạc đã dành toàn bộ chương VIII để đề cập đến người thầy giáo, đó là năng lực và đạo đức. Trong cuốn “Giáo dục Việt Nam trước ngưỡng cửa thế kỷ XXI”, tác giả cho rằng “Nhân cách của người thầy giáo là một nhân tố đảm bảo chất lượng giáo dục” [18]. Trong tài liệu này, tác giả cũng đề cập đến lao động sư phạm và người thầy giáo cần có một số phẩm chất như cần cù, chăm chỉ, khoa học trên nền tảng yêu nghề và yêu người. Kết quả nghiên cứu của tác giả Phạm Minh Hạc về nhân cách người thầy giáo là điều kiện và cơ sở quan trọng trong việc xác định nội hàm khái niệm ĐĐNN của nghề dạy học. Tuy nhiên, trong điều kiện thực hiện nền kinh tế thị trường và xu thế hội nhập sâu, rộng với thế giới và khu vực cần có những nghiên cứu tập trung vào nội dung kinh tế thị trường và xu thế hội nhập để xác định những đặc điểm mới, điển hình của đạo đức nghề nghiệp của nghề dạy học.

3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn

- Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận văn là phân tích các vấn đề lý luận về ĐĐNN, làm rõ thực trạng của ĐĐNN của đội ngũ giảng viên các trường đại học, cao đẳng ngành xây dựng tại Hà Nội trong bối cảnh kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay, từ đó những đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ này.

- Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục đích trên, luận văn thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu sau đây:

- Phân tích làm rõ một số vấn đề lý luận của ĐĐNN của giảng viên đại học (ĐH) và cao đẳng (CĐ) ở Việt Nam hiện nay
- Làm rõ thực trạng và những vấn đề đặt ra của ĐĐNN giảng viên các trường đại học, cao đẳng ngành xây dựng tại Hà Nội trong bối cảnh kinh tế thị trường ở Việt Nam.

- Đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao ĐĐNN cho đội ngũ giảng viên các trường đại học, cao đẳng ngành xây dựng tại Hà Nội trong bối cảnh kinh tế thị trường ở Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

- Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là ĐĐNN của đội ngũ giảng viên các trường đại học, cao đẳng ngành xây dựng tại Hà Nội trong bối cảnh nền kinh tế thị trường ở Việt Nam.

- Phạm vi giới hạn của luận văn

- + Luận văn giới hạn việc nghiên cứu trong phạm vi một số trường cao đẳng đại học, cao đẳng ngành xây dựng tại Hà nội.

- + Căn cứ từ nội dung của đề tài, tác giả tiến hành điều tra thực trạng đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên các Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội, CĐ Xây dựng số1 Hà Nội, CĐ xây dựng Công trình đô thị Hà Nội.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

- Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận của luận văn là chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức. Ngoài ra, luận văn cũng sử dụng những quan điểm, đường lối cũng như những chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về đạo đức và ĐĐNN, những chuẩn mực của nghề giáo viên, giảng viên.

- Phương pháp nghiên cứu

Luận văn đã sử dụng các phương pháp của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử như những phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp so sánh, phương pháp thống kê, điều tra xã hội học và các phương pháp chuyên ngành và liên ngành khác.

Chúng tôi thu thập ý kiến các nhà khoa học giáo dục, chuyên gia giáo dục, cán bộ giảng dạy có thâm niên và kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục đạo đức nghề nghiệp.

5. Những đóng góp của luận văn

- Phát hiện những nội dung mới trong ĐĐNN của nghề dạy học trong điều kiện thực hiện nền KTTT ở Việt Nam; và những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của nền kinh tế thị trường đối với ĐĐNN . Đây là tiêu chuẩn quan trọng để xây dựng hệ thống ĐĐNN của nghề dạy học
- Phát hiện những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của nền KTTT đối với đạo đức và ĐĐNN của giảng viên.
- Đề xuất đổi mới, bổ sung, hoàn thiện hơn một số biện pháp đang sử dụng cho phù hợp với điều kiện thực hiện nền KTTT ở Việt Nam và đề xuất những biện pháp nâng cao đạo đức nghề nghiệp mới.

6. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, Luận văn được trình bày trong 2 chương 6 tiết.

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA GIẢNG VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

1.1. Khái niệm “đạo đức nghề nghiệp”

1.1.1. Khái niệm và các loại hình cơ bản của đạo đức nghề nghiệp

- Khái niệm đạo đức nghề nghiệp

+ Đạo đức

Đạo đức là một vấn đề dành được sự quan tâm của nhiều lĩnh vực khoa học và của nhiều nhà khoa học. Mỗi lĩnh vực khoa học, nhà khoa học lại đề cập đến đạo đức ở những khía cạnh với những phạm vi nội dung khác nhau: Trong các Giáo trình về đạo đức học, có đưa ra một số định nghĩa, quan điểm về đạo đức như sau:

Một là: “Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, là tổng hợp những quy tắc, những nguyên tắc, chuẩn mực xã hội, nhờ nó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với lợi ích, hạnh phúc của con người và tiến bộ xã hội trong quan hệ giữa con người với con người, giữa cá nhân và xã hội” [11; tr.8].

Hai là: “Đạo đức là toàn bộ những quy tắc, chuẩn mực nhằm điều chỉnh và đánh giá cách ứng xử của con người với nhau trong quan hệ xã hội và quan hệ với tự nhiên” [11; tr.9].

Ba là: “Đạo đức là hệ thống những quy tắc, chuẩn mực biểu hiện sự tự giác trong quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với cộng đồng xã hội, với tự nhiên và với bản thân mình” [11; tr.9].

Trong Luận án Tiến sĩ Giáo dục học của tác giả Nguyễn Anh Tuấn “Đạo đức bao gồm những chuẩn mực hành vi đạo đức của con người theo hướng thiện, tránh hướng ác. Mỗi một xã hội, mỗi một nhóm xã hội và một cá nhân có thể lý giải cái thiện và cái ác theo những cách khác nhau tùy thuộc vào quan niệm sống và lợi ích của mình” [48; tr.32].

Trong Từ điển Triết học thì “Đạo đức là một trong những hình thái sớm nhất của ý thức xã hội, bao gồm những nguyên lý (đạo lý), qui tắc, chuẩn mực điều tiết hành vi của con người trong mối quan hệ với người khác và với cộng đồng (gia đình, làng xóm, giai cấp, dân tộc hay toàn bộ xã hội). Căn cứ vào những qui tắc ấy, người ta đánh giá hành vi, phẩm giá của mỗi người bằng các quan niệm về *thiện* và *ác*, *chính nghĩa* và *phi nghĩa*, *nghĩa vụ*, *danh dự*” [34, tr.145].

Trong giáo trình Triết học Mác - Lênin “ý thức đạo đức là toàn bộ những quan niệm về thiện và ác, lương tâm, trách nhiệm, hạnh phúc, công bằng... và về những quy tắc đánh giá, điều chỉnh hành vi ứng xử giữa cá nhân với xã hội, giữa cá nhân với cá nhân trong xã hội” [4, tr.444].

Từ các định nghĩa, quan niệm về đạo đức trên cho thấy, đạo đức có ba thành phần cơ bản: Một là, ý thức hay lý tưởng đạo đức bao gồm những tư tưởng, quan điểm, quan niệm về đạo đức; hai là, quan hệ đạo đức - đó là mối quan hệ lấy lợi ích làm nền tảng và ba là, thực tiễn đạo đức được thể hiện qua các hành vi ứng xử giữa con người với con người và giữa con người với cộng đồng người.

Có rất nhiều định nghĩa về đạo đức, nhưng tựu chung lại, dù theo cách định nghĩa nào thì đạo đức cũng được xem là một hiện tượng xã hội, thực hiện các chức năng cơ bản sau: Chức năng định hướng giáo dục, chức năng điều chỉnh hành vi và chức năng kiểm tra, đánh giá.

Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội có quan hệ chặt chẽ với các hình thái ý thức xã hội khác: Chính trị, pháp luật, khoa học, tôn giáo. Đạo đức thể hiện ở các quan niệm về thiện và ác, hạnh phúc, nghĩa vụ, lương tâm, danh dự, lẽ công bằng,... Những phạm trù này xoay quanh hạt nhân là những nguyên lý và các khái niệm, phạm trù triết học cơ bản và biểu thị cụ thể thành một hệ thống chuẩn mực đạo đức. Hệ thống chuẩn mực này cũng thay đổi tùy theo sự thay đổi của chế độ chính trị - xã hội và sự biến đổi của điều kiện kinh

tế. Tuy nhiên, giữa các hình thái kinh tế - xã hội, chế độ chính trị - xã hội khác nhau thì vẫn có những quan niệm về chuẩn mực đạo đức giống nhau. Về cơ bản, “xã hội nào thì đạo đức ấy”. Trong đạo đức của các chế độ chính trị - xã hội khác nhau cũng có một số vấn đề được gọi là “tính nhân loại phổ biến của đạo đức”. Ví dụ như: Lòng nhân ái, lương tâm; lòng tự trọng, khiêm tốn, lễ độ... Hệ thống các quan niệm, chuẩn mực đạo đức được biểu hiện, tồn tại dưới hình thức những hành vi và thực tiễn đạo đức sống động của những cá nhân cụ thể vận hành ý thức đạo đức ấy và kết đọng biểu hiện trong nền văn hóa - xã hội, đặc biệt trong lối sống, phong tục tập quán, ca dao, tục ngữ, cách đối nhân xử thế,... trong học thuyết (tư tưởng) về đạo đức.

Đạo đức của mỗi con người được thể hiện thông qua hành vi đạo đức. Hành vi đạo đức là hành động tự giác được thúc đẩy bởi một động cơ có ý nghĩa về mặt đạo đức. Hành vi đạo đức chịu sự quy định bởi các yếu tố tâm lý: Chủ thể hành vi đạo đức (toàn thể nhân cách cụ thể và giáo dục đạo đức thông qua tổ chức cho người được giáo dục tham gia vào các hành vi đạo đức và giáo dục toàn bộ nhân cách cho con người); tính sẵn sàng hành động có đạo đức; niềm tin đạo đức; xu hướng đạo đức; phẩm chất, ý chí và phương thức hành vi. Hành vi đạo đức có mối quan hệ chặt chẽ với nhu cầu đạo đức. Nhu cầu đạo đức là một bộ phận trong hệ thống nhu cầu cá nhân. Trong mỗi một điều kiện nhất định, nhu cầu đạo đức sẽ nổi bật lên và dần xác định được đối tượng để thỏa mãn nhu cầu đó. Khi đối tượng được xác định tức là động cơ đạo đức được hình thành. Động cơ đạo đức chính là yếu tố thúc đẩy chủ thể thực hiện hành vi đạo đức. Trong quá trình đó, nhân cách của con người được bộc lộ và hình thành.

+ *Nghề nghiệp*

Theo từ điển Tiếng Việt, “Nghề nghiệp là một công việc mà người ta thực hiện trong suốt cuộc đời” [9; tr.456]. Ví dụ: Nghề dạy học, nghề Y, nghề

kinh doanh... Nghề nghiệp không chỉ đảm bảo cuộc sống mà còn tôn vinh con người làm việc trong lĩnh vực nghề nghiệp đó.

Nghề nghiệp không chỉ là phương tiện để sống mà còn là điều kiện, địa bàn để mỗi người cống hiến sức lực, trí tuệ cho xã hội. Để nghề nghiệp đó đóng góp nhiều nhất cho xã hội thì cần có những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Do đặc trưng nghề nghiệp khác nhau, hệ giá trị mà mỗi nghề nghiệp hướng tới là không giống nhau nên chuẩn mực đạo đức của mỗi nghề sẽ khác nhau trong những nguyên tắc, tiêu chí cụ thể hoặc mức độ yêu cầu đối với mỗi chuẩn mực có thứ bậc ưu tiên khác nhau. Nghề giáo từ ngàn xưa đã được cha ông ta tôn kính gọi là “nghề cao quý nhất trong các nghề cao quý”. Người đi giảng dạy được gọi là thầy và được coi là những “kỹ sư tâm hồn”, không chỉ dạy chữ mà còn dạy người, hình thành và phát triển nhân cách cho người học. Xã hội càng tôn trọng người giáo viên thì cũng càng đòi hỏi rất cao ở họ cả về năng lực lẫn phẩm chất, đạo đức. Bởi lẽ chất lượng cuối cùng của sự giáo dục chính là sự phát triển nhân cách của người học, đó là sự tác động tổng hợp của cả năng lực, tri thức lẫn đạo đức của người thầy. Do đó, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở: “Giáo viên phải chú ý cả tài, cả đức, tài là văn hóa, chuyên môn, đức là chính trị. Muốn cho học sinh có đức thì giáo viên phải có đức”. Vì vậy, nhiều vấn đề mang tính đạo đức cá nhân, xã hội chưa bị phê phán thì đối với nhà giáo, đó lại là điều xã hội không chấp nhận. Con người được coi là động lực và mục tiêu của sự phát triển. Vì vậy sự nghiệp “trồng người” có một vai trò đặc biệt quan trọng.

Trong xã hội có nhiều nghề, mỗi nghề cần có quy tắc, chuẩn mực đạo đức đặc trưng, nhất là những hoạt động nghề nghiệp mang tính chuyên môn hóa cao, liên quan đến con người càng cần có những yêu cầu về đạo đức mực thước hơn, như “đạo đức nhà báo”, “đạo đức kinh doanh”, “đạo đức công chức”...

- Các loại hình cơ bản của đạo đức nghề nghiệp

Bất cứ một loại hình nghề nghiệp nào cũng có đối tượng quan hệ trực tiếp của nó. Dựa trên điểm này, người ta đã chia nghề nghiệp thành bốn loại sau:

- + Nghề quan hệ với kỹ thuật (thợ lắp máy, sửa chữa máy móc, gia công)
- + Nghề quan hệ với tín hiệu (thợ sắp chữ, sửa bản in, đánh máy, mật mã).
- + Nghề quan hệ với động vật và thiên nhiên (chăn nuôi, thú y, địa chất).
- + Nghề quan hệ trực tiếp với con người (cán bộ quản lý, tuyên huấn, thầy thuốc, bán hàng, sư phạm, hướng dẫn viên du lịch).

Dựa trên trình độ chuyên môn đòi hỏi, có thể phân loại nghề nghiệp như sau:

+ Các nghề không chuyên môn hóa: Những nghề này chỉ cần sự thích ứng trong khoảng thời gian ngắn với những yêu cầu của lao động thấp (chỉ cần đạt được một số ít tri thức và kỹ xảo nghề nghiệp). Ví dụ: Nghề bốc dỡ; vận chuyển nguyên liệu; vật liệu. Đây là những nghề sử dụng việc mang, vác trực tiếp hoặc nhờ các phương tiện nửa cơ giới.

+ Các nghề nửa chuyên môn hóa (là những nghề đòi hỏi một trình độ chuyên môn hạn chế, các tri thức và kỹ xảo nghề nghiệp chỉ đủ để thực hiện những thao tác đơn giản hay những thao tác được chuyên biệt hóa một cách chặt chẽ).

+ Các nghề chuyên môn hóa (là những nghề đòi hỏi một quá trình đào tạo nghề nghiệp chính quy, cá nhân được nhận chứng chỉ công nhận tay nghề do các cơ sở đào tạo cấp. Trên cơ sở đó, người lao động được nhận vào làm việc thuộc lĩnh vực nghề nghiệp tương ứng. Các chứng chỉ nghề nghiệp có thể chứng nhận một trình độ chuyên môn ở mức cơ sở, trung cấp và đại học).

Lựa chọn nghề nghiệp là một vấn đề có ý nghĩa quan trọng không chỉ đối với cá nhân mà đối với cả xã hội. Nó không chỉ đơn thuần là sự lựa chọn một công việc cụ thể nào đó để nuôi sống bản thân, đóng góp cho gia đình và xã hội, mà đó là sự lựa chọn một cách sống, lối sống cho tương lai. Thực tế cho thấy, không phải tất cả thanh niên, sinh viên đều lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp.

Theo các chuyên gia về tư vấn nghề nghiệp, có hai nguyên nhân dẫn đến sai lầm trong lựa chọn nghề nghiệp, đó là:

Thứ nhất, thái độ không đúng đối với các tình huống khác nhau của việc chọn nghề nghiệp, cụ thể: Thái độ đối với việc chọn nghề nghiệp như là đối với việc lựa chọn một nơi cư trú suốt đời; những thành kiến về nghề nghiệp, ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp của nghề nghiệp, sự say mê chỉ xuất phát từ mặt bên ngoài hay một mặt cục bộ nào đó của nghề nghiệp.

Thứ hai, thiếu tri thức, kinh nghiệm, thông tin về các tình huống nghề nghiệp, cụ thể đồng nhất môn học với nghề nghiệp, những biểu tượng lỗi thời về tính chất lao động của lĩnh vực nghề nghiệp; không hiểu về năng lực và động cơ của bản thân; không đánh giá đúng về những đặc điểm thể chất, thiếu sót của bản thân khi lựa chọn nghề nghiệp. Việc lựa chọn nghề nghiệp là rất quan trọng và phức tạp. Về phía cá nhân phải có sự lựa chọn một cách tự giác, có suy nghĩ chín chắn. Về phía xã hội cần có sự hướng dẫn, định hướng nghề nghiệp trên cơ sở kết hợp các yếu tố: Nguyên vọng, năng lực của cá nhân; những đòi hỏi của nghề nghiệp; những yêu cầu của xã hội đối với các loại hình nghề nghiệp. Đào tạo nghề nghiệp được hiểu là toàn bộ các quá trình học tập của con người và những tích lũy của cá nhân về kiến thức, kỹ xảo và các đặc điểm tâm lý. Ngoài ra, đào tạo nghề nghiệp còn được hiểu là toàn bộ các hoạt động, được triển khai theo cá nhân hay tập thể, một cách ngẫu nhiên hay có tổ chức. Đào tạo nghề nghiệp được tiến hành thông qua các hình thức sau: Dạy nghề, hoàn thiện nghề nghiệp, chuyên môn hóa nghề nghiệp, đào tạo bằng kinh nghiệm thông tin nghề nghiệp. Ba hình thức đầu được xem là các giai đoạn của việc đào tạo nghề nghiệp chính quy. Hai hình thức sau có thể gặp cả trong việc đào tạo nghề nghiệp chính quy và trong đào tạo nghề nghiệp phi chính quy. Trong các hình thức trên, dạy nghề là quan trọng nhất. Dạy nghề là hoạt động trang bị cho người học kiến thức tối thiểu, các kỹ năng, kỹ xảo và những đặc điểm nhân cách để thực hiện một loại hình nghề nghiệp nhất định.

1.1.2. Các quan niệm khác nhau về đạo đức nghề nghiệp

Mỗi một loại hình nghề nghiệp luôn đặt cho những người trong lĩnh vực nghề nghiệp đó những yêu cầu, quy tắc, chuẩn mực mà họ phải tự giác thực hiện. Vậy, đạo đức nghề nghiệp là hệ thống các chuẩn mực đạo đức phản ánh những yêu cầu, đòi hỏi của xã hội, của bản thân nghề nghiệp đối với người làm việc trong lĩnh vực nghề nghiệp đó, giúp họ hoàn thành nhiệm vụ của mình với kết quả cao nhất. Như vậy, có bao nhiêu loại nghề nghiệp thì cũng có bấy nhiêu loại đạo đức nghề nghiệp. Ví dụ: Đạo đức nghề nghiệp của người giáo viên, công an nhân dân, bác sỹ, kỹ sư, huấn luyện viên, vận động viên thể thao. Đạo đức nghề nghiệp luôn thể hiện thông qua hành vi nghề nghiệp và kết quả lao động. Đạo đức nghề nghiệp thực hiện các chức năng sau đây:

- Định hướng giáo dục những người làm trong nghề nghiệp để họ có được những phẩm chất phù hợp với xã hội, với nghề nghiệp;
- Điều chỉnh hành vi của người làm việc trong nghề nghiệp phải tuân thủ những quy tắc, chuẩn mực của lĩnh vực đó.

ĐĐNN có quan hệ chặt chẽ với năng lực nghề nghiệp, chúng kết hợp với nhau, biểu hiện thông qua nhau, tạo nên nhân cách cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nghề nghiệp nào đó. Các phẩm chất nghề nghiệp là cơ sở để hình thành các năng lực nghề nghiệp. Ví dụ: Tình yêu đối với nghề nghiệp làm cho cá nhân hăng say, tích cực, sáng tạo trong nghề nghiệp, là một trong những cơ sở để hình thành các năng lực nghề nghiệp. Đồng thời năng lực nghề nghiệp sau khi được hình thành và rèn luyện lại có ảnh hưởng đối với việc hình thành các chuẩn mực về đạo đức trong lĩnh vực nghề nghiệp nào đó. Tuy nhiên, không phải lúc nào cũng có thể phân biệt một cách rõ ràng đâu là đạo đức nghề nghiệp, đâu là năng lực nghề nghiệp, vì chúng thường đan xen, hòa quyện vào nhau tạo nên một chỉnh thể thống nhất là nhân cách của cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nghề nghiệp đó.

Vậy, tư tưởng về người thầy giáo với những yêu cầu cao về đạo đức đã hình thành rất sớm trong lịch sử giáo dục nhân loại. Khổng Tử (551 – 479 TCN) là nhà giáo dục vĩ đại người Trung Hoa. Ông cho rằng, người thầy giáo trước hết phải là người mẫu mực về đạo đức. Muốn vậy, thầy giáo phải thường xuyên “sửa mình theo lễ” phải “dạy không biết mỏi” để học trò không biết chán và tình cảm thầy trò gắn bó như tình cảm cha con. Như vậy, Khổng Tử đánh giá cao vai trò đạo đức của người thầy; trong đó coi trọng đến thái độ, quan hệ tốt đẹp đối với người xung quanh. Ông coi “Tu thân” là một nguyên tắc giáo dục đạo đức là biện pháp cơ bản để trao dồi, phát triển đạo đức của người thầy [41, tr. 53 - 63].

Usinxki (1824 – 1870) nhà sư phạm dân chủ người Nga cho rằng, “thầy giáo là khâu sống giữa quá khứ và tương lai, sự nghiệp của người thầy giáo là sự nghiệp vĩ đại nhất trong lịch sử”. Đánh giá cao vai trò của người thầy giáo trong sự nghiệp giáo dục, ông là người đầu tiên đề xuất ý tưởng thành lập trường sư phạm, trường chuyên làm nhiệm vụ đào tạo giáo viên [41, tr.112].

C. Mác và Ph. Ăngghen là những người đầu tiên đặt nền móng cho sự hình thành, phát triển của đạo đức mới – đạo đức cộng sản nói chung và phẩm chất nhân cách của nhà giáo dục nói riêng. C. Mác đã từng nhấn mạnh: “bản thân nhà giáo dục cũng cần phải được giáo dục” [32, tr.10].

Kế tục những tư tưởng của Mác và Ăngghen về đạo đức, V.L Lênin đã khái quát về nguyên tắc chuẩn mực đạo đức. Theo Lênin nguyên tắc chuẩn mực đạo đức bao gồm:

Thứ nhất, chủ nghĩa tập thể (đây là chuẩn mực nguyên tắc hàng đầu của đạo đức mới).

Thứ hai, lao động tự giác, sáng tạo.

Thứ ba, chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản cao cả.

Thứ tư, chủ nghĩa nhân đạo cộng sản.

Về việc bồi dưỡng, rèn luyện đạo đức của nhà giáo; Lênin cho rằng: Người thầy giáo trong nhà trường xã hội chủ nghĩa cũng cần phải có các chuẩn mực đạo đức trên đây; tuy nhiên, do yêu cầu của nghề nghiệp nên các chuẩn mực đạo đức của người thầy giáo phải được phản ánh mang tính đặc thù hơn.

Ở Việt Nam, giá trị của “đạo làm thầy” đã được hun đúc từ rất sớm trong lịch sử, gắn liền với truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, “tôn sư trọng đạo” đã trở thành giá trị văn hóa của dân tộc. Nhà bác học Lê Quý Đôn đã từng nói: “Phi trí bất hưng”, nghĩa là quốc gia muốn hưng thịnh thì không thể không quan tâm đến sự nghiệp giáo dục. Còn Phan Bội Châu thì chỉ rằng, giáo dục là sinh mệnh của mỗi quốc gia, “giáo dục là cái gốc rễ để gây nền chính trị” (Phan Bội Châu). Giá trị của “đạo làm thầy” đã được hun đúc từ rất sớm trong lịch sử, gắn liền với truyền thống “uống nước nhớ nguồn” “tôn sư trọng đạo” đã trở thành giá trị văn hóa của dân tộc. Các bậc “hiền tài” vốn là “nguyên khí” của quốc gia. Giá trị đạo đức và những chuẩn mực của Nho giáo đã phản ánh giá trị của người thầy trong xã hội cũ. Danh tiếng thầy giáo Chu Văn An, nhà giáo dục tài đức trọn vẹn, nhất mực thương yêu học trò như con đẻ; song ông lại rất nghiêm khắc, đòi hỏi rất cao ở học trò cũng như ở chính mình. Bên cạnh việc trau dồi kiến thức, ông đặc biệt quan tâm đến việc rèn luyện đạo đức cho học trò và đến nay vẫn là hình ảnh người thầy cao quý, tiêu biểu cho hình ảnh của người thầy của dân tộc ta.

Sinh thời chủ tịch Hồ Chí Minh thường nhắc nhở đội ngũ giáo viên phải coi trọng đạo đức là yếu tố nền tảng của người cách mạng. Là người thầy của nền giáo dục hiện đại Việt Nam, Hồ Chí Minh thường đánh giá cao công lao của các thầy, cô giáo. Người nói: “Nếu không có thầy dạy dỗ cho con em nhân dân, thì làm sao mà xây dựng chủ nghĩa xã hội được? Vì vậy nghề thầy giáo rất quan trọng và rất vẻ vang...”. Bác thường nhắc nhở các thầy, cô giáo: “Dạy cũng như học phải biết chú trọng cả tài lẫn đức. Đức là đạo đức cách mạng. Đó là cái gốc,

rất quan trọng. Nếu không có đạo đức cách mạng thì có tài cũng vô dụng. Đạo đức cách mạng là triết để trung thành với cách mạng” [33, tr.329].

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là vị lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt Nam, Người còn là nhà giáo dục tiêu biểu, đặc biệt quan tâm đến giáo dục đạo đức, Người đã dày công xây dựng nên những giá trị, chuẩn mực đạo đức mới một cách toàn diện và sâu sắc trên mọi lĩnh vực hoạt động, cho mọi đối tượng; nghề nghiệp, cương vị công tác; đồng thời người là tấm gương sáng về rèn luyện phẩm chất đạo đức của người cách mạng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi trọng và dành sự quan tâm đặc biệt đối với sự trau dồi, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của người làm công tác giáo dục, Người cho rằng tự trau dồi đạo đức là nguyên tắc để phát triển các phẩm chất đạo đức cách mạng. Không chỉ vạch ra cho các thầy cô giáo cách thức tu dưỡng, rèn luyện đạo đức nhà giáo, Hồ Chí Minh còn chỉ ra trách nhiệm của trường sư phạm với vai trò là đầu ngành giáo dục.

Cố thủ tướng Phạm Văn Đồng là người luôn dành sự quan tâm đặc biệt cho sự nghiệp giáo dục của dân tộc ta. Đối với người thầy giáo và nghề dạy học, ông cho rằng, nghề thầy giáo là nghề cao quý nhất trong những nghề cao quý, là nhân tố quyết định chất lượng giáo dục; đóng vai trò chủ đạo, tổ chức, điều khiển quá trình hình thành nhân cách con người, giúp học sinh lĩnh hội kiến thức, kỹ năng; hình thành thái độ, rèn luyện hành vi thói quen đạo đức, phát triển hoạt động trí tuệ. Vì thế ông đòi hỏi “thầy ra thầy” phải “sẵn sàng” cống hiến cuộc đời, tâm hồn, trí tuệ, tài năng của mình, phong cách làm việc và những thành quả của mình vào sự nghiệp giáo dục cao quý, coi đó là lẽ sống[17, tr.38]. Theo hướng này, nhà giáo phải luôn phấn đấu để khẳng định vị thế của mình; tích cực học hỏi, trau dồi hiểu biết, rèn luyện đạo đức, không ngừng phấn đấu vươn lên.

Khẳng định về vị trí, vai trò của nhà giáo đối với sự nghiệp giáo dục – đào tạo, Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII xác định: “Giáo viên là nhân tố

quyết định chất lượng của giáo dục và được xã hội tôn vinh. Giáo viên phải có đủ đức, tài” [15, tr.38]. Vì vậy, cần phải: “Phát triển đội ngũ giáo viên, coi trọng chất lượng đội ngũ sư phạm, cải thiện chế độ đãi ngộ tốt đối với nhà giáo” [16, tr.204]. Luật giáo dục hiện hành quy định “Nhà giáo phải có những tiêu chuẩn sau đây: Phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt, đạt trình độ chuẩn đạt trình độ chuyên môn nghiệp vụ; lý lịch bản thân rõ ràng”. Cụ thể hóa các quan điểm trên đây: Chiến lược phát triển giáo dục đã nhấn mạnh đến việc cần phải: “Đổi mới chương trình đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, chú trọng việc rèn luyện, giữ gìn và nâng cao phẩm chất đạo đức nhà giáo” [43, tr.30].

Ngày nay Đảng và Nhà nước ta cũng xác định: “giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu”. Nhiệm vụ của giáo dục là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đào tạo ra những con người mới, có kiến thức, có phẩm chất cách mạng, có kỹ năng để xây dựng và bảo vệ đất nước. Đảm trách sứ mệnh quan trọng và thiêng liêng đó không ai khác chính là đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, những người vẫn được xã hội tôn vinh trong sự nghiệp “trồng người”. Đạo đức của nhà giáo có ảnh hưởng to lớn đến việc hình thành nhân cách, đạo đức của người học. Bởi vậy việc nâng cao phẩm chất đạo đức của nhà giáo là vấn đề vô cùng quan trọng đặt ra ở bất cứ thời nào, nhất là trong giai đoạn hiện nay.

Trong một công trình nghiên cứu có hệ thống về Triết học giáo dục Việt Nam, tác giả Thái Duy Tuyên đưa ra khẳng định hết sức quan trọng: “Người thầy giáo quyết định chất lượng giáo dục, thậm chí không có thầy thì không có lớp, không có giáo dục” [50, tr.96]; vì thế người thầy giáo cần phải có đạo đức nghề nghiệp tốt. Đạo đức tốt mà tác giả đã đề cập là phải yêu quý học sinh, hết lòng vì sự nghiệp giáo dục của nhân dân, nghiêm khắc với bản thân, luôn luôn gương mẫu trong công việc và đời sống cá nhân [50, tr.112]. Đó là những chuẩn mực đạo đức rất cơ bản và hết sức cần thiết đối với nhà

giáo, tuy nhiên công trình nghiên cứu chưa xác định những biện pháp giáo dục, rèn luyện các phẩm chất trên.

Tác giả Hà Nhật Thăng khi nghiên cứu những giá trị đạo đức của nhà giáo Việt Nam đã rút ra kết luận: Ở mỗi giai đoạn, tuy có những đặc thù riêng, thể hiện ở mức độ khác nhau, nhưng các tầng lớp thầy giáo ở các vùng, các dân tộc khác nhau trên đất nước Việt Nam đều có chung những đặc trưng cơ bản là:

Có lòng nhân ái, vị tha, có tình cảm dân tộc sâu sắc và tự trọng cao.

Trung thực, thẳng thắn, lao động hết mình vì sự nghiệp tiến bộ của xã hội, vì sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ cho mai sau.

Ít tham vọng chính trị, đòi hỏi đãi ngộ về vật chất.

Sống lạc quan, giàu hoài bão, giấc mơ nghị lực.

Thông minh, sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp, trong cuộc sống

Lao động trí óc là lao động đặc trưng của nhà giáo, mong muốn hoàn thiện nhân cách [2, tr.103-110].

Tác giả Phạm Minh Hạc trong nghiên cứu về “Người giáo viên trước thềm thế kỷ XXI” đã đề cao lòng yêu người, yêu nghề của nhà giáo. Đây được xem là phẩm chất cao quý, là phẩm chất đặc trưng trong nhân cách người thầy, là động lực mạnh mẽ giúp giáo viên vượt qua khó khăn để thực hiện tốt chức năng người “kỹ sư tâm hồn” với tinh thần trách nhiệm cao; niềm say mê, sáng tạo và ý chí vươn lên hoàn thiện mình để cống hiến nhiều hơn cho sự nghiệp “trồng người”. Đó được coi là bí quyết bắt nguồn cho sự thành công của các giáo viên xuất sắc, vì vậy mọi nhà giáo đều phải tôn trọng nhân cách người học, biết tạo bầu không khí dân chủ trong lớp học. Ngoài ra, theo tác giả đạo đức nhà giáo còn biểu hiện ở lối sống, sự gương mẫu của người công dân, ý thức trách nhiệm với xã hội và thực sự là tấm gương cho học sinh noi theo. Xã hội còn thường đòi hỏi ở nhà giáo phong cách mô phạm trong cuộc sống.

Một số những nhà khoa học quan tâm nghiên cứu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng đạo đức nhà giáo như Nguyễn Như Ắt nghiên cứu về: “ Vai trò xã hội và chức năng của nhà giáo dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh”; Tác giả Ngô Văn Hà đã nêu rõ quan điểm Hồ Chí Minh về những phẩm chất đạo đức cơ bản của người thầy giáo là: Phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân; Yêu lao động và quý người lao động; Thương yêu học trò và yêu nghề; Có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ [19, tr.1- 3].

Những nghiên cứu trên đây chủ yếu khẳng định sự cần thiết và vai trò to lớn của đạo đức trong nhân cách nhà giáo; đồng thời đã nêu lên một số giá trị; chuẩn mực đạo đức tiêu biểu của người giáo viên mà những ai yêu mến nghề cần phải có có sự phấn đấu, rèn luyện để đạt được những phẩm chất đó.

Đạo đức cũng là một lĩnh vực quan tâm của nhiều lĩnh vực khoa học và nhiều nhà khoa học. Mỗi lĩnh vực khoa học, nhà khoa học lại có đề cập đến đạo đức ở những khía cạnh khác nhau. Mặc dù thế, đạo đức cũng được xem là một hiện tượng xã hội, thực hiện các chức năng cơ bản sau: Chức năng định hướng giáo dục, chức năng điều chỉnh hành vi và chức năng kiểm tra đánh giá.

Cuối cùng những phẩm chất đạo đức mà người giảng viên phải có cũng thể hiện rõ trong Luật giáo dục sửa đổi được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua năm 2005. Luật giáo dục ghi rõ “Nhà giáo phải có những tiêu chuẩn sau đây: Phẩm chất đạo đức; tư tưởng tốt; đạt trình độ chuẩn, đạt trình độ về chuyên môn và nghiệp vụ; đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; lý lịch bản thân rõ ràng”.

Qua việc phân tích các quan điểm khác nhau về đạo đức nghề nghiệp chúng tôi nhận thấy:

Mặc dù không đưa ra khái niệm đạo đức nghề nghiệp, nhưng các tác giả đều đề cập đến những biểu hiện và nội hàm của những khái niệm này. Các tác giả đều cho rằng đạo đức nghề nghiệp của người thầy giáo bao gồm: Lòng yêu nghề, mến trẻ, thế giới quan khoa học và nhân sinh quan đúng đắn,

lý tưởng nghề nghiệp, niềm tin vào thế hệ trẻ, ý chí và nghị lực vượt khó để hoàn thành tốt các nhiệm vụ dạy học và giáo dục.

Đất nước ta thực hiện nền kinh tế thị trường đã gần 30 năm. Các khái niệm về phẩm chất và nhân cách nghề nghiệp của người giáo viên cũng đã có rất nhiều thay đổi. Song, vẫn chưa có công trình nghiên cứu khoa học nào đánh giá một cách khoa học toàn diện và sâu sắc những ảnh hưởng tích cực cũng như tiêu cực của kinh tế thị trường đối với đạo đức nghề nghiệp của nghề dạy học.

1.2 Những đặc trưng cơ bản của đạo đức nghề nghiệp đối với giảng viên các trường ĐH, CĐ

1.2.1 Đạo đức nghề nghiệp của giảng viên ĐH, CĐ với tính cách là nhà giáo

Giáo dục nước nhà đang trong cơn chuyển mình để tìm ra con đường phát triển cho chính mình và cho cả tương lai dân tộc. Trong cuộc chuyển mình đó, đội ngũ giảng viên của các trường ĐH và CĐ đóng vai trò là những người tiên phong vì chất lượng giáo dục nói cho cùng gắn liền với chất lượng đội ngũ giảng dạy.

Định nghĩa thế nào là một giảng viên ĐH? Một giảng viên cần thực hiện những vai trò và chức năng gì? Họ cần những phẩm chất gì để thực hiện tốt những chức năng của mình? Đây là những câu hỏi khá căn bản nhưng quan trọng cần được trả lời thấu đáo bởi chính các giảng viên cũng như các nhà quản lý giáo dục. Các câu hỏi không mới và cũng đã được tiếp cận từ lâu, nhưng trong bối cảnh hiện nay khi các yếu tố kinh tế, xã hội, quốc tế có những thay đổi sâu sắc thì việc định nghĩa lại vai trò của đội ngũ giảng viên trở nên bức xúc hơn.

Hiện nay ở các trường đại học lớn ở các quốc gia phát triển, giảng viên đại học được định nghĩa trong ba chức năng chính: (1) Nhà giáo, (2) Nhà khoa học, (3) là nhà cung ứng dịch vụ cho cộng đồng.

Giảng viên = Nhà giáo + Nhà khoa học + Nhà cung ứng dịch vụ

Đây là vai trò truyền thống, nhưng quan trọng và tiên quyết đối với một giảng viên. Một giảng viên giỏi trước hết phải là một người Thầy giỏi. Thế nào là một người thầy giỏi? Phải chăng đó là một người uyên bác về kiến thức chuyên ngành mà mình giảng dạy? – Điều đó đúng nhưng chưa đủ, uyên bác về kiến thức chuyên môn mới chỉ là điều kiện cần, chứ chưa phải điều kiện đủ cho một thầy giáo giỏi.

Theo các nhà giáo dục thế giới thì một giảng viên toàn diện là người có (được trang bị) 4 nhóm kiến thức/ kỹ năng sau:

* **Kiến thức chuyên ngành:** kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành và chuyên môn học mà mình giảng dạy. Tuy nói rằng đây là điều kiện cần và tiên quyết, nhưng hiện nay do lực lượng giảng viên mỏng, ở khá nhiều trường, các giảng viên phải giảng dạy cùng một lúc nhiều môn học (dù có thể cùng một chuyên ngành hẹp) dẫn đến việc ngay cả kiến thức chuyên môn sâu cũng chưa đảm bảo.

* **Kiến thức về chương trình đào tạo:** Tuy mỗi giảng viên đều đi chuyên về một chuyên ngành nhất định, nhưng để đảm bảo tính liên thông, gắn kết giữa các môn học thì giảng viên phải được trang bị (hoặc tự trang bị) các kiến thức về cả chương trình giảng dạy. Những kiến thức này quan trọng vì nó cho biết vị trí của chúng ta trong bức tranh tổng thể, nó cung cấp thông tin về vị trí và sự tương tác giữa một chuyên ngành với các chuyên ngành khác trong cùng một lĩnh vực và kể cả giữa các chuyên ngành trong những lĩnh vực khác nhau. Khối kiến thức này quan trọng vì nếu không biết được vị trí và các tương tác trong bức tranh tổng thể, kiến thức chuyên ngành hẹp cung cấp cho sinh viên trở nên khô cứng.

Xu hướng đào tạo đại học hiện nay là đào tạo chuyên sâu kết hợp với cung cấp tư duy liên ngành, đa ngành, đa lĩnh vực (và đa văn hóa) vì chính những kiến thức này sẽ giúp người lao động thích nghi tốt trong các bối cảnh làm việc nhóm, dự án – mà ở đó họ sẽ phải cộng tác với cá nhân từ các

chuyên ngành rất khác biệt để cùng nhau giải các bài toán đa lĩnh vực.

* **Kiến thức và kỹ năng về dạy và học:** bao gồm khối kiến thức về phương pháp luận, kỹ thuật dạy và học nói chung và dạy, học trong từng chuyên ngành cụ thể. Bên cạnh phương pháp chung thì mỗi chuyên ngành (thậm chí từng môn học hoặc cùng môn học nhưng khác đối tượng học) đều có những đặc thù riêng biệt đòi hỏi phải có những phương pháp tiếp cận khác nhau.

Hiện nay chúng ta đang coi thường khối kiến thức này. Mặc dù để trở thành giảng viên chính thức, các giảng viên đại học đều phải học và thi các môn học về lý luận về phương pháp giảng dạy đại học. Tuy nhiên, quan sát cho thấy nội dung và phương pháp giảng dạy của bản thân nhóm môn học này cũng đều khá cổ điển, không được thường xuyên cập nhật và xa rời với thực tiễn giảng dạy đại học nói chung và giảng dạy trong từng chuyên ngành nhỏ nói riêng. Để thay đổi diện mạo và chất lượng dạy và học hiện nay ở các trường đại học, cần đầu tư nhiều hơn để nâng cấp phương pháp và kỹ thuật giảng dạy của giảng viên.

* **Kiến thức về môi trường giáo dục, hệ thống giáo dục, mục tiêu giáo dục, giá trị giáo dục.** Đây có thể coi là khối kiến thức cơ bản nhất làm nền tảng cho các hoạt động dạy và học. Chỉ khi mỗi giảng viên hiểu rõ được các sứ mệnh, giá trị cốt lõi, và các mục tiêu chính của hệ thống giáo dục và môi trường giáo dục thì việc giảng dạy mới đi đúng định hướng và có ý nghĩa xã hội.

Sự quay lưng, hay không nắm chắc những giá trị gốc của một nền giáo dục dẫn đến những lệch lạc trong văn hóa giáo dục. Từ chuyện quay cóp trong thi cử, vi phạm bản quyền trong học tập và nghiên cứu, tính phi dân chủ trong khoa học đến thái độ học tập và thái độ ứng xử công dân trong cuộc sống đều không được truyền thông đầy đủ và khắc họa đúng mực.

Thực tế, giảng viên đại học không trực tiếp dạy đạo đức nhưng phải xác lập được cho sinh viên nhận thức đúng đắn về các giá trị gốc của giáo dục và đạo đức, mà cụ thể là đạo đức trong từng nghề nghiệp cụ thể.

Mặt khác kiến thức về hệ thống giáo dục, sứ mệnh và các mục tiêu giáo dục còn là kim chỉ nam cho giảng viên trong soạn bài giảng, giáo trình, lựa chọn phương pháp giảng dạy cho những đối tượng khác nhau. Tình trạng khá phổ biến của các giảng viên là không phân biệt được đối tượng trong giảng dạy, một bộ giáo trình một bài giảng cho cả cao đẳng, đại học, thậm chí cả sau đại học. Điều này một phần do quán tính, phần khác do không nắm được sự khác biệt trong mục tiêu đào tạo của từng loại hình.

Có thể nói lao động sư phạm của người giáo viên là một loại lao động đặc thù. Lao động sư phạm có những đặc điểm:

- Nghề mà đối tượng quan hệ trực tiếp là con người.
- Công cụ chủ yếu là nhân cách của chính mình.
- Tái sản xuất, mở rộng sức lao động xã hội.
- Đòi hỏi tính khoa học, tính nghệ thuật và tính sáng tạo cao.

Hơn thế nữa, nghề dạy học là một nghề rất đặc biệt. Không chỉ học sinh mà cha mẹ học sinh và cả nhân dân cũng gọi là thầy bằng một lời thể hiện lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc “Thầy”. Chính vì điều này mà nghề dạy học và bản thân người Thầy giáo tự đòi hỏi mình phải có những phẩm chất đạo đức hết sức cao đẹp. Lý tưởng nghề nghiệp, yêu nghề mến trẻ, bao dung, độ lượng.

Như vậy, có thể khẳng định ĐĐNN của nghề dạy học, một bộ phận trong nhân cách sư phạm, là hệ thống các chuẩn mực đạo đức phản ánh những yêu cầu, đòi hỏi của xã hội, của nghề dạy học đối với người thầy giáo, giúp người thầy hoàn thành nhiệm vụ của mình với kết quả cao nhất.

ĐĐNN của nghề dạy học được thể hiện ở những phẩm chất sau:

- **Thế giới quan khoa học:** Đó là hệ thống các quan điểm đúng đắn và tiến bộ của người thầy giáo về thế giới. Thế giới quan khoa học được hình thành thông qua nhiều hoạt động khác nhau, đặc biệt là việc học tập hệ thống tri thức khoa học tự nhiên và xã hội cùng với các môn học của chủ nghĩa Mác

– Lênin. Nhờ có thế giới quan khoa học mà người thầy giáo có thể thực hiện tốt nhiệm vụ dạy học và giáo dục của mình. Thế giới quan là một thành tố quan trọng trong nhân cách con người, nó quyết định đến sự hình thành niềm tin chính trị và hành vi của người thầy giáo cũng như ảnh hưởng của những người thầy giáo đối với học sinh.

- **Lý tưởng đào tạo thế hệ trẻ:** Là động cơ trong nhân cách của người thầy giáo. Người thầy có lý tưởng đào tạo thế hệ trẻ là người miệt mài với công việc, sẵn sàng cống hiến hy sinh cả cuộc đời mình cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo thế hệ trẻ, là người miệt mài với công việc, sẵn sàng cống hiến hy sinh cả cuộc đời mình cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo thế hệ trẻ trở thành những người công dân chân chính, đội ngũ nhân lực, nhân tài cho đất nước. Đây chính là nội lực quan trọng giúp người thầy giáo có sức mạnh để vượt qua rất nhiều khó khăn trong công việc dạy học và giáo dục.

- **Lòng yêu nghề:** Là một phẩm chất không thể thiếu được của bất cứ ai ở trong bất cứ lĩnh vực nghề nghiệp nào. Đặc biệt với những ai theo nghề sư phạm thì phẩm chất này càng có ý nghĩa quan trọng. Lòng yêu nghề của người thầy giáo thể hiện ở sự tận tâm với công việc, sẵn sàng hy sinh, chấp nhận thiệt thòi, khó khăn để thực hiện hoạt động dạy và học.

- **Lòng yêu trò:** Là biểu hiện tập trung nhất của lòng nhân ái. Chính vì vậy, có thể nói rằng: Lòng yêu thế hệ trẻ là một phẩm chất trụ cột trong nhân cách của người thầy giáo. Nhờ có lòng yêu thế hệ trẻ, người thầy luôn có động lực để vươn lên trong công việc, say mê với công việc, tận tụy với học sinh, gần gũi và cảm thông với học sinh. Lòng yêu thế hệ trẻ càng trở nên sâu sắc khi người thầy giáo tham gia hết mình vào sự nghiệp giáo dục và đào tạo thế hệ trẻ sau này.

Việc hình thành những phẩm chất nêu trên của người thầy giáo là cả một quá trình lâu dài và phức tạp. Quá trình đó được diễn ra trong nhiều môi trường khác nhau (trường phạm, trường đào tạo nghề, gia đình, xã hội...). Sau

khi đã được hình thành thì những phẩm chất nêu trên là những cơ sở, tiền đề quan trọng cho việc hình thành các năng lực sư phạm của người thầy giáo.

Bản thân giáo dục là một hiện tượng xã hội có tính vĩnh hằng và tính lịch sử, do đó đạo đức nghề nghiệp là một khái niệm có tính lịch sử. Nghĩa là đạo đức nghề nghiệp của nghề dạy học được đặt ra và áp dụng chỉ phù hợp với một giai đoạn lịch sử nhất định, khi xã hội chuyển sang một giai đoạn mới thì đạo đức nghề nghiệp cũng phải thay đổi cho phù hợp. Trong xã hội phong kiến, việc thầy giáo có thể trừng phạt học trò không được xem là vi phạm đạo đức nghề nghiệp mà chỉ là răn bảo. Nhưng trong một xã hội mà sự tôn vinh tự do, bình đẳng ở mức cao nhất thì những hình thức trừng phạt lại là vi phạm nghiêm trọng đạo đức nghề nghiệp.

Tính vĩnh hằng thể hiện ở chỗ nghề dạy học tồn tại vĩnh hằng trong lịch sử loài người, đó các yêu cầu đòi hỏi của xã hội, nghề dạy học đối với người thầy giáo cũng vĩnh hằng. Do đó đạo đức nghề nghiệp luôn được đặt ra để điều chỉnh và đánh giá người thầy giáo. Tuy khái niệm về đạo đức nghề nghiệp có thể thay đổi nhưng phẩm chất trong đạo đức nghề nghiệp thì mãi mãi tồn tại và ngày càng được tôn vinh, đó là lòng yêu nghề, mến trẻ, bao dung, độ lượng...

Để xác định ĐĐNN, cần phân tích các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp thể hiện các quan hệ xã hội của người giáo viên. Các phẩm chất này về bản chất, là những tiêu chuẩn ĐĐNN của người giáo viên, bao gồm những việc người giáo viên phải làm, nên làm và không được phép làm:

- ***Trong quan hệ với trẻ, học sinh, sinh viên, học viên:*** Trong quan hệ này, người giáo viên thể hiện những phẩm chất sau: Luôn thương yêu và chăm sóc học sinh, sinh viên như con của mình; làm việc cống hiến tất cả trí tuệ, sức khỏe cuộc đời mình cho sự nghiệp trồng người, luôn khoan dung, độ lượng và sẵn sàng tha thứ cho học sinh, sinh viên. Nhìn nhận học sinh, sinh viên trong tương lai, trong sự phát triển. Tôn trọng nhân phẩm của học sinh,

sinh viên. Bình đẳng trong đối xử với học sinh, sinh viên. Thể hiện tình yêu đối với sự nghiệp giáo dục.

- ***Trong quan hệ với gia đình:*** Trong quan hệ này người giáo viên thể hiện phẩm chất như sau: Luôn là tấm gương sáng mẫu mực về đạo đức, lối sống cho các thành viên trong gia đình; thực hiện đầy đủ trách nhiệm của một thành viên trong gia đình; có ý thức xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc.

- ***Trong quan hệ với các đồng nghiệp:*** Trong quan hệ này người giáo viên thể hiện các phẩm chất sau: luôn có thái độ tôn trọng, có ý thức học hỏi và lắng nghe ý kiến đóng góp từ các đồng nghiệp; khiêm tốn, có thái độ thẳng thắn, trung thực, ý thức phê bình và tự phê bình; Luôn sẵn sàng giúp đỡ, xẻ chia, có ý thức cộng tác với các đồng nghiệp.

- ***Trong quan hệ với bạn bè và các quan hệ xã hội khác:*** Trong quan hệ này người giáo viên thể hiện những phẩm chất sau: Có ý thức tôn trọng mọi người. Đối xử bình đẳng và tôn trọng mọi người, lối sống trung thực, mẫu mực, giản dị, khiêm tốn, giúp đỡ mọi người.

- ***Đối với công việc:*** Người giáo viên thể hiện: Tình yêu đối với nghề nghiệp sâu sắc; tinh thần lao động nghiêm túc, chuyên nghiệp; ý thức phối hợp công tác tốt; Sẵn sàng phục vụ nhân dân, học sinh, sinh viên với tinh thần cao nhất; Sẵn sàng nhận những công việc khó khăn, phức tạp về mình.

- ***Đối với bản thân:*** Người giáo viên thể hiện: Lòng tự trọng; Nghiêm khắc đối với bản thân, có ý thức tự phê bình; Biết điều chỉnh bản thân cho phù hợp với các chuẩn mực đạo đức xã hội và chuẩn mực nghề nghiệp.

- ***Những việc giáo viên không được phép làm,*** bao gồm: Không trù dập, định kiến đối với sinh viên có khuyết điểm; không tư lợi, tham nhũng, làm giàu bất hợp pháp; Không vi phạm pháp luật, liên quan đến tệ nạn xã hội; Không vi phạm các quy định của các tổ chức chính trị - xã hội,

Như vậy, các phẩm chất ĐĐNN của người giảng viên được thể hiện thông qua các quan hệ xã hội của người giảng viên. Chính vì vậy, để xác định,

đánh giá đạo đức nghề nghiệp của người giảng viên phải đi sâu phân tích, tìm hiểu các quan hệ của họ. Các phẩm chất này không chỉ thể hiện, mà còn được hình thành và phát triển thông qua các quan hệ nêu trên. Trong số các quan hệ xã hội nêu trên của người giảng viên, phẩm chất ĐĐNN được thể hiện, hình thành và phát triển hình thành thông qua quan hệ với học sinh, sinh viên, học viên là tập trung và rõ nét nhất.

1.2.2 Đạo đức nghề nghiệp của giảng viên ĐH, CĐ với tính cách là nhà khoa học.

Ở vai trò thứ hai này, giảng viên thực hiện vai trò nhà khoa học với chức năng giải thích và dự báo các vấn đề của tự nhiên và xã hội mà loài người và khoa học chưa có lời giải. Nghiên cứu khoa học, tìm cách ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học về thực tiễn đời sống và công bố các kết quả nghiên cứu cho cộng đồng (cộng đồng khoa học, xã hội nói chung, trong nước và quốc tế) là ba chức năng chính của một nhà khoa học. Từ đây có hai xu hướng nghiên cứu chính: nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng. Khác với nghiên cứu cơ bản mang tính giải thích và dự báo các vấn đề chưa khai phá của tự nhiên và xã hội, nghiên cứu ứng dụng là loại nghiên cứu hướng đến việc ứng dụng các kết quả của nghiên cứu cơ bản vào giải quyết các vấn đề cụ thể của xã hội. Thông thường nghiên cứu cơ bản được coi là vai trò chính của các giảng viên đại học. Còn nghiên cứu ứng dụng mang tính công nghệ thường là kết quả của mối liên kết giữa các nhà khoa học và nhà ứng dụng (các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội). Do vậy nghiên cứu ứng dụng thường có màu sắc của các dự án tư vấn được đặt hàng bởi cộng đồng doanh nghiệp.

Trong bối cảnh hiện nay, khi chưa có nhiều điều kiện đầu tư cho nghiên cứu cơ bản, chúng ta cần có chiến lược tận dụng kết quả nghiên cứu cơ bản của các quốc gia tiên tiến. Do vậy, có thể trong giai đoạn hiện nay, chúng ta nên khuyến khích các giảng viên đại học thực hiện các nghiên cứu mang tính tổng kết lý thuyết ngành (literature review) và tìm ra những hướng ứng dụng

của các lý thuyết này. Thực tế tổng kết lý thuyết là công việc đầu tiên và hết sức quan trọng của mỗi nhà nghiên cứu, nó mang lại những kiến thức hết sức quan trọng về thành tựu khoa học trong từng chuyên ngành và các định hướng nghiên cứu.

Nghiên cứu khoa học phải đi kèm với công bố kết quả nghiên cứu.

Điều này có hai ý nghĩa:

Thứ nhất, công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí chuyên ngành uy tín chính là thước đo chất lượng có ý nghĩa nhất đối với một công trình nghiên cứu.

Thứ hai, chỉ khi được công bố rộng rãi và đi vào ứng dụng nghiên cứu khoa học mới hoàn thành sứ mệnh xã hội của mình. Và như vậy trong vai trò nhà khoa học, giảng viên đại học không chỉ phải nắm vững kiến thức chuyên môn, phương pháp nghiên cứu mà còn phải có kỹ năng viết báo khoa học.

Chuẩn mực đạo đức không phải là luật pháp, mà là những quy ước hay điều lệ về hành xử được các thành viên trong ngành nghề chuyên môn chấp nhận như là những kim chỉ nam cho việc ngành nghề nghiên cứu của các nhà khoa học.

Vậy thì các chuẩn mực đạo đức khoa học cụ thể là gì?

Khó có câu trả lời cho câu hỏi này, bởi vì hoạt động khoa học cực kì đa dạng, do đó các chuẩn mực đạo đức thường tùy thuộc vào từng ngành nghề cụ thể. Chẳng hạn như các tiêu chuẩn đạo đức cho ngành nông nghiệp khác với các bộ môn khoa học liên quan đến động vật như y sinh học. Tuy nhiên, theo chúng tôi, có thể tóm lược các tiêu chuẩn đạo đức khoa học qua 6 nguyên tắc cơ bản sau đây:

● **Thành thật tri thức:** Sứ mệnh của khoa học là khai hóa, khuếch trương và phát triển tri thức. Tri thức khoa học dựa vào sự thật. Những sự thật phải được quan sát hay thu thập bằng những phương pháp khách quan. Khoa học dựa vào những sự thật có thể thấy, có thể nghe, có thể sờ được, chứ

không dựa vào kinh nghiệm cá nhân hay suy luận theo cảm tính. Do đó, khoa học đặt sự thật khách quan trên hết và trước hết.

Không có khách quan và không có sự thành thật thì khoa học không có ý nghĩa gì cả. Nhà khoa học phải khách quan và thành thật. Nguyên tắc thành thật tri thức được xem là một cột trụ cơ bản nhất trong các nguyên tắc về đạo đức khoa học. Theo nguyên tắc này, nhà khoa học phải tuyệt đối thành thật với những gì mình quan sát hay nhận xét. Nói cách khác, nhà khoa học không nên gian lận trong nghiên cứu, không giả tạo dữ liệu, không thay đổi dữ liệu, và không lừa gạt đồng nghiệp.

● **Cẩn thận:** Nhà khoa học phải phấn đấu hết mình để tránh các nhầm lẫn và sai sót trong tất cả các hoạt động khoa học. Do đó, nhà khoa học có nghĩa vụ phải báo cáo đầy đủ những kết quả mà họ đạt được trong quá trình nghiên cứu. Những báo cáo này phải đầy đủ chi tiết để các nhà khoa học khác có thể thẩm định hay xác nhận (nếu cần thiết). Bất cứ một thay đổi về số liệu, dữ liệu thu thập được đều phải được chú thích rõ ràng (như ghi rõ ngày tháng sửa, ai là người chịu trách nhiệm, và tại sao thay đổi). Khi làm việc như thế, việc sử dụng các phương pháp phi chính thống hay phương pháp phân tích và cách diễn dịch có thể dẫn đến những tiến bộ khoa học. Tuy nhiên, nếu cách làm việc này nhắm vào mục đích đạt được kết luận mà nhà khoa học muốn có thì đó là một vi phạm đạo đức khoa học.

● **Tự do tri thức:** Nói một cách ví von, khoa học không bao giờ dừng lại trong hành trình đi tìm sự thật, vì đây là một hành trình liên tục. Nhà khoa học cần được điều kiện để theo đuổi những ý tưởng mới và phê phán những ý tưởng cũ. Họ cũng có quyền thực hiện những nghiên cứu mà họ cảm thấy thú vị và đem lại phúc lợi cho xã hội.

● **Cởi mở và công khai:** Nghiên cứu khoa học mang tính tương tác rất cao, và do đó thường tùy thuộc lẫn nhau. Nhà khoa học có trách nhiệm chia sẻ dữ liệu, kết quả và phương pháp nghiên cứu, lý thuyết, thiết bị, v.v... với đồng

nghiệp. Nhà khoa học phải cho các đồng nghiệp tiếp cận dữ liệu của mình, nếu cần thiết. Ngoài ra, vì nghiên cứu khoa học là một cuộc tranh tài về ý tưởng và các khái niệm mới nhất không nằm trong mô thức hiện hành. Cuộc “tranh tài” này có thể dẫn đến những xung đột nghiêm trọng. Do đó, cởi mở và thành thật trong tranh luận là những yếu tố đạo đức đóng vai trò rất quan trọng trong việc thúc đẩy các tiến bộ khoa học. Quy trình bình duyệt, công trình nghiên cứu là một bước quan trọng trong việc thực hiện các nghiên cứu khoa học. Những thói ganh tị, thành kiến hay mâu thuẫn cá nhân có thể làm cho hệ thống này bị thất bại. Do đó, khi phê bình một nghiên cứu của đồng nghiệp, nhà khoa học nên tập trung vào tính hợp lý khoa học và logic của nghiên cứu, chứ không nên dựa vào những cảm nhận cá nhân.

● ***Ghi nhận công trạng thích hợp***: Nhà khoa học phải ghi nhận những đóng góp của các nhà khoa học đi trước, và tuyệt đối không lấy nghiên cứu của người khác làm thành tích của mình. Tri thức khoa học mang tính tích lũy và được xây dựng dựa vào những đóng góp của nhiều nhà khoa học trong quá khứ và hiện tại. Ghi nhận công trạng của họ là một qui ước về đạo đức khoa học, và hình thức ghi nhận có thể thể hiện qua tài liệu tham khảo, lời cảm tạ, hay cho họ cơ hội đứng tên đồng tác giả. Sử dụng công trình hay ý tưởng của đồng nghiệp mà không ghi nhận là một vi phạm đạo đức khoa học.

Ngày nay, một công trình nghiên cứu khoa học, nhất là khoa học thực nghiệm, là thành quả của nhiều cá nhân. Do đó, ai có tư cách đứng tên tác giả đôi khi trở thành một vấn đề tế nhị. Theo qui ước chung, nhà khoa học có tư cách đứng tên tác giả nếu hội đủ tất cả 3 tiêu chuẩn:

Một là, đã có đóng góp quan trọng trong việc hình thành ý tưởng và phương pháp nghiên cứu, hay thu thập dữ kiện, hay phân tích và diễn dịch dữ kiện. *Hai là*, đã soạn thảo bài báo hay kiểm tra nội dung tri thức của bài báo một cách nghiêm túc. *Ba là*, phê chuẩn bản thảo sau cùng để gửi cho tập san.

Trách nhiệm trước công chúng: Phần lớn hoạt động khoa học là do tài trợ của người dân; do đó, nhà khoa học phải có nghĩa vụ công bố những gì mình đạt được cho công chúng biết. Hình thức công bố có thể là những ấn phẩm khoa học hay những trao đổi trên các diễn đàn quần chúng. Tất cả các cơ sở vật chất sử dụng cho nghiên cứu, kể cả thiết bị, hóa chất, tài chính... là tài sản chung của xã hội; do đó, chúng cần được sử dụng sao cho đem lại lợi ích nhiều nhất cho xã hội.

Mục tiêu quan trọng của khoa học là nhằm mở rộng tri thức con người về các địa hạt như vật lí, sinh học và xã hội. Mở rộng ở đây có nghĩa là đi ra ngoài, đi xa hơn những gì đã được biết. Nhưng một tri thức mới hay một khám phá mới chỉ có thể đi vào phạm trù khoa học khi nào nó đã được thẩm định và lặp lại một cách độc lập. Quá trình này có thể thực thi bằng nhiều cách: nhà khoa học thảo luận với cấp trên, với đồng nghiệp, trong các hội nghị quốc tế, hội nghị quốc gia, seminar, hay thậm chí trên bàn cà phê. Do đó, có thể xem hoạt động khoa học là một việc làm mang tính xã hội, chứ không phải là một nỗ lực đi tìm sự thật trong cô đơn, lặng lẽ. Bởi vì mang tính xã hội, cho nên các chuẩn mực về đạo đức khoa học phải là một “thể chế” của bất cứ trung tâm khoa học nào, kể cả trường đại học, và phải được xem như là một mục tiêu của khoa học.

Sinh viên và các nghiên cứu sinh từ các trường đại học là những người sẽ chiếm giữ các vị trí quan trọng trong xã hội như nhà lãnh đạo, nhà khoa học và giáo sư tương lai, và việc đảm bảo họ biết được các tiêu chuẩn đạo đức khoa học là một biện pháp để đảm bảo sự ổn định của xã hội cho các thế hệ tiếp nối. Hiện nay, trong bối cảnh nước ta đang có chiến dịch chống tham nhũng, kể cả tham nhũng trong khoa học, vì thế vấn đề truyền đạt các chuẩn mực đạo đức khoa học trong các trường đại học lại càng trở nên cấp thiết hơn. Chính vì vậy, Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 15/6/2004 của Ban Bí thư TW Đảng và Quyết định số 09/2005/QĐ-TTg ngày 11/1/2005 của Thủ tướng Chính phủ

đã xác định rõ tầm quan trọng của việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo hướng chuẩn hóa; đặc biệt chú trọng nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức và lương tâm nghề nghiệp cũng như trình độ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, phong cách sư phạm của đội ngũ nhà giáo. Ngày 16/4/2008 Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành những quy định về đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo đó là: (1) Tâm huyết với nghề nghiệp, có ý thức giữ gìn danh dự, lương tâm nhà giáo; có tinh thần đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ đồng nghiệp trong cuộc sống và trong công tác; có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng, đối xử hoà nhã với người học, đồng nghiệp; sẵn sàng giúp đỡ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người học, đồng nghiệp và cộng đồng. (2) Tận tụy với công việc; thực hiện đúng điều lệ, quy chế, nội quy của đơn vị, nhà trường, của ngành. (3) Công bằng trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá đúng thực chất năng lực của người học; thực hành tiết kiệm, chống bệnh thành tích, chống tham nhũng, lãng phí. (4) Thực hiện phê bình và tự phê bình thường xuyên, nghiêm túc; thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục.

1.3 Bối cảnh kinh tế thị trường và những yêu cầu đặt ra đối với đạo đức nghề nghiệp của giảng viên các trường đại học và cao đẳng ở Việt Nam hiện nay

1.3.1 Bối cảnh kinh tế thị trường và tính hai mặt của nó Bối cảnh kinh tế thị trường ở Việt Nam

Mỗi mô hình kinh tế được coi là sản phẩm của trình độ nhận thức của con người trong những điều kiện lịch sử nhất định. Bước vào thời kỳ đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, chúng ta đang từng bước xây dựng nền kinh tế thị trường góp phần quan trọng vào việc tạo nên diện mạo, sắc thái mới của đời sống xã hội, trước hết là trong phát triển kinh tế.

Trước đây, mô hình kinh tế hiện vật được coi là lý tưởng thì nay đã bộc lộ rõ những hạn chế và kết quả là vô tình nó đã phủ định những mục tiêu ban đầu của chủ nghĩa xã hội. Đặc trưng cơ bản của mô hình kinh tế hiện vật là nền kinh tế bị hiện vật hóa, tư duy hiện vật, đó là một nền kinh tế khép kín với cơ chế quản lý kế hoạch hóa tập trung cao độ. Trên thực tế, yếu tố kế hoạch hóa tập trung đã loại bỏ yếu tố thị trường, quan hệ hàng hóa – tiền tệ chỉ còn là hình thức. Sự điều tiết kinh tế theo chiều dọc đã lấn át các quan hệ kinh tế theo chiều ngang. Hệ thống quản lý quan liêu tỏ ra không có khả năng sản xuất với nhu cầu.

Kinh tế hiện vật gắn liền với quan niệm truyền thống về kinh tế xã hội chủ nghĩa tuy đã có tác dụng trong điều kiện chiến tranh, góp phần mang lại chiến thắng vẻ vang của dân tộc ta, song khi chuyển sang xây dựng và phát triển kinh tế trong thời bình, chính mô hình kinh tế đó đã tạo ra nhiều khuyết tật: một nền kinh tế không có động lực, không có sức đua tranh, không phát huy được tính chủ động sáng tạo của người lao động, của các chủ thể sản xuất kinh doanh, sản xuất không gắn với nhu cầu, ý chí chủ quan đã lấn át khách quan và triệt tiêu mọi động lực và sức mạnh nội sinh của bản thân nền kinh tế, đã làm cho nền kinh tế suy thoái, thiếu hụt, hiệu quả thấp, nhiều mục tiêu của chủ nghĩa xã hội không được thực hiện.

Vì vậy, việc phát triển kinh tế thị trường đối với nước ta là một con đường tất yếu, một nhiệm vụ để chuyển nền kinh tế lạc hậu thành nền kinh tế hiện đại hội nhập vào sự phân công lao động quốc tế. Kinh tế thị trường không đối lập với nhiệm vụ kinh tế thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội mà trái lại nó thúc đẩy các nhiệm vụ đã phát triển mạnh mẽ hơn. Thực tiễn những năm đổi mới chỉ ra rằng việc chuyển sang mô hình kinh tế thị trường của Đảng ta là hoàn toàn đúng đắn. Nhờ mô hình kinh tế đó đã tạo ra những chuyển biến trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đời sống nhân dân được cải thiện, nâng cao tính tích lũy xã hội và tạo tiền đề cho phát triển trong tương lai.

Hiện nay, nền kinh tế nước ta đang trong giai đoạn quá độ, chuyển tiếp từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng chủ nghĩa xã hội. Do vậy, những đặc điểm của giai đoạn quá độ của nền kinh tế nước ta rất cần được nghiên cứu và xem xét một cách sâu rộng. Nhìn nhận, đánh giá được điều này và thấy rõ được những đặc điểm phức tạp của giai đoạn quá độ để nắm bắt và xử lý nó, chúng ta sẽ tránh được những sai lầm chủ quan, nóng vội, duy ý chí hoặc những khuynh hướng cực đoan, máy móc, sao chép nguyên bản kinh tế thị trường từ bên ngoài. Vậy nhìn từ phương diện triết học thì những đặc điểm của nền kinh tế quá độ của nước ta hiện nay là gì?

Như chúng ta đã biết, trong nền kinh tế tập trung bao cấp, mọi chức năng kinh tế xã hội của nền kinh tế đều được triển khai trong quá trình kế hoạch hoá ở cấp độ quốc gia. Nhưng kể từ Đại hội lần thứ VI của Đảng (12/1986) đến nay, theo đường lối đổi mới, chúng ta đã từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường theo định hướng chủ nghĩa xã hội. Điều đó có ý nghĩa to lớn được thể hiện qua những thành quả mà chúng ta đã đạt được như: kinh tế phát triển, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao... Với những thành tựu đó cho phép chúng ta vững tin về con đường đã lựa chọn để tiếp tục điều chỉnh và bổ sung nhận thức, làm cho quan niệm về chủ nghĩa xã hội ngày càng cụ thể cả về đường lối, chủ trương, chính sách sao cho ngày càng đồng bộ, có căn cứ khoa học và cơ sở thực tiễn.

Kinh tế thị trường với những đặc trưng cơ bản như sự phát triển kinh tế hàng hóa, mở rộng thị trường, tự do kinh doanh, tự do thương mại, tự định giá cả... đó là cơ chế hỗn hợp “có sự điều tiết vĩ mô để khắc phục những khuyết tật của nó”. Đó là một kiểu quan hệ kinh tế xã hội mà trong đó sản xuất và tái sản xuất xã hội gắn chặt với quan hệ hàng hoá - tiền tệ, với quan hệ cung-cầu... Trong nền kinh tế thị trường, nét biểu hiện có tính chất bề mặt của đời sống xã hội là quan hệ hàng hoá, mọi hoạt động đều phải tính đến quan hệ

hàng hoá hay ít nhất cũng phải sử dụng quan hệ hàng hoá như là mắt xích trung gian.

Chủ nghĩa xã hội là mục tiêu cao nhất trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Đổi mới kinh tế chuyển sang kinh tế thị trường không có mục tiêu nào ngoài mục tiêu đó. Trong những năm qua, nhờ chuyển sang kinh tế thị trường mà nền kinh tế nước ta đã có những thay đổi cơ bản. Nhưng Đảng ta chủ trương chuyển sang kinh tế thị trường không phải là một thị trường bất kỳ mà là thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Về bản chất, đó là cơ chế hỗn hợp mang tính định hướng xã hội chủ nghĩa, vừa kế thừa những thành tựu của loài người, vừa gắn liền với đặc điểm và mục tiêu chính trị, là sự kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội. Đó được coi là nguyên tắc chiến lược như sự tìm tòi cho một thiết chế mới.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một kiểu tổ chức nền kinh tế vừa dựa trên những nguyên tắc và quy luật vận động của kinh tế, vừa dựa trên và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và tính chất xã hội chủ nghĩa, thể hiện một cách toàn vẹn và tập trung trên cả ba mặt sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối.

Trong bước chuyển sang nền kinh tế thị trường, vấn đề định hướng xã hội chủ nghĩa được xem xét một cách cơ bản, toàn diện từ kinh tế đến chính trị - xã hội. Định hướng xã hội chủ nghĩa thể hiện ở quan hệ phân phối. Phân phối công bằng sẽ tạo động lực cho sự phát triển. Trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta chủ trương phân phối theo lao động, trên cơ sở khuyến khích mọi người tự do sản xuất kinh doanh công khai hợp pháp, đồng thời thực hiện chính sách công bằng xã hội. Chế độ xã hội chủ nghĩa là chế độ của con người, do con người và vì con người, do đó Đảng ta chủ trương chống bóc lột, bất công, chăm lo sự nghiệp y tế giáo dục, đấu tranh cho một nền đạo đức mới, một lối sống lành mạnh. Do đó, chỉ có kết hợp mục tiêu kinh tế với mục tiêu xã hội mới thực hiện được bản chất của chế độ mới.

Định hướng trước hết là phụ thuộc vào yếu tố chính trị - đó là sự lãnh đạo của Đảng. Định hướng còn tùy thuộc vào việc xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, đội ngũ lãnh đạo kiểu mới, trung thành với lý tưởng xã hội chủ nghĩa, có kiến thức để xây dựng chủ nghĩa xã hội “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải có những con người xã hội chủ nghĩa”.

Thành tựu của gần 30 năm đổi mới vừa qua ở nước ta đã có tác dụng làm cho chúng ta quen dần với các quan hệ hàng hoá. Hàm lượng kinh tế trong các hoạt động xã hội ngày càng được chú ý. Thế nên trong bước chuyển sang cơ chế thị trường này đương nhiên chúng ta không tránh khỏi những sai lầm .., nhưng dẫu sao nó cũng nói lên sức sống và khả năng tác động của quan hệ thị trường đối với đời sống kinh tế - xã hội. Về thực chất của bước nhảy này, một số nhà nghiên cứu cho rằng: ở Việt Nam dù nền kinh tế thị trường chỉ mới vừa được hình thành, còn đang trong những bước chập chững ban đầu và được Nhà nước điều tiết một cách có ý thức theo định hướng chủ nghĩa xã hội, song cũng đã tác động khá rõ đến mọi mặt của đời sống xã hội và để lại ở đó những dấu ấn của mình...

Quan niệm hiện nay của chúng ta về chủ nghĩa xã hội đã chứa đựng những tư tưởng mới về quy luật của sự phù hợp khách quan giữa quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Cái có ý nghĩa quyết định trong quy luật này là trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, sự tồn tại của các thành phần kinh tế và các hình thức sở hữu đa dạng ở một nền kinh tế theo định hướng chủ nghĩa xã hội. Hơn thế nữa, vai trò điều tiết nền kinh tế của nhà nước trong một nền kinh tế hướng tới thị trường theo định hướng chủ nghĩa xã hội là điều cần thiết. Nhà nước với các chính sách, luật lệ của mình, một mặt có khả năng làm cho nền kinh tế đạt tới sự tăng trưởng có hiệu quả, nhưng mặt khác cũng chính là người phải lo giải quyết các vấn đề do chính sự tăng trưởng kinh tế đó tạo ra. Về đại thể chìa khoá để đáp ứng nhu cầu phức

tạp và trái ngược nhau của xã hội nằm trong bộ máy quản lý vĩ mô của xã hội, mà trước hết đó là nhà nước.

Nền KTTT ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ có một số đặc điểm sau:

* Nền kinh tế thị trường còn ở trình độ kém phát triển. Cụ thể: kết cấu hạ tầng vật chất xã hội ở nước ta còn trình độ thấp, chưa có thị trường theo đúng nghĩa của nó, thu nhập quốc dân và thu nhập bình quân đầu người còn thấp, còn chịu ảnh hưởng lớn của mô hình kinh tế chỉ huy, với cơ chế tập trung quan liêu bao cấp.

* Nền kinh tế thị trường với nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Các thành phần kinh tế tiến hành sản xuất hàng hóa tuy bản chất là khác nhau, nhưng chúng đều là bộ phận của cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất với các quan hệ cung cầu, tiền tệ, giá cả chung. Bởi vậy, chúng vừa hợp tác vừa cạnh tranh lẫn nhau. Mỗi đơn vị kinh tế là một chủ thể độc lập, tự chủ và bình đẳng trước pháp luật. Tuy nhiên, vấn đề có ý nghĩa quyết định nhất là Nhà nước phải quan tâm tạo điều kiện củng cố, phát huy hiệu quả, ra sức xây dựng khu vực kinh tế nhà nước đủ mạnh để làm tốt vai trò chủ đạo. Nếu kinh tế Nhà nước không đảm nhiệm được vai trò này thì nền kinh tế quốc dân sẽ có nguy cơ chệch hướng chủ nghĩa xã hội.

* Nền kinh tế thị trường phát triển theo cơ cấu kinh tế mở: Xuất phát từ nhiệm vụ bao trùm về chính sách đối ngoại và quan điểm "Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trên cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập phát triển", chính sách kinh tế đối ngoại thực hiện theo các định hướng sau: Đa dạng hóa, đa độ chính trị theo nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền bình đẳng và cùng có lợi; kinh tế đối ngoại là một trong những công cụ kinh tế đảm bảo cho việc thực hiện mục tiêu kinh tế - xã hội đề ra từng giai đoạn cụ thể; tăng cường hội nhập vào nền kinh tế thế giới.

* Nền kinh tế thị trường phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa với sự quản lý vĩ mô của Nhà nước. Đây là đặc điểm cơ bản nhất của kinh tế

thị trường ở Việt Nam, làm cho nền kinh tế thị trường của nước ta khác với nền sản xuất hàng hóa đơn trước đây cũng như khác với nền ở các nước tư bản chủ nghĩa.

Tính hai mặt

Tuy nhiên, ở nước ta hiện nay đang có nhiều vấn đề được đặt ra đối với vai trò chủ đạo của nhà nước và thành phần kinh tế nhà nước cần được tháo gỡ để nhà nước có thể đảm đương được trọng trách to lớn của mình.

Trên thực tế, các quốc gia trên thế giới cũng như Việt Nam, trong tiến trình phát triển của mình, đều gặp phải những khó khăn trên hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đó là sự thách thức đối với bất kỳ nền kinh tế nào. Đây cũng là một tất yếu, cho nên chúng ta phải chấp nhận những mặt trái của kinh tế thị trường. Vấn đề là để từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả của nền sản xuất xã hội, chúng ta phải có chính sách và biện pháp cho phù hợp với từng lĩnh vực như giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, hay lĩnh vực bảo vệ môi trường, đặc biệt là các vấn đề xã hội đang nổi cộm hiện nay như phân hoá giàu nghèo, gia tăng tệ nạn xã hội, vấn đề xuống cấp về đạo đức...Tuy nhiên, đây cũng là bài toán khó, không thể được giải quyết ngay trong một sớm một chiều.

Trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá, việc chúng ta bước đầu sử dụng thị trường như là một công cụ, một phương thức, trên thực tế đã đem lại những kết quả tích cực cả về phương diện thực tiễn và cả về phương diện nhận thức. Một hành trang có ý nghĩa mà công cuộc đổi mới trang bị cho chúng ta là sản xuất hàng hoá cùng với “nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường”, đã được hiểu là không đối lập với chủ nghĩa xã hội. Với tính cách là sản phẩm của văn minh nhân loại “một cơ hội để các cộng đồng mở cửa tiếp xúc với bên ngoài”, kinh tế thị trường rõ ràng là cái khách quan và tất yếu đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Tuy nhiên nhận ra sức mạnh của cơ chế thị trường bao nhiêu, thì chúng ta hiểu rõ hơn bấy nhiêu mặt trái của nó đối với sự vận động của đời sống xã hội. Sự tăng trưởng kinh tế đương nhiên là một mục tiêu của phát triển xã hội, nó có khả năng tạo ra điều kiện để giải quyết các vấn đề xã hội. Nhưng tăng trưởng kinh tế không nhất thiết đi liền với tiến bộ xã hội. Do vậy, trong quan niệm của Đảng ta, để thực hiện sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội với mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” thì kinh tế nhất thiết phải có sự quản lý chặt chẽ của nhà nước theo định hướng chủ nghĩa xã hội.

1.3.2 Những ảnh hưởng của nền KTTT đối với ĐĐNN của nghề dạy học

- Những ảnh hưởng tích cực

Từ khi Việt Nam xây dựng và phát triển kinh tế thị trường, đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên các trường đại học và cao đẳng có những sự chuyển biến tích cực sau:

+ Yếu tố mới, tích cực nhất trong đạo đức nghề nghiệp của nghề dạy học là sự xuất hiện của tính năng động, sáng tạo, tự chủ, tự chịu trách nhiệm và mong muốn có cuộc sống vật chất đầy đủ.

Qua nghiên cứu lý luận, điều tra, quan sát hoạt động của giảng viên các trường đại học và cao đẳng, chúng tôi nhận thấy đội ngũ giảng viên hiện nay rất năng động và sáng tạo. Tính năng động và sáng tạo thể hiện: Luôn có ý thức tìm tòi, phát hiện ra những cách thức, phương pháp dạy học, phương pháp giáo dục, nghiên cứu mới, hiệu quả; tìm nhiều cách để nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống một cách chính đáng. Nếu như đa số giảng viên trước đây đều "an phận" với cuộc sống khó khăn, thiếu thốn của nghề dạy học, thì người giáo viên trong giai đoạn hiện nay hoàn toàn khác. Họ luôn mong muốn làm việc hết mình, cống hiến tất cả nhưng cũng đòi hỏi được hưởng thụ những thành quả lao động chính đáng của bản thân.

Tính năng động của người giảng viên trong là kết quả tất yếu của nhiều yếu tố. Trong đó, phải kể đến ảnh hưởng tích cực của nền kinh tế thị trường. Nhờ có cạnh tranh và trong cạnh tranh của nền kinh tế thị trường, người giảng viên được khuyến khích. Như vậy, ảnh hưởng tích cực này là động lực mạnh mẽ làm cho người giảng viên trở nên năng động sáng tạo

+ *Do ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường người giảng viên thể hiện tính chủ động, tự chịu trách nhiệm trước công việc được giao, trước cơ quan, gia đình và xã hội.*

Tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm thể hiện: người giảng viên hiện nay có trách nhiệm, bổn phận, những việc được phép làm và không được phép làm của bản thân. Trong quá trình công tác, họ sẵn sàng nhận những nhiệm vụ khó khăn, chủ động hoàn thành nhiệm vụ và sẵn sàng chịu trách nhiệm khi không hoàn thành nhiệm vụ hoặc sai sót.

Bên cạnh đó, trách nhiệm của người giảng viên trước gia đình và xã hội được nâng cao đáng kể. Họ xác định gia đình là hậu phương, là nền tảng của sự phát triển cũng như là đích đến, bến bờ của cuộc đời cũng như mỗi cá nhân. Vì vậy, giảng viên hiện nay đóng góp cho xã hội nhiều hơn. Họ sẵn sàng tham gia tích cực các phong trào, hoạt động xã hội, các đoàn thể, tổ chức. Thậm chí nhiều giảng viên sau khi nghỉ hưu vẫn tham gia nhiệt tình các hoạt động của địa phương, khu phố, khu tập thể.

+ *Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, người giáo viên nhận thức lại vai trò, vị trí của nghề dạy học của người giảng viên trong xã hội.*

Trong những giai đoạn trước đây, nhận thức về nghề dạy học có hai thái cực: Hoặc là lý tưởng hóa nghề dạy học (coi nghề dạy học là cao quý nhất trong những nghề cao quý), hoặc là coi thường nghề dạy học (quan niệm "chuột chạy cùng sào với vào sư phạm", đánh giá thấp các giá trị của nghề dạy học, đề cao các giá trị vật chất của cuộc sống). Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, nghề dạy học được giáo viên nhận thức chính xác hơn, trả lại đúng

vai trò của nghề dạy học và người giảng viên trong xã hội. Người giảng viên trong giai đoạn đầu thường áp đặt quan hệ thầy - trò sang các quan hệ khác của cuộc sống vì cho rằng đó là quan hệ quan trọng nhất. Chính vì vậy nhiều giảng viên đã có ứng xử không phù hợp với những tình huống ngoài trường sư phạm, ngoài xã hội. Thực tiễn hiện nay tôi nhận thấy đa số giảng viên nhận thức thay đổi về quan hệ thầy - trò, ứng xử phù hợp, khéo léo hơn, đặc biệt trong các quan hệ xã hội.

+ *Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, người giảng viên vẫn đánh giá cao lòng yêu nghề, lòng yêu trẻ.*

Đây là kết quả nghiên cứu điều tra, phỏng vấn, quan sát những người giảng viên hoạt động trong môi trường sư phạm, trong cuộc sống và ngoài xã hội. Người giảng viên được hỏi đều trả lời: Trong bất cứ điều kiện kinh tế xã hội nào (kể cả kinh tế thị trường), thì người giảng viên vẫn phải giữ được và phát huy hai yếu tố quan trọng nhất trong nhân cách là lòng yêu nghề và yêu thế hệ trẻ.

Mặc dù phải hoàn thành nhiệm vụ trong điều kiện còn nhiều khó khăn nhưng đa số giảng viên vẫn thể hiện lòng yêu nghề của mình như phấn đấu nâng cao trình độ chuyên môn, chất lượng giảng dạy, tìm tòi, nghiên cứu những phương pháp giảng dạy mới mang lại hiệu quả thiết thực cho sinh viên.

+ *Tích cực gia nhập và tham gia các quan hệ giao lưu là một nét điển hình của người giảng viên trong nền kinh tế thị trường.*

Đặc điểm này của người giảng viên hiện nay khác biệt nhiều so với trước đây. Trước đây họ chỉ đóng khung, khép kín trong mối quan hệ trong nhà trường, ít giao tiếp, mối quan hệ giao tiếp thì nghèo nàn, chủ yếu là những người cùng nghề hoặc quan hệ trực tiếp.

Trong nền kinh tế thị trường, với việc nhận thức lại về vai trò, vị trí của nghề dạy học, người giảng viên đã chủ động, tích cực trong các mối quan hệ giao lưu. Việc mở rộng các quan hệ giao lưu đã làm thay đổi nhận thức, thang

giá trị trong đạo đức nghề nghiệp của họ. Đồng thời, việc tích cực ra nhập và tham gia các quan hệ giao lưu giúp người giảng viên hòa nhập mạnh mẽ vào cuộc sống, tăng cường sự hiểu biết xã hội, khéo léo trong các quan hệ xã hội, đối tượng giao tiếp trở nên phong phú.

Như vậy, so với đạo đức nghề nghiệp của nghề dạy học trong thời bao cấp đạo đức nghề nghiệp trong nền kinh tế thị trường có những chuyển biến lớn trong tất cả các quan hệ của người giảng viên (gia đình, đồng nghiệp, học sinh, sinh viên) theo chiều hướng tích cực. Cụ thể: Nền kinh tế thị trường đã mang lại cho đạo đức nghề nghiệp của nghề dạy học những nét mới. Sự xuất hiện của tính năng động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm và mong muốn có cuộc sống vật chất đầy đủ; nhận thức lại vai trò, vị trí của nghề dạy học, vị trí của người giảng viên trong xã hội; đáng giá cao lòng yêu nghề và lòng yêu trẻ; tích cực tham gia các quan hệ giao lưu.

Về phương diện đạo đức, lối sống, sự ảnh hưởng tích cực của kinh tế thị trường là từng bước hình thành nhân cách tự chủ, tự lập trong con người, rèn luyện con người ý thức lao động, bản lĩnh, năng động, thích nghi và sáng tạo. Đây là những phẩm chất đạo đức về ý chí, lòng dũng cảm, nghĩa vụ, tính nguyên tắc và tự trọng ở mỗi con người cũng như cả cộng đồng.

- Những ảnh hưởng tiêu cực

Xét ở góc độ nào đó, nền kinh tế thị trường "kích thích" các cá nhân cạnh tranh, ganh đua nhau để tồn tại, phát triển và làm giàu. Về mặt tích cực làm cho các cá nhân trở nên năng động, sáng tạo và có thu nhập cao, cải thiện cuộc sống. Nhưng cũng chính sự "kích thích" này đã vô tình làm cho chủ nghĩa cá nhân, hẹp hòi, ích kỷ xuất hiện. Đặc biệt, đối với những người kém bản lĩnh, thiếu đạo đức, họ sẵn sàng tìm mọi cách để làm giàu kể cả bất hợp lý, vi phạm các chuẩn mực đạo đức xã hội. "Làn sóng" kinh tế thị trường ảnh hưởng một cách toàn diện và sâu sắc đến tất cả các tầng lớp người trong xã

hội. Đương nhiên, người giáo viên cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc của "làn sóng" này theo cả chiều tích cực và tiêu cực.

Trong kinh tế thị trường phải đề phòng khuynh hướng, lối sống chạy theo đồng tiền. Kinh tế thị trường có khuynh hướng mở rộng các nguyên tắc trao đổi thị trường ra tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đời sống cá nhân, đời sống cộng đồng, có khuynh hướng làm cho người ta coi giá trị thị trường là giá trị chân thực duy nhất dùng để đo các giá trị khác. Họ định giá giá trị của con người căn cứ vào của cải của người đó, từ đó tìm các quan hệ trong sự đem lại lợi ích gì cho mình, cho cá nhân mình. Từ đây mà các quan hệ tình cảm cao đẹp, ấm áp tình người có nguy cơ bị băng giá trong sự tính toán vị kỷ.

Do ảnh hưởng tiêu cực của nền kinh tế thị trường, một bộ phận các giảng viên đã xuất hiện các hành vi, vi phạm pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, các chuẩn mực đạo đức xã hội; chạy theo và đề cao lối sống vật chất, hưởng thụ; mờ nhạt lý tưởng nghề nghiệp; lối sống lạnh lùng, ích kỷ, hẹp hòi. Cụ thể:

Trong thời gian qua các phương tiện thông tin đại chúng đã phản ánh rất nhiều về các hành vi, vi phạm pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, các chuẩn mực đạo đức xã hội.

Các cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo phải liên tục xử lý các vi phạm này. Những hành vi này xuất hiện ngày càng nhiều, mức độ ngày càng trầm trọng, tính chất ngày càng phức tạp. Nhiều hành vi trước đây chưa bao giờ xuất hiện. Ví dụ: Thầy giáo gạ tình sinh viên, bán đề thi cho sinh viên, thầy giáo dạy thể dục phát sinh viên đến muộn bằng cách bắt chạy nhiều vòng trong sân tập thể dục khiến sinh viên bị ngất, phải nhập viện.

Những hành vi này vi phạm pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp một cách nghiêm trọng. Vì vậy, các phương tiện thông tin đại chúng tố giác các hành vi này, công luận lên án hết sức gay gắt, phẫn nộ. Mặc dù sau mỗi hành vi vi phạm các cơ quan quản lý giáo dục đã xử

lý rất nghiêm khắc, nhưng cho tới nay các hành vi vi phạm vẫn xuất hiện. Phân tích các hành vi vi phạm pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, chúng tôi nhận thấy những giảng viên này có sự suy thoái trầm trọng về đạo đức nghề nghiệp. Qua trò chuyện, giảng viên chỉ ra rất nhiều nguyên nhân dẫn đến vi phạm này. Đa số giảng viên cho rằng nguyên nhân lớn nhất của những hành vi vi phạm nêu trên là mặt trái của nền kinh tế thị trường.

Một bộ phận giảng viên trong nền kinh tế thị trường có biểu hiện chạy theo và đề cao lối sống vật chất, hưởng thụ.

Đây là hệ lụy tất yếu khi đất nước thực hiện việc xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường. Qua nghiên cứu, trò chuyện và quan sát, chúng tôi nhận thấy: Một số giảng viên thể hiện việc chạy theo và đề cao lối sống vật chất, hưởng thụ ngay cả trong phát ngôn ở trong lớp, trước mặt sinh viên, gây phiền hà, những nhiễu đối với sinh viên, đôi khi là mưu cầu quyền lợi vật chất tầm thường; chủ động gợi ý cho sinh viên biếu xén quà cáp vào những ngày dịp lễ, tết, bỏ việc, xin thôi việc đến những nơi có thu nhập cao hơn. Việc làm này đã gây nên tình trạng thừa giảng viên ở các thành phố lớn. Cá biệt, một số cán bộ quản lý giáo dục, lợi dụng chức quyền của mình để thu lợi bất chính, mưu cầu cuộc sống vật chất tầm thường (sửa điểm, bán điểm, làm bằng giả, chạy điểm).

Trong giai đoạn hiện nay, một bộ phận giáo viên có biểu hiện mờ nhạt về lý tưởng nghề nghiệp.

Bộ phận giáo viên này xếp nghề dạy học vào trong những danh mục những nghề có thu nhập thấp nhất. Nhiều giảng viên đang công tác tại các trường Đại học, Cao đẳng họ mới đi làm hiện còn giảng dạy hợp đồng, thu nhập thấp, chưa được vào biên chế, chúng tôi nhận thấy họ rất thất vọng về nghề dạy học, ân hận khi lựa chọn nghề dạy học, phủ nhận những giá trị của nghề dạy học. Họ thể hiện thẳng thắn sự bất mãn với nghề dạy học. Một bộ phận giảng viên cho rằng lý tưởng nghề nghiệp là cái gì đó rất xa vời, không gắn liền với họ như “com, áo, gạo, tiền”.

Một bộ phận giáo viên khác không có mục tiêu phấn đấu, vươn lên trong nghề nghiệp, hoặc phấn đấu, vươn lên vì danh vọng và tiền bạc. Sự mờ nhạt về lý tưởng nghề nghiệp là nguyên nhân cơ bản và chủ yếu nhất làm cho kết quả dạy học và giáo dục của bộ phận giảng viên này rất thấp, không đạt yêu cầu đặt ra của các cấp quản lý giáo dục.

Lối sống lạnh lùng, ích kỷ, hẹp hòi của bộ phận giảng viên trong nền kinh tế thị trường là vấn đề rất đáng lo ngại.

Lối sống lạnh lùng, ích kỷ, hẹp hòi thể hiện: Không hoặc ít quan tâm đến vấn đề chính trị, kinh tế xã hội xảy ra xung quanh, lạnh lùng trước những mất mát khổ đau của những người xung quanh, luôn tìm mọi cách để bảo vệ quyền lợi cá nhân, không quan tâm đến quyền lợi của người khác, của tập thể, của xã hội.

Trong quan hệ với học sinh, sinh viên, học viên, bộ phận giảng viên này thể hiện sự hẹp hòi cố chấp, định kiến thiếu độ lượng trước những vi phạm của học sinh, sinh viên. Trong quan hệ với đồng nghiệp họ thường đố kỵ, ghen tị gây mất đoàn kết nội bộ. Những biểu hiện của lối sống này làm mất đi sự kính trọng và tin yêu của nhân dân, học sinh, sinh viên, học viên dành cho những người làm nghề dạy học.

Những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của nền kinh tế thị trường tới đạo đức nghề nghiệp của nghề dạy học là hai mặt của một vấn đề, có tính tất yếu và quy luật. ĐĐNN của nghề dạy học là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng, chịu ảnh hưởng của cơ sở hạ tầng. Vì vậy, khi xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường, ĐĐNN của nghề dạy học sẽ có những biến đổi sâu sắc và mạnh mẽ theo hai chiều hướng như trên. Vấn đề đặt ra là những nhà quản lý vĩ mô, các nhà hoạch định chính sách, những nhà khoa học, bản thân mỗi giáo viên cũng phải áp dụng những biện pháp nào để phát huy những mặt tích cực, hạn chế những mặt tiêu cực của kinh tế thị trường. Tuy nhiên đây là một vấn đề không đơn giản, cần có những công trình nghiên cứu khoa học với quy mô lớn nhằm giải quyết vấn đề này.

Kết luận chương 1

Nghiên cứu các quan điểm, tư tưởng về ĐĐNN, tác giả nhận thấy các quan điểm từ xưa đến nay luôn đánh giá cao vai trò, vị trí của người giáo viên trong việc hình thành nhân cách, ĐĐNN cho bản thân. Đồng thời, họ cũng chỉ ra những phẩm chất đạo đức mà người giáo viên phải có như: Lòng yêu nghề, yêu trò, thế giới quan khoa học, nhân sinh quan đúng đắn, tấm lòng vị tha, nhân ái, khoan dung, độ lượng, lý tưởng và niềm tin nghề nghiệp.

Những kết quả nghiên cứu của các tác giả đi trước là những căn cứ, cơ sở khoa học rất quan trọng giúp tác giả trong quá trình xây dựng, xác định nội hàm khái niệm ĐĐNN, xác định những nội dung quan trọng trong việc nâng cao ĐĐNN. Hơn thế nữa, các kết quả đó còn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để chúng tôi đánh giá thực trạng, đề xuất và tổ chức thực nghiệm khoa học những biện pháp nâng cao ĐĐNN cho đội ngũ giảng viên ĐH, CĐ thuộc ngành Xây dựng.

Tuy nhiên, những kết quả nghiên cứu của các tác giả chưa đề cập một cách sâu sắc và toàn diện về ĐĐNN của nghề dạy học trong nền KTTT; chưa chỉ ra những tiêu chuẩn về ĐĐNN của nghề dạy học một cách cụ thể; chưa xác định được những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của nền KTTT đối với sự hình thành và phát triển ĐĐNN của nghề dạy học; chưa đánh giá được thực trạng hình thành và phát triển ĐĐNN của nghề dạy học trong nền KTTT. Chính vì vậy, các tác giả đưa ra được những đề xuất, các biện pháp nâng cao ĐĐNN cho đội ngũ giảng viên trong nền KTTT ở Việt Nam hiện nay.

Như vậy, nâng cao ĐĐNN cho đội ngũ giảng viên trong nền KTTT ở Việt Nam hiện nay là một phạm trù vô cùng phong phú và phức tạp. Trong bối cảnh đất nước ta hiện nay do tác động của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật. Đặt ra nhiều thời cơ và thách thức đối với các ngành, nghề trong đó có nghề dạy học. Nền KTTT vừa tạo ra những cơ hội thuận lợi, vừa tạo ra những

khó khăn cho công tác này. Nền KTTT tạo ra những thuận lợi để người giảng viên phát huy hết khả năng, tiềm năng trí tuệ, hình thành tính năng động, sáng tạo, ý thức phê bình và tự phê bình, biết tự chủ và tự chịu trách nhiệm trước công việc, học tập và lao động. Mặt khác, nền KTTT cũng tạo ra nhiều thách thức, đặc biệt là sự suy thoái đạo đức trong một bộ phận giảng viên, đó là một vấn đề rất phức tạp.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP CỦA VIỆC NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA GIẢNG VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NGÀNH XÂY DỰNG Ở HÀ NỘI TRONG BỐI CẢNH KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. Những đặc thù của đạo đức nghề nghiệp của giảng viên các trường đại học và cao đẳng ngành xây dựng ở Hà Nội

Xây dựng cơ bản là ngành sản xuất vật chất độc lập có chức năng tái sản xuất tài sản cố định cho nền kinh tế quốc dân. Nó tạo nên cơ sở vật chất cho xã hội, tăng tiềm lực kinh tế và quốc phòng của đất nước. Hơn thế nữa, đầu tư xây dựng cơ bản gắn liền với việc ứng dụng các công nghệ hiện đại do đó góp phần thúc đẩy sự phát triển của khoa học kỹ thuật đối với các ngành sản xuất vật chất. Nó có tác động mạnh mẽ tới hiệu quả của quá trình sản xuất kinh doanh. Vì vậy, một bộ phận lớn của thu nhập quốc dân nói chung và quỹ tích lũy nói riêng với vốn đầu tư, tài trợ của nước ngoài được sử dụng trong lĩnh vực xây dựng cơ bản.

So với các ngành sản xuất khác, xây dựng cơ bản có những đặc điểm kinh tế kỹ thuật đặc trưng, được thể hiện rất rõ ở sản phẩm xây lắp và quá trình sáng tạo ra sản phẩm của ngành.

Nhận thấy vị trí, vai trò của ngành, những năm đổi mới đất nước Bộ Xây Dựng đã không ngừng nâng cao chất lượng cán bộ trong ngành nói chung và đội ngũ giảng viên nói riêng. Đội ngũ giảng viên đóng vai trò quan trọng bậc nhất trong việc tạo ra đội ngũ cán bộ có tri thức, vững vàng về chuyên môn. Đó cũng là nhân tố, động lực phát triển của ngành. Bắt đầu từ một trường có một lớp nhỏ đào tạo về cán bộ kỹ thuật, kiến trúc sư vào cuối thập kỷ 50, đến nay toàn ngành đã có một mạng lưới, một hệ thống đào tạo ngành nghề tương đối đồng bộ và hoàn chỉnh, bao gồm các trường đào tạo kỹ

sư, kiến trúc sư, cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật trên Đại học, Đại học và Cao đẳng, Trung cấp nghề và Công nhân.

Trong việc phát triển các năng lực giảng dạy cho giảng viên, cần chú trọng đến các năng lực sau:

- Xây dựng chương trình giảng dạy ở cấp độ môn học (viết một chương trình môn học): (1) Xác định mục tiêu học tập của môn học và từng đơn vị học tập của sinh viên; (2) Xác định những nội dung phù hợp để đạt tới các mục tiêu đã đề ra; (3) Xác định các phương pháp học tập và giảng dạy phù hợp nhằm chuyển tải được nội dung và đạt tới mục tiêu; và (4) Xác định các phương pháp giảng dạy phù hợp với chuyên ngành kỹ thuật. Kết quả học tập của sinh viên được thực tế hóa trong thực tiễn bằng những công trình xây dựng thực tế.

- Các năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực phù hợp với chuyên môn của mình (giảng dạy bằng tình huống thực tiễn như thực hành trực tiếp, khám phá, mô phỏng, dự án...).

- Năng lực truyền đạt, đây là một nét đặc thù của những giảng viên ngành xây dựng. Số đông những giảng viên đang giảng dạy thuộc các trường Đại học và Cao đẳng, Trung cấp nghề và công nhân thuộc Bộ Xây Dựng không được đào tạo từ các trường sư phạm mà chủ yếu từ những trường Đại học kỹ thuật, kỹ năng sư phạm của họ chủ yếu được học khi họ vào nghề. Vì vậy, năng lực truyền đạt của họ đôi khi gặp khó khăn trong quá trình giảng dạy.

- Năng lực giải quyết vấn đề và ra quyết định, đây cũng là một yêu cầu đặc thù của giảng viên ngành xây dựng. Trong quá trình giảng dạy giảng viên cần đưa ra những tình huống thực tế như những công trình xây dựng đang xuống cấp về chất lượng, không đảm bảo về những thông số kỹ thuật cần đưa ra những quyết định xử lý.

- Năng lực sử dụng công nghệ trong giảng dạy (PowerPoint, máy tính, web, các phần mềm sử dụng trong chuyên môn...).

- Năng lực không ngừng học tập và phát triển bản thân. Cũng giống như các ngành sư phạm khác mỗi giảng viên Đại học và Cao đẳng, Trung cấp nghề và công nhân thuộc Bộ Xây Dựng xác định việc không ngừng học tập và phát triển bản thân là nghĩa vụ quan trọng trong sự nghiệp giáo dục của mình.

2.2. Thực trạng đạo đức nghề nghiệp của giảng viên các trường đại học và cao đẳng ngành xây dựng tại Hà Nội trong bối cảnh kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay: thực trạng và những vấn đề đặt ra

2.1.1 Thực trạng đạo đức nghề nghiệp của giảng viên các trường đại học và cao đẳng ngành xây dựng tại Hà Nội trong bối cảnh kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay.

**** Mục đích khảo sát thực trạng***

Việc tiến hành khảo sát, nghiên cứu thực trạng đạo đức nghề nghiệp của giảng viên các trường ĐH và CĐ ngành xây dựng tại Hà Nội trong bối cảnh kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay giúp chúng tôi xác định cơ sở cho việc xây dựng các biện pháp nhằm nâng cao ĐĐNN cho giảng viên trong nền KTTT ở Việt Nam hiện nay.

● Nội dung khảo sát

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát những nội dung sau: Đánh giá những ảnh hưởng của KTTT tới ĐĐNN của nghề dạy học; đạo đức và đạo đức nghề nghiệp của giảng viên, nhận thức, thái độ và hành vi nghề nghiệp của giảng viên trong nền kinh tế thị trường. Từ đó xác lập cơ sở thực tiễn của việc xây dựng các biện pháp nhằm nâng cao đạo đức nghề nghiệp cho giảng viên trong nền KTTT ở Việt Nam hiện nay.

● Đối tượng khảo sát

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát đội ngũ giảng viên các trường: ĐH Kiến trúc Hà Nội, CĐ xây dựng công trình đô thị, CĐ xây dựng số1 Hà Nội. Những giảng viên tham gia khảo sát gồm lãnh đạo một số khoa, bộ môn,

giảng viên đang trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia công tác quản lý, giáo dục. Việc lựa chọn đối tượng trên để khảo sát đều mang tính ngẫu nhiên.

- *Phương pháp điều tra*

Tác giả sử dụng biện pháp sau đây: Phiếu trưng cầu ý kiến, nghiên cứu sản phẩm của các lực lượng giáo dục, đồng thời chúng tôi tiến hành xây dựng hệ thống phiếu hỏi về nhận thức, thái độ và thang đo hành vi đối với các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của nghề sư phạm.

ĐĐNN của nghề sư phạm là một bộ phận hợp thành của nhân cách sư phạm. Nó được biểu hiện ra ngoài bằng các hành vi nghề nghiệp. Mặt bên trong đạo đức nghề nghiệp được xác định bởi nhu cầu, động cơ, những yêu cầu của xã hội và nghề nghiệp đối với người giảng viên, sự hiểu biết của người giảng viên về các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, với những hành vi mang tính nghề nghiệp nhất định.

- *Cách đánh giá và cho điểm*

Tác giả đã đưa ra một số tiêu chí sau:

Cách thứ nhất, Đánh giá và cho điểm nhận thức của giảng viên về đạo đức nghề nghiệp của nghề dạy học trong nền kinh tế thị trường: Căn cứ vào những đặc điểm tâm sinh lý và điều tra thực tiễn, chúng tôi có thể nhận thấy giảng viên có nhận thức về đạo đức nghề nghiệp của nghề sư phạm trong nền kinh tế thị trường, thể hiện ở những nội dung cụ thể: Có thể giới quan khoa học, lối sống trung thực, giản dị, có lòng yêu nghề, quý trò, say mê nhiệt tình với công việc, có lý tưởng cao đẹp, có ý trí vươn lên, lập thân, lập nghiệp.

Nhằm đánh giá thực trạng nhận thức của giảng viên về đạo đức nghề nghiệp của nghề sư phạm trong nền kinh tế thị trường, chúng tôi xác định tiêu chí sau:

+ Tiêu chí thứ nhất: Nắm được nội hàm cơ bản của khái niệm đạo đức nghề nghiệp của nghề dạy học trong nền kinh tế thị trường.

+ Tiêu chí thứ hai: Nắm được những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của nền kinh tế thị trường.

+ Tiêu chí thứ ba: Nắm được cách rèn luyện để có được các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của nghề dạy học trong nền kinh tế thị trường.

Nhận thức của nghề dạy học trong nền kinh tế thị trường được cho điểm như sau:

Mức cao

Mức khá

Mức trung bình

Mức thấp

Cách thứ hai, Nhận thức của đội ngũ giảng viên về các nội dung của biện pháp nâng cao đạo đức nghề nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

Thái độ đó được thể hiện ở mức độ sau đây:

+ Giảng viên đồng tình đồng với những biện pháp nâng cao hoặc không đồng tình, phản đối với những hành vi không phù hợp hoặc đi ngược lại những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

+ Giảng viên sẵn sàng và mong muốn thực hiện những biện pháp phù hợp với các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

+ Giảng viên có những xúc cảm tích cực với những hành vi phù hợp với các chuẩn mực, thể hiện ở sự thích thú, vui mừng và cảm thấy xấu hổ, buồn bực trước các hành vi không phù hợp với các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

Nhằm đánh giá thái độ của giảng viên về biện pháp nâng cao đạo đức nghề nghiệp của nghề dạy học trong nền kinh tế thị trường, chúng tôi xác định các tiêu chí đánh giá sau:

+ Tiêu chí thứ nhất: Đồng tình, ủng hộ các các biện pháp và phản đối những biện pháp đối với đạo đức nghề nghiệp của nghề sư phạm trong nền kinh tế thị trường.

+ Tiêu chí thứ hai: Sẵn sàng thực hiện các biện pháp phù hợp với đạo đức nghề nghiệp của nghề dạy học trong nền kinh tế thị trường.

+ Tiêu chí thứ ba: Có cảm xúc tích cực ủng hộ những biện pháp phù hợp và không đồng tình trước những biện pháp không phù hợp với đạo đức nghề nghiệp của nghề dạy học trong nền kinh tế thị trường.

Trên cơ sở những tiêu chí trên, Tác giả xác định cho điểm theo tiêu chí sau: Rất tích cực

Tích cực

Bình thường

Tiêu cực

Cách thứ ba, Đánh giá mức độ biểu hiện của đội ngũ giảng viên về những thực trạng nhận thức, thái độ, hành vi của giảng viên về đạo đức nghề nghiệp trong nền KTTT.

Hành vi thể hiện đạo đức nghề nghiệp của giảng viên về thực chất là những hành động thể hiện đạo đức nghề nghiệp trong các phương diện khác nhau: Học tập, vui chơi, giải trí của giảng viên. Mặt bên trong của hành vi là mục đích của động cơ. Do đó, khi đánh giá hành vi thể hiện đạo đức nghề nghiệp, chúng tôi phải xem xét các khía cạnh bên trong cũng như bên ngoài của hành vi đó. Chúng tôi đã tiến hành khái quát hóa các hành vi thể hiện đạo đức nghề nghiệp thành các nhóm:

- + Hành vi đạo đức nghề nghiệp thể hiện trong giao tiếp.
- + Hành vi đạo đức nghề nghiệp thể hiện trong giảng dạy.
- + Hành vi đạo đức nghề nghiệp thể hiện trong cuộc sống.
- + Hành vi đạo đức nghề nghiệp thể hiện với chính bản thân mình.

Nhằm đánh giá mức độ biểu hiện hành vi nghề nghiệp của giảng viên trong nền KTTT, chúng tôi đã căn cứ vào tần xuất biểu hiện của các hành vi NN thông qua các hoạt động của giảng viên. Tần xuất này biểu thị chất lượng hành vi của giảng viên. Cụ thể:

- + Hành vi biểu hiện rất thường xuyên.
- + Hành vi biểu hiện thường xuyên.
- + Hành vi thi thoảng biểu hiện.
- + Không biểu hiện hành vi.

Như vậy, điểm cao nhất mà giảng viên có thể đạt là. Trên cơ sở đó chúng tôi phân thành 4 loại:

- + Mức cao
- + Mức khá
- + Mức trung bình
- + Mức thấp

Như vậy, hành vi nghề nghiệp là biểu hiện tập trung nhất của đạo đức nghề nghiệp của nghề dạy học trong nền KTTT, nó là kết quả và đích cuối cùng của đạo đức nghề nghiệp công tác nâng cao đạo đức nghề nghiệp của giảng viên trong nền KTTT. Đạo đức nghề nghiệp của nghề dạy học được biểu hiện rõ nhất và nhiều nhất thông qua các hành vi và tất cả các hoạt động của giảng viên (Học tập, lao động, giải trí, vui chơi).

2.1.2 Thực trạng nhận thức về đạo đức nghề nghiệp của giảng viên các trường đại học và cao đẳng ngành xây dựng tại Hà Nội trong bối cảnh kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay.

Để tiến hành điều tra thực trạng nhận thức về đạo đức nghề nghiệp của giảng viên các trường ĐH và CĐ ngành xây dựng tại Hà Nội trong bối cảnh kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay. Tác giả đã gửi phiếu điều tra tại Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội, CĐ xây dựng công trình đô thị, CĐ xây dựng số1 Hà Nội, số lượng giảng viên gửi phiếu điều tra là 326 (Trong đó có 101 giảng viên Đại học và 225 giảng viên Cao đẳng).

- Nội dung khảo sát thứ nhất, nhận thức của giảng viên về ĐĐNN của nghề dạy học trong nền KTTT.

Chúng tôi đã sử dụng phiếu điều tra mẫu sau: Phụ lục 1

Bảng1: Nhận thức của giảng viên về ĐĐNN của nghề dạy học trong nền kinh tế thị trường.

Kết quả nhận thức của giảng viên về ĐĐNN trong nền KTTT được điều tra, tổng hợp, xử lý số liệu và thể hiện trong bảng sau:

TT	Đối tượng	Số lượng	Xếp loại							
			Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	GVĐH	101	50		17		20		13	
2	GVCD	225	98		60		43		24	

Phân tích kết quả bảng 1 chúng tôi nhận thấy:

+ Một bộ phận đáng kể những giảng viên có nhận thức ở mức độ tốt. Họ đã chỉ ra những phẩm chất trụ cột trong đạo đức nghề nghiệp, xác định được những giá trị mới trong khái niệm đạo đức nghề nghiệp do ảnh hưởng của kinh tế thị trường, các phẩm chất đó là: Thế giới quan khoa học, yêu nghề, quý trò, bao dung, độ lượng, khiêm tốn, thật thà, năng động, sáng tạo, biết làm giàu một cách chính đáng.

+ Một bộ phận khá lớn các giảng viên nhận thức ở mức trung bình. Họ chỉ ra được một phẩm chất của đạo đức nghề nghiệp nhưng không đánh giá được ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường đối với khái niệm đạo đức nghề nghiệp.

+ Một bộ phận giảng viên, điển hình một số giảng viên mới vào nghề còn nhận thức ở mức yếu, sai lầm trong nhận thức một số nội hàm của khái niệm đạo đức nghề nghiệp trong nền kinh tế thị trường, không chỉ ra những biểu hiện cụ thể của những nội hàm khái niệm này.

- *Nội dung khảo sát thứ hai, nhận thức của đội ngũ giảng viên về các nội dung và biện pháp của nâng cao đạo đức nghề nghiệp trong nền kinh tế thị trường.*

Chúng tôi đã sử dụng phiếu điều tra mẫu sau: Phụ lục 2

Kết quả nhận thức của đội ngũ giảng viên về các nội dung của giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong nền kinh tế thị trường được điều tra, tổng hợp, xử lý số liệu và thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2: Nhận thức của đội ngũ giảng viên về các nội dung và biện pháp của nâng cao đạo đức nghề nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

TT	Đối tượng	Số lượng	Xếp loại							
			Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	GVĐH	101	18		19		25		29	
2	GVCD	225	94	17.9	55	10.4	262	49.9	114	21.7

Kết quả điều tra bảng 2 cho thấy:

+ Một bộ phận lớn các giảng viên có nhận thức tốt và khá về các nội dung và biện pháp của nâng cao đạo đức nghề nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Những giảng viên này đã xác định được tất cả các biện pháp cần thiết để nâng cao ĐĐNN của người giảng viên.

+ Một bộ phận lớn có nhận thức về nội dung của nâng cao đạo đức nghề nghiệp trong nền kinh tế thị trường ở mức độ trung bình. Họ đã chỉ ra được những nội dung cơ bản của giáo dục đạo đức nghề nghiệp như: giáo dục lòng yêu nghề, giáo dục lòng yêu quý học trò, giáo dục lòng khiêm tốn giản dị. Tuy nhiên, họ đã không xác định được những nội dung mới trong giáo dục đạo đức nghề nghiệp như: Giáo dục tính năng động, sáng tạo, giáo dục ý thức làm giàu chính đáng.

+ Một bộ phận nhỏ giảng viên có nhận thức ở mức độ yếu. Họ nhầm lẫn hoặc không chỉ ra những nội dung cơ bản của giáo dục đạo đức nghề nghiệp. Nghiên cứu những phiếu này chúng tôi nhận thấy: Họ đã không cho rằng giáo dục tư tưởng - chính trị, giáo dục thế giới quan khoa học là những nội dung của giáo dục đạo đức nghề nghiệp. Dĩ nhiên, họ cũng không thể chỉ

ra được những nội dung mới trong công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho giảng viên trong nền kinh tế thị trường.

Qua phân tích và trao đổi trực tiếp với từng giảng viên về vấn đề điều tra, tôi nhận thấy: 100% giảng viên đánh giá nghề dạy học là nghề rất cao quý, tất cả các môn học trong trường sư phạm đều có tác dụng giáo dục ĐĐNN. Tuy nhiên, điều đó lại phụ thuộc vào nhận thức và trình độ của mỗi giảng viên. Tất cả các giảng viên cho rằng: Việc thực hiện các biện pháp nâng cao ĐĐNN là rất khó khăn và phức tạp và do ảnh hưởng tiêu cực từ phía bên ngoài và bản thân nâng cao ĐĐNN là một quá trình lâu dài và công phu. Tất cả các giảng viên cho rằng: Phải có thêm nhiều biện pháp mới trong nâng cao ĐĐNN đặc biệt là trong nền KTTT ở Việt Nam hiện nay. Các biện pháp đó phải tính đến những thay đổi trong tâm, sinh lý và nhân cách của người thầy giáo vì trong những năm gần đây do nhu cầu, động cơ, thang giá trị, lý tưởng nghề dạy học đã có nhiều thay đổi so với trước đó.

- ***Nội dung khảo sát thứ ba, nhận thức của đội ngũ giảng viên về những thực trạng nhận thức, thái độ, hành vi của giảng viên về đạo đức nghề nghiệp trong nền KTTT.***

Kết quả nhận thức của đội ngũ giảng viên về những thực trạng nhận thức, thái độ, hành vi của giảng viên về đạo đức nghề nghiệp trong nền kinh tế thị trường được điều tra, tổng hợp, xử lý số liệu và thể hiện trong bảng sau:
Phụ lục 3

Kết quả nhận thức của đội ngũ giảng viên về những thực trạng nhận thức, thái độ, hành vi của giảng viên về ĐĐNN trong nền KTTT.

T T	Đối tượng	Số lưu g	Xếp loại							
			Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	GV	230	32	13.9	36	15.6	102	44.3	60	26.1
2	GV CĐXDCTĐT	225	45	20	37	16.4	80	35,5	63	28

Kết quả điều tra bảng 3 cho thấy:

+ Một bộ phận khá lớn có nhận thức khá về nhận thức, thái độ, hành vi của giảng viên về ĐĐNN trong nền KTTT. Những giảng viên này đã xác định được vị trí, vai trò của việc nâng cao đạo đức nghề nghiệp và đánh giá tương đối đúng tầm quan trọng của việc nâng cao đạo đức nghề nghiệp. Tuy nhiên họ chưa đánh giá đúng vai trò quan trọng của các biện pháp mới được tiến hành trong điều kiện kinh tế thị trường.

+ Một bộ phận giảng viên chưa nhận thức đúng về biện pháp giáo dục nâng cao đạo đức nghề nghiệp. Qua điều tra, chúng tôi nhận biết đây chính là những giảng viên trẻ mới ra trường, thâm niên nghề nghiệp chưa cao. Vì vậy, kết quả nhận thức của họ về vấn đề điều tra ở mức yếu là hiển nhiên.

Qua phân tích các phiếu hỏi và điều tra đối với các giảng viên chúng tôi nhận thấy: 100% đánh giá nghề dạy học là nghề rất cao quý. Các giảng viên nhận thấy việc hình thành đạo đức nghề nghiệp của mình được hình thành qua ba giai đoạn:

+ Trước khi vào trường sư phạm hoặc các trường Đại học, Cao đẳng chuyên nghiệp.

+ Trong khi học tập.

+ Khi ra trường và đi làm ở môi trường sư phạm.

Tất cả các giảng viên đã đồng ý với quan điểm: mọi thành viên trong nhà trường đều phải tự nâng cao, bồi dưỡng nhận thức, ý thức của mình về đạo đức nghề nghiệp. Mặc dù trong điều kiện thực tế hiện nay do tác động của kinh tế thị trường ảnh hưởng sâu sắc đến việc hình thành đạo đức nghề nghiệp, nó có cả mặt tích cực và tiêu cực. Chính vì vậy cần có thêm nhiều biện pháp mới trong giáo dục đạo đức nghề nghiệp đặc biệt trong nền KTTT hiện nay. Cần đưa các biện pháp mới để thay đổi trong tâm, sinh lý và nhân cách cá nhân trước khi vào nghề sư phạm như nhu cầu, động cơ, thang giá trị, lý tưởng nghề nghiệp.

Tiểu kết: Nhận thức của đội ngũ giảng viên các trường đại học và cao đẳng ngành xây dựng về các vấn đề điều tra (khái niệm, nội dung, biện pháp) chủ yếu là ở mức độ khá và trung bình, một bộ phận khá lớn ở mức tốt, còn lại ở mức yếu. Kết quả điều tra này có rất nhiều lý do. Trình độ, nghiệp vụ, hiểu biết của một số giảng viên chưa thật sự cao, sâu rộng. Mặc dù một bộ phận giảng viên đã được học tập, bồi dưỡng để đạt được yêu cầu chuẩn hóa đội ngũ cán bộ sư phạm của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhưng để đáp ứng nhu cầu thực tiễn giáo dục, đào tạo thì bản thân mỗi giảng viên cần cố gắng rất nhiều.

2.1.2 Những vấn đề đặt ra đối với đạo đức nghề nghiệp của giảng viên các trường đại học và cao đẳng ngành xây dựng tại Hà Nội trong bối cảnh kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay.

- Chương trình, tài liệu

Nâng cao đạo đức nghề nghiệp cho giảng viên không phải là một môn học mà nó là một tổ hợp các hoạt động được thực hiện lồng ghép và tích hợp với tất cả các hoạt động khác. Do đó không có chương trình và tài liệu cụ thể cho công tác nâng cao đạo đức nghề nghiệp.

Hơn nữa, cũng không có tài liệu, hướng dẫn nào về công tác nâng cao đạo đức nghề nghiệp. Do đó việc định hướng nhiệm vụ nâng cao đạo đức nghề nghiệp cho người giảng viên gặp nhiều khó khăn trong quá trình nghiên cứu

- Hạn chế về năng lực sư phạm

Người hiểu rõ vấn đề này nhất chính là các giảng viên. Họ hiểu năng lực sư phạm của mình và năng lực nào mạnh, năng lực nào còn hạn chế và có đáp ứng được nhiệm vụ nâng cao đạo đức nghề nghiệp hay không?

Năng lực sư phạm của người giảng viên - một bộ phận quan trọng trong đạo đức nghề nghiệp, bao gồm một tổ hợp các năng lực khác nhau; năng lực giảng dạy; năng lực giáo dục; năng lực tổ chức. Tuy nhiên giảng viên sư phạm thường chú ý đến năng lực giảng dạy mà ít chú ý đến hai năng lực còn

lại. Do đó, năng lực sư phạm chưa đạt được toàn diện.

Sự hạn chế của năng lực sư phạm là một trở ngại khó vượt qua nhất trong công tác nâng cao đạo đức nghề nghiệp. Sự trở ngại đó làm cho lực lượng giáo dục không thể có đủ kiến thức về các biện pháp nâng cao đạo đức nghề nghiệp, chưa đề cập đến việc thực hiện các biện pháp một cách có hiệu quả.

Như vậy, trước khi nâng cao chất lượng đạo đức nghề nghiệp cho giảng viên thì phải chú ý đến nâng cao năng lực sư phạm cho giảng viên, vì người giảng viên là yếu tố quyết định trực tiếp công tác nâng cao đạo đức nghề nghiệp.

- Một số khó khăn khác

Đời sống khó khăn của giảng viên là một trong những nguyên nhân lớn khiến họ không hoặc ít tập trung cho công việc. Theo các điều tra xã hội học và trò chuyện trực tiếp với các lực lượng giáo dục, chúng tôi nhận thấy thu nhập của họ thấp, đặc biệt là hai trường CĐXD công trình đô thị và CĐXD số 1. Bản thân họ nhận thấy vì đặc trưng nghề nghiệp nên họ khó đi làm thêm, buôn bán hay kinh doanh để cải thiện cuộc sống dù rất chính đáng và hợp pháp. Vì vậy, đa số họ chấp nhận khó khăn. Một bộ phận các giảng viên không chấp nhận những khó khăn đó, họ tìm cách nâng cao chất lượng cuộc sống và lẽ dĩ nhiên họ không thể toàn tâm, toàn ý cho công tác giáo dục nói chung và nâng cao đạo đức nghề nghiệp của mình.

Như vậy, có rất nhiều khó khăn đang trực tiếp hay gián tiếp tác động đến quy trình đào tạo người giáo viên trong các trường sư phạm nói chung và công tác nâng cao đạo đức nghề nghiệp nói riêng. Công tác nâng cao đạo đức nghề nghiệp cho giảng viên hiện nay vốn là một quá trình lâu dài, phức tạp và nhạy cảm, nay lại đương đầu trước những ảnh hưởng tiêu cực của nền KTTT và những khó khăn nêu trên thì khó có thể đạt kết quả cao.

Kết luận:

Điều tra thực trạng ĐĐNN của giảng viên ở ba trường ĐH Kiến trúc, CĐXD công trình đô thị, CĐXD số 1 thuộc Bộ Xây dựng chúng tôi có thể kết

luận:

Các trường đào tạo được đội ngũ giảng viên có được các phẩm chất ĐĐNN, đáp ứng được những đòi hỏi, yêu cầu của xã hội và lao động sư phạm, được chính quyền địa phương thừa nhận, đánh giá cao và nhân dân tin tưởng. Đội ngũ này góp phần thực hiện mục tiêu CNH - HĐH của đất nước. Về cơ bản, đa phần các giảng viên có được những phẩm chất đạo đức quan trọng, có lý tưởng nghề nghiệp cao đẹp, lòng yêu trò, bao dung độ lượng, ý chí, nghị lực, biết vượt qua những khó khăn của nghề nghiệp để hoàn thành nhiệm vụ và hiệu quả cao nhất.

Các trường đã áp dụng một số biện pháp nâng cao đạo đức nghề nghiệp cho giảng viên phù hợp với thực tiễn giáo dục và nhiệm vụ đào tạo của nhà trường. Trong những biện pháp giáo dục đó, một số biện pháp được các giảng viên sử dụng thường xuyên và mang lại hiệu quả như: Tổ chức ngày lễ hội, thảo luận và tọa đàm, giáo dục tư tưởng chính trị, giáo dục truyền thống nghề nghiệp. Tuy nhiên một số biện pháp còn ít sử dụng (nhất là những biện pháp mới) hoặc khi sử dụng mà không mang lại hiệu quả như mong muốn như: nâng cao đạo đức nghề nghiệp thông qua tự rèn luyện, tổ chức tham quan các cơ sở giáo dục; tạo dư luận đúng đắn trong tập thể.

2.3. Những giải pháp nhằm nâng cao đạo đức nghề nghiệp của giảng viên các trường đại học và cao đẳng ngành xây dựng tại Hà Nội trong bối cảnh kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay.

2.3.1 Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao đạo đức nghề nghiệp của giảng viên các trường đại học và cao đẳng ngành xây dựng tại Hà Nội trong bối cảnh kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay.

- Những nguyên tắc xây dựng giải pháp nâng cao đạo đức nghề nghiệp.

Để có thể đưa ra được những giải pháp nâng cao đạo đức nghề nghiệp của giảng viên trường đại học và cao đẳng ngành xây dựng tại Hà Nội trong bối cảnh kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay cần mang tính khoa học, hợp

lý và hữu hiệu, chúng tôi đã căn cứ từ định hướng lý luận tổng hợp ở Chương 1 và Chương 2 và đề ra các nguyên tắc sau đây:

Thứ nhất, cần đảm bảo tính hệ thống, tức là các biện pháp đưa ra có tính hệ thống được xác định trên một trục thống nhất là: Hướng vào bộ mặt đạo đức nghề nghiệp của người giảng viên. Hơn thế nữa, các biện pháp đưa ra nằm trong một mối quan hệ rất chặt chẽ với nhau, biện pháp này là tiền đề, cơ sở cho biện pháp kia và kế thừa lẫn nhau.

Thứ hai, cần đảm bảo tính thực tiễn, những giải pháp đưa ra phải phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, cụ thể là các điều kiện về cơ sở vật chất, tâm lý, tập quán cho việc thực hiện, áp dụng các biện pháp. Những giải pháp đưa ra phải xuất phát từ những yêu cầu thực tiễn, đó là yêu cầu của quá trình đào tạo giáo viên trong trường sư phạm, đồng thời phải giải quyết được cái mâu thuẫn và góp phần cải tạo thực tiễn. Việc tiến hành điều tra thực trạng diễn ra ở một số trường ĐH, CĐ tiêu biểu của Bộ Xây Dựng nhưng có so sánh, đối chiếu với các trường ĐH, CĐ khác để rút ra những điểm chung, phổ biến cho sự đề xuất các giải pháp.

Thứ ba, cần đảm bảo tính kế thừa và tính hiệu quả, những giải pháp đưa ra dựa trên cơ sở xem xét, kế thừa những thành tựu đã đạt được trong việc nghiên cứu lý luận trước đây và dựa trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm thực tiễn. Khi lựa chọn sử dụng một số giải pháp nào đó, tôi đã cân nhắc tính đến các điều kiện có thể đáp ứng cho biện pháp đó và hiệu quả mà biện pháp mang lại.

Thứ tư, phải dựa trên những đặc trưng chủ yếu của nền KTTT ở Việt Nam vì việc xây dựng các biện pháp nâng cao đạo đức nghề nghiệp cho giảng viên các trường đại học và cao đẳng ngành xây dựng tại Hà Nội trong bối cảnh kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay chỉ có hiệu quả, gắn với thực tiễn khi và chỉ khi việc nâng cao phải tính đến những đặc trưng chủ yếu của nền KTTT định hướng XHCN ở nước ta.

Cụ thể, trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH ở Việt Nam nền KTTT có những nét chung của nền KTTT của các nước tư bản chủ nghĩa. Song, nó lại mang những đặc trưng và màu sắc riêng. Điều này thể hiện: Mục đích của nền KTTT định hướng XHCN là phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế để xây dựng cơ sở sản xuất cho CNXH và nâng cao đời sống nhân dân lao động và các tầng lớp khác trong xã hội; sẽ phát triển theo hướng tồn tại các hình thái kinh tế khác nhau trong đó kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo; có sự quản lý của Nhà nước XHCN, sự quản lý đó thông qua pháp luật, chiến lược, kế hoạch, chính sách đồng thời sử dụng đồng thời sử dụng cơ chế thị trường để thúc đẩy, kích thích sản xuất, phát huy mặt tích cực và hạn chế khuyết tật của cơ chế thị trường bảo vệ quyền lợi nhân dân lao động và các tầng lớp khác trong xã hội; thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế.

Hệ thống biện pháp đưa ra phải tính đến những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của nền KTTT đến quá trình hình thành đạo đức nghề nghiệp cho giảng viên các trường đại học và cao đẳng ngành xây dựng tại Hà Nội trong bối cảnh kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay.

2.3.2 Một số giải pháp nhằm nâng cao đạo đức nghề nghiệp của giảng viên các trường đại học và cao đẳng ngành xây dựng tại Hà Nội trong bối cảnh kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay.

Để nâng cao hơn nữa đạo đức nhà giáo, đặc biệt là giảng viên các trường Đại học và Cao đẳng ngành xây dựng tại Hà Nội đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp giáo dục và đào tạo trong bối cảnh KTTT, những nhà giáo và cán bộ quản lý cần thực hiện tốt một số nội dung sau đây:

Thứ nhất, tích cực và sáng tạo đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, thực hiện các Quy định về “những điều đảng viên không được làm” gắn với các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành, đặc biệt là cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”.

Thứ hai, phải quán triệt nghiêm túc và sâu sắc Quy định về đạo đức nhà giáo đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và những quy định về chuẩn mực đạo đức nhà giáo theo Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 15/6/2004 của Ban Bí thư TW Đảng. Đồng thời phải biến những quy định đó thành chuẩn mực đạo đức để nhà giáo phấn đấu; thành tiêu chuẩn để đánh giá quá trình tu dưỡng, tự rèn luyện, phấn đấu của nhà giáo. Toàn ngành và mỗi đơn vị phải xây dựng đội ngũ nhà giáo có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất và lương tâm nghề nghiệp trong sáng, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có lối sống và ứng xử chuẩn mực, thực sự là tấm gương cho người học noi theo.

Thứ ba, phải làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đạo đức cho mỗi nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Nâng cao hơn nữa nhận thức về vai trò, trọng trách của nhà giáo để mỗi nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục thấy rõ trách nhiệm của mình với xã hội, với việc đào tạo bồi dưỡng con người cho đất nước; thấy rõ được trách nhiệm trong việc bảo vệ danh dự của nhà giáo cũng như của ngành giáo dục, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu. Khơi dậy lương tâm, trách nhiệm, nhiệt huyết, nhiệt tình trong mỗi nhà giáo để mỗi nhà giáo đều có khát vọng cống hiến cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo cũng như sự phát triển của đất nước.

Thứ tư, các nhà trường và cơ sở giáo dục cần chăm lo đến đời sống của nhà giáo, tạo điều kiện thuận lợi nhất (cả vật chất và tinh thần trong điều kiện có thể) để nhà giáo làm việc và cống hiến. Kêu gọi sự quan tâm của toàn xã hội với sự nghiệp giáo dục và đào tạo, nhất là sự ủng hộ của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự đồng thuận của nhân dân.

Thứ năm, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để chấn chỉnh và xử lý kịp thời, nghiêm túc những biểu hiện vi phạm về đạo đức nhà giáo, góp phần làm trong sạch môi trường giáo dục; đồng thời tuyên dương những tấm gương nhà giáo tiêu biểu có lương tâm, trách nhiệm, tận tụy, dành trọn tâm huyết và trí tuệ cho sự nghiệp giáo dục, hết lòng vì học sinh thân yêu.

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ vẻ vang ấy, mỗi giảng viên phải không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao năng lực, trình độ và phẩm chất đạo đức của mình đó là: *phải không ngừng nỗ lực học tập, nâng cao trình độ, kiến thức, năng lực toàn diện và phải thật sự yêu nghề, yêu trò.*

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và điều tra thực trạng, đánh giá những ảnh hưởng của nền KTTT đến quá trình hình thành ĐĐNN của người giảng viên trong giai đoạn hiện nay, xin ý kiến của các chuyên gia, tôi tiến hành đề xuất một số giải pháp sau:

- + Đổi mới nội dung, biện pháp tổ chức thực hiện các biện pháp giáo dục tư tưởng - chính trị theo hướng gắn liền với điều kiện của nền KTTT.

- + Tổ chức các ngày lễ hội mang tính giáo dục sâu sắc, có khả năng mang tính năng động, sáng tạo của người giảng viên.

- + Nêu gương sáng về ĐĐNN, nhấn mạnh những gương sáng trong giai đoạn thực hiện nền KTTT.

- + Đổi mới, quy trình rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên cho giảng viên

- + Tổ chức các hoạt động phong phú, nâng cao khả năng tự giáo dục, tự rèn luyện.

- + Gắn những nội dung của nền KTTT với các nội dung tọa đàm, thảo luận.

- + Lồng ghép, tích hợp các nội dung liên quan của nền KTTT với việc giảng dạy các môn học.

- + Xây dựng môi trường giáo dục, nơi công tác có một môi trường lành mạnh, thẩm mỹ, chống các tác động tiêu cực của nền KTTT.

- + Tuyên truyền về truyền thống nghề dạy học và định hướng giá trị nghề nghiệp trong nền KTTT.

- + Tăng cường kiểm tra, đánh giá khuyến khích giảng viên tự kiểm tra, tự đánh giá về nhân cách nghề nghiệp. Xây dựng và thực hiện qui chế khen thưởng và trách phạt rõ ràng hợp lý.

- + Tạo dư luận tập thể đúng đắn.

Sự phân loại này chỉ có tính chất tương đối vì mỗi biện pháp nhằm mục đích nâng cao ĐĐNN đều có tác dụng ảnh hưởng đến tất cả các yếu tố (Nhận thức, thái độ, hành vi, thói quen NN). Tuy nhiên, mỗi biện pháp lại có những tác dụng, ảnh hưởng ở những mức độ khác nhau. Dựa trên mức độ đó các thể phân loại để dễ dàng vận dụng trong thực tiễn đào tạo giảng viên.

*** Đánh giá kết quả**

- *Đổi mới nội dung, biện pháp tổ chức thực hiện các biện pháp giáo dục tư tưởng - chính trị theo hướng gắn liền với điều kiện của nền KTTT.*

+ ***Ý nghĩa:*** Công tác giáo dục tư tưởng - chính trị là biện pháp cung cấp một cách cơ bản và hệ thống nhất cho giảng viên những tri thức, hiểu biết về quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước. Biện pháp giáo dục này có tác dụng hình thành ở giảng viên lý tưởng cách mạng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam. Đồng thời, đây cũng là biện pháp giúp giảng viên nhận thức rõ những luận điểm phản động, lừa bịp, chống đối chế độ XHCN. Biện pháp giáo dục này càng có ý nghĩa và giá trị hơn trong bối cảnh các lực lượng thù địch bên ngoài cấu kết và móc nối và kích động bọn phản động bên trong hòng lật đổ chính quyền và chế độ XHCN.

+ ***Mục đích:*** Việc đổi mới nội dung, biện pháp tổ chức thực hiện các biện pháp giáo dục tư tưởng - chính trị theo hướng gắn liền với điều kiện của nền KTTT nhằm làm cho công tác giáo dục tư tưởng – chính trị trở nên phong phú, hấp dẫn, lôi cuốn gắn liền với thực tiễn và có hiệu quả cao trong quá trình nâng cao ĐĐNN cho đội ngũ giảng viên.

+ *Cách thức tổ chức và những chú ý khi thực hiện:*

Giảng viên tham gia nghiên cứu và học tập đầy đủ các buổi học nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng, tham gia các lớp bồi dưỡng chính trị, thảo luận nói chuyện chính trị; tổ chức các hoạt động có ý nghĩa giáo dục tư tưởng chính trị. Đổi mới cách thức tổ chức thực hiện giáo dục tư tưởng chính trị theo hướng gắn liền với thực tiễn sôi động của đất nước, với

các điều kiện của nền KTTT, phát huy tính tích cực và sáng tạo của giảng viên, đa dạng hóa các hình thức tổ chức, xã hội hóa việc tổ chức các hoạt động, huy động sự tham gia tích cực của các giảng viên trong công tác giáo dục tư tưởng chính trị.

Xây dựng kế hoạch giáo dục tư tưởng chính trị đảm bảo khoa học, hợp lý, đúng mục đích, nhiệm vụ; tuyệt đối tránh căn bệnh hình thức; thành tích; đa dạng hóa các hình thức tổ chức, hoạt động để lôi cuốn tất cả giảng viên tham gia; lồng ghép các hoạt động giáo dục tư tưởng chính trị vào các hoạt động khác trong trường sư phạm một cách khéo léo và hiệu quả; chuẩn bị nguồn kinh phí và cơ sở vật chất đảm bảo; gắn các hoạt động của nhà trường nơi giảng viên đang công tác với thực tiễn xây dựng và bảo vệ đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Khuyến khích, đặc biệt là những giảng viên trẻ mới vào nghề phấn đấu đứng trong hàng ngũ của Đảng, người giảng viên nhận thấy được vị trí, vai trò quan trọng của mình về vị trí của người thầy, có trách nhiệm đào tạo xây dựng một thế hệ trẻ, tạo nền tảng để xây dựng tương lai cho đất nước.

- Tổ chức các ngày lễ hội mang tính giáo dục sâu sắc, có khả năng mang tính năng động, sáng tạo của người giảng viên.

+ ***Ý nghĩa:*** Cuộc sống của người giảng viên trong nhà trường rất phong phú vì số lượng cũng như việc tổ chức các ngày lễ, hội diễn ra rất trọng thể. Việc tổ chức các ngày lễ, hội giúp người giảng viên có cuộc sống vật chất và tinh thần tươi vui, lạc quan, yêu đời, được thể hiện và khẳng định bản thân, được phát huy tính năng động, sáng tạo. Đây là những phẩm chất quan trọng đối với quá trình hình thành những phẩm chất ĐĐNN của người giảng viên.

Trong số những ngày lễ, hội thì ngày Hiến chương nhà giáo (20/11) là quan trọng nhất. Qua việc phỏng vấn một số giảng viên, đặc biệt là một số giảng viên mới vào nghề (sau khi dự lễ kỷ niệm ngày 20/11). Những giảng

viên đó đều chung một cảm nghĩ: Rất tự hào về nghề dạy học, tự hứa với mình sẽ cố gắng phấn đấu để xứng đáng với nghề mình đã lựa chọn. Chúng tôi đã trò chuyện nhiều với những giảng viên giảng dạy những môn học kỹ thuật. Trước đây họ không được đào tạo trong môi trường sư phạm. Khi ra trường vì những lý do khác nhau họ đã trở thành giáo viên. Các giảng viên này đều thừa nhận những suy nghĩ của mình trước đây về nghề dạy học là chưa đúng đắn, chưa đầy đủ về ĐĐNN của nghề dạy học. Với tính chất độc đáo của ngày 20/11 (tôn vinh các thầy cô giáo) như vậy, các trường sư phạm thường rất chú trọng tổ chức ngày này để tôn vinh nghề dạy học. Do đó, chúng ta có thể xem hoạt động tổ chức các ngày lễ, hội cũng là biện pháp nâng cao ĐĐNN cho giảng viên.

+ **Mục đích:** Trong nền KTTT, việc tổ chức các ngày lễ, hội nhằm lôi cuốn các giảng viên tham gia các hoạt động phong phú, hình thành những phẩm chất ĐĐNN tích cực của nền KTTT (Năng động, sáng tạo, ý thức lập thân, lập nghiệp, mong muốn làm giàu chính đáng, thích ứng nhanh chóng và hòa đồng với mọi người xung quanh) và hạn chế những tiêu cực (Sự ganh đua thái quá, lối sống thực dụng, ích kỷ, hẹp hòi, quá đề cao lối sống vật chất, hưởng thụ).

+ **Cách thức tổ chức và những chú ý khi thực hiện:** Việc tổ chức các ngày lễ, hội phải đúng theo mục đích, ý nghĩa giáo dục thiết thực của nó; tuyệt đối tránh bệnh hình thức, thành tích trong việc tổ chức những ngày lễ hội; đa dạng hóa các hình thức tổ chức, lôi cuốn giáo viên tham gia một cách nhiệt tình, hào hứng nhất; xây dựng kế hoạch tổ chức một cách khoa học, hợp lý phù hợp với môi trường giáo dục; không quá cầu kỳ hoặc phô trương hình thức trong việc tổ chức, tránh gây tốn kém tiền bạc mà không có tác dụng; có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong nhà trường sư phạm; có sự tham gia của nhiều tổ chức xã hội.

- *Nêu gương sáng về ĐĐNN, nhấn mạnh những gương sáng trong giai đoạn thực hiện nền KTTT.*

+ ***Ý nghĩa:*** Lao động sư phạm là một loại lao động đặc biệt vì công cụ của nó chính là nhân cách của người thầy giáo. Do đó, hiệu quả lao động sư phạm phụ thuộc rất lớn vào công cụ đó. Điều này đặt ra yêu cầu cho người thầy giáo là phải liên tục trao dồi nhân cách để công cụ lao động của họ luôn sắc, bén, tinh nhạy và tạo ra hiệu quả cao. Hơn thế nữa, mối quan hệ trong công việc của người giảng viên với đối tượng của mình (Sinh viên) là mối quan hệ nhân cách. Nhân cách của Sinh viên chịu ảnh hưởng lớn trực tiếp từ nhân cách của giảng viên sư phạm. Chính vì vậy, mỗi giảng viên sư phạm phải thực sự là những tấm gương sáng để sinh viên noi theo. Tấm gương sáng là sự gương mẫu, chuẩn mực của người giảng viên sư phạm từ lời ăn, tiếng nói, lối sống, thế giới quan, các phẩm chất nghề nghiệp đến điều đơn giản nhất như đầu tóc, trang phục. Mỗi giảng viên sư phạm phải là “khuôn vàng, thước ngọc” để sinh viên học tập và noi theo.

Để trở thành những tấm gương sáng về ĐĐNN không đơn giản. Mỗi giảng viên sư phạm trước hết là những con người bình thường, cũng có những nhu cầu hết sức bình thường. Ăn, uống, vui chơi, tận hưởng thành quả lao động của bản thân. Trước sự hấp dẫn của cuộc sống giàu sang, lối sống hưởng thụ và những ảnh hưởng tiêu cực, mua chuộc của nền KTTT đang làm xáo trộn rất nhiều các vấn đề trong xã hội, giảng viên phải có “bản lĩnh sư phạm”. Do vậy, nếu giảng viên không thật sự mẫu mực thì hậu quả hết sức khôn lường. Tuy nhiên, để trở thành những tấm gương sáng thì đòi hỏi người giảng viên phải tự rèn luyện, tự phấn đấu thường xuyên và có hệ thống. Thực tế cho thấy, nhiều giảng viên nhờ có quá trình rèn luyện, phấn đấu mẫu mực trong lối sống và hình thành được cho bản thân uy tín, họ đã thực hiện được nhiệm vụ dạy học và giáo dục đạt hiệu quả cao. Trong ánh mắt của sinh viên, họ trở

thành biểu tượng của ý chí vươn lên, là hình ảnh mẫu mực có tính chất lý tưởng mà họ kính trọng và noi theo.

+ **Mục đích:** Biện pháp này nhằm nêu ra những tấm gương sáng về ĐĐNN, đặc biệt là những tấm gương sáng trong điều kiện thực hiện nền KTTT

(Năng động, sáng tạo, ý thức lập thân, lập nghiệp, mong muốn làm giàu chính đáng) để sinh viên học tập và làm theo. Đồng thời, cũng tạo động lực phấn đấu cho các bạn bè đồng nghiệp trong môi trường làm việc học tập. Biện pháp này cũng đẩy lùi mặt tiêu cực ảnh hưởng của nền KTTT (Lối sống thực dụng, chủ nghĩa cá nhân cực đoan, ích kỷ, hẹp hòi, đố kỵ).

+ **Cách thức tổ chức và những chú ý khi thực hiện:** Giảng viên phải thường xuyên, liên tục, trao đổi nhân cách và chú ý xây dựng uy tín sư phạm cho mình, đối với nghề sư phạm thì yếu tố uy tín sư phạm quyết định chất lượng dạy học và giáo dục, có những quy định cụ thể và nghiêm khắc về ĐĐNN trong nhà trường, làm tốt công tác phê bình và tự phê bình giúp giảng viên thường xuyên tự giáo dục, rèn luyện bản thân. Tránh được những cám dỗ từ cuộc sống hưởng thụ, thực dụng; thực hiện dân chủ hóa trường học, tạo ra quan hệ dân chủ và bình đẳng; sự mất dân chủ, bùng bít thông tin và mất bình đẳng trong quan hệ với giảng viên – sinh viên là một trong những nguyên nhân tạo nên sự xuống cấp và tha hóa trong một bộ phận giảng viên.

- **Đổi mới, quy trình rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên cho giảng viên.**

+ **Ý nghĩa:** Hoạt động rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên cho giảng viên bao gồm rất nhiều hoạt động phong phú: Tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, tổ chức các hội thi giáo viên dạy giỏi các cấp. Đây là các hoạt động đặc trưng của môi trường giáo dục, hoạt động này giúp giảng viên có những kỹ năng, kỹ xảo cần thiết cho lao động nghề nghiệp của mình trên cơ sở đó để hình thành những phẩm chất ĐĐNN cần thiết.

+ **Mục đích:** Biện pháp này nhằm tối ưu hóa, thay đổi theo hướng tích cực các quy trình, biện pháp, cách thức tổ chức quy trình rèn luyện nghiệp vụ

sư phạm, gắn liền với những thực tiễn dạy học và giáo dục nhằm nâng cao những kỹ năng cần thiết của nghề nghiệp.

+ ***Cách thức tổ chức và những chú ý khi thực hiện:*** Xây dựng quy trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho cả năm học để chủ động trong khâu quản lý và tổ chức, đa dạng các hình thức rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, tạo ra nhiều hình thức mới để lôi cuốn giảng viên tham gia với tinh thần cao nhất, tham gia một cách tích cực, tránh bệnh hình thức và thành tích. Những giảng viên có kinh nghiệm lâu năm, giảng dạy giỏi có thể chia sẻ phương pháp giảng dạy với những giảng viên mới vào nghề.

- ***Tổ chức các hoạt động phong phú, nâng cao khả năng tự giáo dục, tự rèn luyện.***

+ ***Ý nghĩa:*** Xét cho cùng thì giáo dục ĐĐNN phải làm chuyển biến về mọi mặt của người giảng viên, giúp họ biến quá trình giáo dục ĐĐNN thành quá trình tự giáo dục, tự rèn luyện của bản thân. Việc tự giáo dục, tự rèn luyện là một sự thể hiện trình độ cao về ý thức, đạo đức của người thầy. Người giảng viên nhận thấy những phẩm chất ĐĐNN cần có của người giảng viên và họ tự so sánh thấy mình có những phẩm chất gì, để từ đó họ tự giáo dục, tự rèn luyện bản thân mình để hướng tới mục đích đặt ra và trở thành một người giáo viên ưu tú. Thực tế cho thấy những giảng viên có ý thức tự giáo dục, tự rèn luyện bản thân thường có chất lượng giảng dạy tốt, mô phạm trong cuộc sống hàng ngày, mẫu mực với học trò. Những phẩm chất ĐĐNN được hình thành thông qua con đường tự giáo dục, tự rèn luyện thường bền vững và sâu sắc. Chính vì những lý do nêu trên, nhiều giảng viên cho rằng tự giáo dục, tự rèn luyện là con đường quan trọng nhất để hình thành những phẩm chất ĐĐNN của người giảng viên.

Trong nền KTTT, biện pháp giáo dục này có ý nghĩa hết sức quan trọng. Nhờ có biện pháp này mà giảng viên có thể hình thành được những nét tích cực của nền KTTT: Tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong công việc,

nâng cao tính phê bình và tự phê bình. Biện pháp này có tác dụng ngăn chặn những ảnh hưởng tiêu cực của nền KTTT. Lối sống thực dụng, chủ nghĩa cá nhân, ích kỷ, hẹp hòi.

+ **Mục đích:** Biện pháp này nhằm tổ chức các hoạt động phong phú, hấp dẫn, lôi cuốn giảng viên tham gia tích cực. Biện pháp này nhằm biến quá trình giáo dục, rèn luyện thành tự giáo dục, tự rèn luyện, phát huy khả năng chủ động, sáng tạo và tích cực góp phần hình thành các phẩm chất ĐĐNN.

+ **Cách thức tổ chức và những chú ý khi thực hiện:** Để mỗi người giảng viên làm tốt việc tự giáo dục, tự rèn luyện thì trước hết làm cho họ nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của hoạt động này trong môi trường giáo dục để trở thành người giảng viên mẫu mực hình thành cho mỗi giảng viên nhu cầu tự giáo dục, tự rèn luyện; giảng viên tự trang bị phương pháp, cách thức và kinh nghiệm trong tự giáo dục, tự rèn luyện.

- **Gắn những nội dung của nền KTTT với các nội dung tọa đàm, thảo luận.**

+ **Ý nghĩa:** Việc tổ chức các buổi tọa đàm, thảo luận hướng tới những chủ đề phong phú và đa dạng có ý nghĩa quan trọng đối với sự hình thành và phát triển các phẩm chất ĐĐNN cho giảng viên, làm cho nhận thức, thái độ và hành vi của họ có những thay đổi lớn, thậm chí có tính chất bước ngoặt. Những giảng viên có đạo đức tốt và những giảng viên suy thoái đạo đức cũng phải tự nhận thức, tự đánh giá một cách nghiêm túc, tự đối chiếu bản thân với những gì đã nghe, đã thấy và tự chịu trách nhiệm trước lương tâm về nhận thức thái độ và hành vi của bản thân. Việc tổ chức các buổi tọa đàm, thảo luận giúp giảng viên trình bày các vấn đề một cách rõ ràng, mạch lạc, có luận chứng, tự tin thu nhận kiến thức. Đây là những phẩm chất rất cần thiết cho công việc của người giảng viên.

+ **Mục đích:** Biện pháp này nhằm làm cho nội dung các buổi tọa đàm và giảng viên trở nên sống động, hấp dẫn gắn liền với các điều kiện của nền

KTTT. Từ đó sẽ có những tác động mạnh mẽ và tích cực tới nhận thức, thái độ, hành vi nghề nghiệp của người giảng viên.

+ **Cách thức tổ chức và những chú ý khi thực hiện:** Có thể tọa đàm với những nội dung: Học tập những tấm gương của nhà giáo ưu tú và nhà giáo nhân dân; đạo đức của giảng viên trong nền KTTT; đạo đức của nghề dạy học trong nền KTTT; vai trò, vị trí của nghề dạy học, của người thầy giáo trong nền KTTT.

Việc tổ chức tọa đàm, thảo luận cần chú ý: Lựa chọn chủ đề đảm bảo tính giáo dục, phù hợp với mục đích, nhiệm vụ giáo dục, lôi cuốn được tất cả giảng viên tham gia tránh bệnh thành tích, đối phó và hình thức.

- **Lồng ghép, tích hợp các nội dung liên quan của nền KTTT với việc giảng dạy các môn học.**

+ **Ý nghĩa:** Thực chất để nâng cao ĐĐNN cho giảng viên không được sắp xếp hình thành một môn học hay tài liệu nhất định nào. Mỗi giảng viên nhận thức được những phẩm chất ĐĐNN của mình rồi tự trao dồi, nhận thức để nâng cao phẩm chất ĐĐNN. Trong đó, một trong những biện pháp có thể sử dụng đó là giảng viên lồng ghép, tích hợp các nội dung liên quan của nền KTTT với việc giảng dạy các môn học mà mình phụ trách để nhận thấy tác động của KTTT đến giáo dục hiện nay.

Trong các trường Đại học, Cao đẳng thuộc Bộ Xây dựng đào tạo các ngành kỹ thuật phục vụ cho sự phát triển hạ tầng của đất nước. Chính vì thế mà cũng bị tác động một cách trực tiếp đến đội ngũ giảng viên hiện đang công tác..

+ **Mục đích:** Việc lồng ghép, tích hợp các nội dung liên quan của nền KTTT với việc giảng dạy các môn học nhằm làm cho các môn học thêm phong phú, không xa rời thực tiễn sinh động. Trong quá trình giảng dạy giảng viên nắm được các mặt tích cực, tiêu cực của KTTT. Trên cơ sở đó định hướng đúng đắn, phù hợp với giá trị nghề nghiệp trong nền KTTT, có ý thức

rèn luyện khả năng sáng tạo, chủ động phòng tránh những mặt tiêu cực của nền KTTT đối với quá trình tự giáo dục, tự rèn luyện.

+ ***Cách thức tổ chức và những chú ý khi thực hiện:*** Lựa chọn những nội dung thích hợp, có liên quan đến KTTT; xác định khả năng lồng ghép của mỗi môn học, tích cực lồng ghép những nội dung bài giảng. Để gắn liền thực tiễn đời sống với môi trường giáo dục.

- ***Xây dựng môi trường giáo dục, nơi công tác có một môi trường lành mạnh, thẩm mỹ, chống các tác động tiêu cực của nền KTTT.***

+ ***Ý nghĩa:*** Các yếu tố của môi trường làm việc của giảng viên có tác động rất lớn đến hình thành những phẩm chất ĐĐNN của người giảng viên. Nếu môi trường đẹp “giàu tính sư phạm” thì bản thân giảng viên cũng phải tự xác định nhận thức, thái độ và hành vi của bản thân sao cho phù hợp và xứng đáng với môi trường đó. Việc xây dựng môi trường lành mạnh, an toàn, thẩm mỹ là xây dựng một môi trường không bị tác động bởi những mặt tiêu cực của KTTT. Những người làm việc trong môi trường đó đều có những lời nói, cử chỉ “mô phạm”. Như vậy, môi trường lành mạnh là một “lá chắn” ngăn chặn những ảnh hưởng tiêu cực của nền KTTT và xã hội bên ngoài (Lối sống thực dụng, chủ nghĩa cá nhân cực đoan) tới nhân cách của người giảng viên. Xây dựng môi trường lành mạnh, an toàn, thẩm mỹ là một biện pháp nâng cao ĐĐNN rất quan trọng cho giảng viên trong một xã hội phức tạp như hiện nay và nhiều ảnh hưởng tiêu cực của nền KTTT và xã hội.

+ ***Mục đích:*** Biện pháp này nhằm tạo ra một môi trường ảnh hưởng tích cực tới nhân cách của người giảng viên, giúp giảng viên thỏa mãn nhu cầu lao động, cống hiến, có ý nghĩa giáo dục sâu sắc, có khả năng phòng, chống ảnh hưởng tiêu cực của nền KTTT và xã hội.

+ ***Cách thức tổ chức và những chú ý khi thực hiện:*** Cần có sự tham gia của tất cả các đơn vị trong nhà trường và các đoàn thể. Mỗi giảng viên phải thật sự gương mẫu để tạo ra một môi trường giáo dục lành mạnh; xây

dựng những quy định chặt chẽ và kiểm tra việc thực hiện những quy định đó một cách nghiêm túc; xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của nhà trường phải đảm bảo các tiêu chí thẩm mỹ, giáo dục, khoa học và hiệu quả.

- *Tuyên truyền về truyền thống nghề dạy học và định hướng giá trị nghề nghiệp trong nền KTTT.*

+ ***Ý nghĩa:*** Trong nền KTTT, việc giáo dục truyền thống nghề nghiệp nhằm khơi dậy ở mỗi giảng viên lòng tự hào về nghề nghiệp mà mình đã lựa chọn, tạo ra động lực phấn đấu cho bản thân, để xứng đáng với truyền thống đó. Việc giáo dục truyền thống nghề nghiệp còn có tác dụng ngăn chặn những giảng viên có thái độ, tình cảm và hành vi đi ngược lại truyền thống, hạn chế những tác động tiêu cực của KTTT (Sự ganh đua thái quá, chủ nghĩa cá nhân cực đoan, lối sống thực dụng, ích kỷ, hẹp hòi). Đồng thời giáo dục truyền thống nghề nghiệp, định hướng giá trị nghề nghiệp trong nền KTTT giúp giảng viên xác định đúng thang giá trị, phát huy những tiềm năng trí tuệ, sở trường trong hoạt động nghề nghiệp sau này. Đây là biện pháp có tác động mạnh mẽ đến nhận thức tình cảm và thái độ đối với nghề nghiệp. Nó có thể tạo nên những chuyển biến lớn trong nhân cách của người giảng viên.

+ ***Mục đích:*** Cung cấp cho giảng viên những giá trị truyền thống nghề nghiệp, những tấm gương về nghề nghiệp của đồng nghiệp, những kiến thức cần thiết để xác định các giá trị nghề nghiệp phù hợp với điều kiện thực hiện nền KTTT. Trên cơ sở đó, tạo nên động lực, định hướng để giảng viên tự giáo dục, tự rèn luyện, phấn đấu xứng đáng với truyền thống nghề nghiệp và sáng tạo các giá trị nghề nghiệp mới và hiện đại.

+ ***Cách thức tổ chức và những chú ý khi thực hiện:*** Để giáo dục truyền thống nghề nghiệp, có thể tiến hành thông qua các hình thức phong phú: Tọa đàm về truyền thống nghề nghiệp, gặp gỡ trao đổi với những giảng viên mẫu mực, có kinh nghiệm lâu năm trong nghề, có đóng góp nhiều cho xã hội, thăm các di tích lịch sử, điển hình của ngành sư phạm.

- Tăng cường kiểm tra, đánh giá khuyến khích giảng viên tự kiểm tra, tự đánh giá về nhân cách nghề nghiệp. Xây dựng và thực hiện qui chế khen thưởng và trách phạt rõ ràng hợp lý.

+ **Ý nghĩa:** Việc kiểm tra, đánh giá tình hình rèn luyện ĐĐNN của giảng viên có ý nghĩa rất lớn vì nó giúp các lực lượng quản lý giáo dục thu được các thông tin phản hồi về nhiều vấn đề, trong đó có đạo đức của giảng viên, điển hình là những giảng viên mới vào nghề. Việc kiểm tra, đánh giá có tác dụng ngăn chặn những ảnh hưởng tiêu cực của nền KTTT tác động đến hình thành nhân cách của người giảng viên. Ngoài việc thực hiện đúng những quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành về kiểm tra, đánh giá ĐĐNN của nghề dạy học thì mỗi trường cần xây dựng ra những quy định riêng, thích hợp với những điều kiện thực tế của nhà trường.

Việc khen thưởng và trách phạt cũng có ý nghĩa rất to lớn trong việc nâng cao ĐĐNN cho giảng viên. Nó có thể khuyến khích, động viên những giảng viên có tinh thần cao trong nghiên cứu và giảng dạy và có thể tự xử lý những hành vi, vi phạm đến chuẩn mực ĐĐNN. Do đó, nó có thể được xem là một biện pháp hữu hiệu trong công tác nâng cao ĐĐNN cho giảng viên.

Trong nền KTTT, khen thưởng và trách phạt cần chú ý đến những biểu hiện tích cực và tiêu cực của nền KTTT. Cần đưa ra những nội dung tích cực (Tinh năng động, sáng tạo, cống hiến) của nền KTTT vào các nội dung khen thưởng. Đồng thời cũng có những mức độ trách phạt nghiêm khắc với những biểu hiện tiêu cực.

+ **Mục đích:** Biện pháp này có tác động đến hành lang pháp lý cho việc kiểm tra, đánh giá khuyến khích giảng viên tự kiểm tra, tự đánh giá về nhân cách nghề nghiệp của mình trên cơ sở những quy chế đã ban hành. Xây dựng và thực hiện qui chế khen thưởng và trách phạt rõ ràng hợp lý có tác dụng răn đe đối với giảng viên. Từ đó, góp phần nâng cao ĐĐNN cho giảng viên.

+ **Cách thức tổ chức và những chú ý khi thực hiện:** Biện pháp này, ngoài việc xây dựng những quy chế do Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành, mà còn phải căn cứ vào những điều kiện thực tiễn của từng môi trường giáo dục để đưa ra những quy định riêng cho phù hợp.

- Tạo dư luận tập thể đúng đắn.

+ **Ý nghĩa:** Lý luận và thực tiễn giáo dục đã chứng minh ảnh hưởng to lớn của dư luận tập thể trong việc điều chỉnh nhận thức, thái độ, tình cảm và hành vi của mỗi cá nhân. Đối với công tác nâng cao ĐĐNN cho giảng viên, thì việc tạo dư luận tập thể đúng đắn phải được nhận thức và thực hiện biện pháp này một cách nghiêm túc, khoa học. Giảng viên ngoài việc giảng dạy trên lớp còn sinh hoạt trong khá nhiều tập thể: Sinh hoạt Đảng bộ, công đoàn nhà trường, các trung tâm. Chính vì vậy, nâng cao ĐĐNN cho giảng viên thông qua tập thể còn là sự thể hiện của nguyên lý giáo dục của nền giáo dục XHCN.

Dư luận tập thể lành mạnh đúng đắn sẽ có tác dụng cổ vũ, khích lệ các hành vi, thái độ, tình cảm đúng đắn của giảng viên. Nó sẽ giúp cho giảng viên cảm thấy tự tin, yêu nghề, mong muốn được cống hiến và làm những điều tốt đẹp, phục vụ cho công việc. Đối với những giảng viên có thái độ và hành vi được ngược lại hoặc vi phạm những chuẩn mực ĐĐNN, ngay lập tức bị dư luận tập thể ngăn chặn, lên án và giáo dục. Họ sẽ cảm thấy xấu hổ trước mọi người và đặc biệt là lương tâm của chính mình và khi họ đã nhận ra lỗi lầm thì tập thể không quay lưng lại.

Trong nền KTTT, biện pháp giáo dục này có rất nhiều cơ hội để thực hiện trước những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của nền KTTT, các lực lượng quản lý giáo dục sẽ dễ dàng tạo ra những dư luận và chủ định để định hướng cho giảng viên. Dư luận sẽ ủng hộ, đồng tình, ủng hộ, khuyến khích những thái độ và việc làm theo đúng chuẩn mực ĐĐNN của giảng viên nhưng dư luận cũng lên án những thói hư, tật xấu, lối sống ích kỷ, chủ nghĩa cực đoan.

+ **Mục đích:** Biện pháp này nhằm tạo ra sự đánh giá thống nhất, có chủ đích của các lược lượng quản lý giáo dục đối với nhận thức, thái độ và hành vi của giảng viên. Giúp họ tự điều chỉnh bản thân cho phù hợp với các chuẩn mực ĐĐNN.

+ **Cách thức tổ chức và những chú ý khi thực hiện:** Hết sức thận trọng sử dụng biện pháp này. Trong những trường hợp cần thiết thì sử dụng, không lạm dụng; người sử dụng biện pháp này phải có hiểu biết và kỹ năng nhất định. Am hiểu tâm lý, cách thức tạo dư luận, cách chấm dứt dư luận, cách điều khiển dư luận theo đúng mục đích giáo dục.

*** Mối quan hệ giữa các biện pháp và vận dụng phối hợp giữa các biện pháp nâng cao ĐĐNN trong nền KTTT ở Việt Nam.**

Các biện pháp này có thể là tiền đề, tạo ra những điều kiện thuận lợi cho các biện pháp khác. Mỗi biện pháp có những ưu điểm và nhược điểm riêng, ưu điểm của biện pháp này sẽ bổ sung cho khuyết điểm của biện pháp khác. Việc thực hiện các biện pháp có tính chất thời điểm vì ở thời gian này có thể sử dụng một hay một số biện pháp này nhưng ở một thời điểm khác thì các biện pháp này trở thành trọng yếu. Tuy nhiên để có những tác động cộng hưởng tới nhân cách của người giảng viên thì phải phối hợp các biện pháp khác nhau.

Kết luận chương 2

Trong quá trình thực nghiệm, điều tra, trưng cầu ý kiến ở ba trường ĐH Kiến trúc, CĐ xây dựng công trình đô thị, CĐ xây dựng số 1 thuộc Bộ Xây dựng tác giả nhận thấy không gây ra những xáo trộn gì trong công tác tổ chức của nhà trường.

Qua quá trình điều tra, tác giả nhận thấy: nhận thức, thái độ và hành vi của giảng viên có sự tương quan tỷ lệ thuận sự tăng lên trong nhận thức cũng kéo theo sự tăng lên trong thái độ và hành vi. Tức là giảng viên có nhận thức cao thì cũng có điểm thái độ và hành vi tương ứng.

Sau khi tiến hành thực nghiệm, tác giả xây dựng phiếu trưng cầu ý kiến những cán bộ, giảng viên. Kết quả thăm dò đã cho thấy:

Đa số giảng viên cho rằng quy trình tiến hành thực nghiệm (câu hỏi, kiểu mẫu, cách thức thực hiện...) là hoàn toàn khoa học, và đảm bảo yêu cầu nội dung cần đặt ra.

Một lượng lớn giảng viên cho rằng các biện pháp nâng cao ĐĐNN đã đưa ra sẽ có hiệu quả cao và tạo nên những tác động lớn đến nhận thức, thái độ và hành vi của giảng viên và đó là một biện pháp rất cần thiết cho quy trình nâng cao ĐĐNN trong môi trường giáo dục.

Tuy nhiên, một số ít giảng viên điển hình là những người mới vào nghề cho rằng những biện pháp nâng cao ĐĐNN còn mang tính lý thuyết, khó thực tế. Nhưng họ vẫn ủng hộ áp dụng những biện pháp này trong môi trường giáo dục nơi họ đang công tác.

Như vậy, với nội dung và biện pháp nâng cao ĐĐNN cho giảng viên thì mục đích của thực nghiệm đã đạt được. Khẳng định tính giá trị, khoa học và hiệu quả của hệ thống các biện pháp nâng cao ĐĐNN mà công trình nghiên cứu đã xây dựng. Đồng thời những giả thuyết khoa học của luận văn đã được kiểm nghiệm và chứng minh.

Những kiến nghị

1.1 Đối với Bộ Xây Dựng

Cần tăng cường công tác quản lý, nâng cao ĐĐNN cho giảng viên trong giai đoạn hiện nay. Trước sự suy thoái về ĐĐNN của một bộ phận giảng viên. Bộ Xây Dựng cần ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để quy định một cách cụ thể, rõ ràng và chi tiết về ĐĐNN của nghề dạy học như các chuẩn mực, nhận thức, thái độ và hành vi nghề nghiệp của nghề dạy học.

1.2 Đối với các trường Đại học, Cao đẳng trực thuộc Bộ Xây Dựng

Phải nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của công tác nâng cao ĐĐNN cho giảng viên vì công tác này là nhân tố quyết định chất lượng đào tạo của nhà trường, nhân cách của những người giảng viên hàng ngày, hàng giờ ảnh hưởng trực tiếp đến sinh viên. Đội ngũ với trình độ đào tạo thấp, không thực sự gương mẫu về lối sống, đạo đức trước sinh viên thì không thể đòi hỏi một thế hệ tương lai được trao dồi về mặt ĐĐNN sau khi ra trường.

Để nâng cao chất lượng công tác nâng cao ĐĐNN cho đội ngũ giảng viên, các trường có thể tham khảo hệ biện pháp mà công trình nghiên cứu đã đưa ra và thực nghiệm, Đồng thời phải liên tục, thường xuyên nghiên cứu những vấn đề mới về lý luận cũng như thực tiễn để không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo giảng viên..

Một số kiến nghị của luận văn: Không ngừng nâng cao trình độ, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên. Vì đây là lực lượng quan trọng và trực tiếp quyết định chất lượng đào tạo của nhà trường, mà nhân cách của họ hàng ngày, hàng giờ ảnh hưởng tới học sinh, sinh viên.

Đồng thời, giáo dục là sự nghiệp của quần chúng, của toàn xã hội. Do đó việc nâng cao ĐĐNN cho đội ngũ giảng viên phải được sự quan tâm của nhiều tổ chức, đoàn thể trong xã hội. Như vậy việc nâng cao ĐĐNN cho đội ngũ giảng viên sẽ là một bước đi vững chắc trên con đường sự nghiệp giáo dục của đất nước.

Thực hiện việc xã hội hóa nâng cao ĐĐNN cho đội ngũ giảng viên sẽ tạo ra những động lực mới cho công tác đạo tạo giảng viên vì nó đưa đến những tác động đồng bộ, công hưởng tới bộ mặt nhân cách của người giảng viên. Để hướng đến xây dựng hình ảnh về người giảng viên vừa có tâm vừa có đức, sẵn sàng phục vụ nhân dân dù bất cứ nơi đâu và bất cứ lúc nào, cống hiến cả cuộc đời mình cho sự nghiệp cao cả - sự nghiệp “trồng người”.

KẾT LUẬN

Đạo đức nhà giáo có vai trò quan trọng, góp phần quyết định đến chất lượng, hiệu quả hoạt động sư phạm của nhà giáo và nâng cao chất lượng giáo dục – đào tạo của quốc gia. Trong lịch sử giáo dục nhân loại, tư tưởng về nhà giáo và đạo đức nhà giáo luôn là vấn đề thu hút sự quan tâm nghiên cứu của các nhà khoa học, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo là vấn đề chiến lược trong chính sách phát triển giáo dục – đào tạo của mọi quốc gia. Đảng ta cũng rất quan tâm chăm lo xây dựng đội ngũ nhà giáo có trình độ kiến thức cao về mọi mặt, giữ gìn và phát huy phẩm giá, danh dự của nhà giáo.

Hiện nay, vấn đề đạo đức nhà giáo đang phải đối diện với nhiều thách thức; một số biểu hiện lệch lạc, bất cập, làm suy giảm truyền thống đó đang nảy sinh và ảnh hưởng tiêu cực đến danh dự, uy tín của người thầy. Vì thế, việc chăm lo giáo dục, rèn luyện đạo đức nhà giáo càng trở nên cấp thiết; đây không chỉ là nhiệm vụ trước mắt mà còn là vấn đề lâu dài, đòi hỏi phải tiến hành thường xuyên, liên tục.

Sự tác động của nền KTTT đối với sự hình thành và phát triển của ĐĐNN của giảng viên theo hai chiều hướng:

Nền KTTT đã mang lại cho ĐĐNN của nghề dạy học những nét mới tích cực: Xuất hiện tính năng động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm và mong muốn có cuộc sống vật chất đầy đủ; nhận thức lại vai trò, vị trí của nghề dạy học, vị trí của người giảng viên trong xã hội; đánh giá cao lòng yêu nghề, tích cực tham gia các quan hệ giao lưu. Đồng thời, nền KTTT cũng có ảnh hưởng một cách tiêu cực tới ĐĐNN của một bộ phận giảng viên. Cụ thể, một bộ phận giảng viên có các hành vi vi phạm pháp luật, ĐĐNN, các chuẩn mực đạo đức xã hội; chạy theo và đề cao lối sống vật chất, hưởng thụ; mờ nhạt về lý tưởng nghề nghiệp; lối sống lạnh lùng, ích kỷ, hẹp hòi.

Những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của nền KTTT tới ĐĐNN của nghề dạy học là hai mặt của một vấn đề có tính tất yếu và quy luật. Vì vậy khi

xây dựng KTTT, ĐĐNN của nghề dạy học có những biến đổi sâu sắc và mạnh mẽ theo cả hai chiều hướng nêu trên. Vấn đề đặt ra là: cần có những biện pháp và phương hướng để nâng cao ĐĐNN của giảng viên, phát huy những mặt tích cực, hạn chế những mặt tiêu cực của nền KTTT.

Qua nghiên cứu, nâng cao đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên các trường đại học, cao đẳng ngành xây dựng tại Hà Nội trong bối cảnh kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay tác giả nhận thấy:

Cần phải đào tạo nên đội ngũ giảng viên có đủ phẩm chất nghề nghiệp, năng lực nghề nghiệp đáp ứng được những đòi hỏi của xã hội. Thực hiện quan điểm đường lối giáo dục của Đảng, góp phần vào sự nghiệp CNH – HĐH đất nước. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan công tác GD ĐĐNN cho đội ngũ giảng viên vẫn còn những hạn chế nhất định, thể hiện: Một bộ phận giảng viên chạy theo lối sống thực dụng, coi thường các giá trị tinh thần, đề cao giá trị vật chất, chưa tiếp thu giá trị truyền thống, không lý tưởng nghề nghiệp. Trong khi đó, hàng ngày, hàng giờ những ảnh hưởng tiêu cực của KTTT và lối sống hưởng thụ tấn công vào nghề dạy học. Chính vì thế đã đặt ra cho công tác giáo dục ĐĐNN những thách thức mới và yêu cầu mới. Đó là, cần phải nhanh chóng xây dựng biện pháp như đảm bảo tính khoa học, hợp lý, hiệu quả và phát huy tính tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của nền KTTT.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và điều tra thực trạng về Nâng cao đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên các trường đại học, cao đẳng ngành xây dựng tại Hà Nội trong bối cảnh kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay, xin đề xuất những biện pháp sau đây: Đổi mới nội dung, biện pháp tổ chức thực hiện công tác giáo dục tư tưởng - chính trị theo hướng gắn liền với các điều kiện của nền KTTT; giáo dục truyền thống nghề dạy học và định hướng giá trị nghề nghiệp trong nền KTTT; tổ chức các ngày lễ, hội mang những giá trị giáo dục sâu sắc, có khả năng phát huy tính năng động, sáng tạo. Nêu gương sáng về ĐĐNN, nhấn mạnh những gương sáng trong giai đoạn thực

hiện nền KTTT. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, phòng chống các tác động tiêu cực của nền KTTT và xã hội. Xây dựng quy chế khen thưởng và trách phạt rõ ràng, hợp lý.

Nâng cao đạo đức nghề nghiệp cho giảng viên là nhiệm vụ vô cùng quan trọng và rất cần thiết. Đây là vấn đề lớn trong chiến lược con người mà Đảng và Nhà nước ta xác định phải quan tâm trong thời kì đổi mới, thời kì công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước. Cần giáo dục đạo đức nghề nghiệp giảng viên theo hướng kế thừa những giá trị đạo đức truyền thống với những giá trị đạo đức mới trong nền kinh tế thị trường.

Có thể nói, xã hội luôn đặt ra những yêu cầu rất cao về phẩm chất đạo đức của nhà giáo. Bởi lẽ, “người cấy ở tâm, cấy nương ở rễ”, tâm đức, phẩm hạnh là yếu tố làm nên căn cốt của một con người, nhất là những người thầy. Và sản phẩm của giáo dục là con người, không được phép “phế phẩm”; đạo đức của nhà giáo có ý nghĩa quan trọng tới việc hình thành và phát triển nhân cách của người học. Người thầy giáo chân chính dạy học trò không chỉ bằng vốn tri thức, hiểu biết, mà còn bằng chính nhân cách đạo đức trong sáng của mình, để cảm hóa, để giáo dục và khai sáng. “Dạy chữ” là quan trọng, nhưng việc “dạy người” còn quan trọng hơn. Mục đích của việc học đã được UNESCO khẳng định: “Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để khẳng định mình”, nói cách khác, học để làm người. Cho nên người học thường lấy hình ảnh các nhà giáo làm hình mẫu để noi theo. Những bài giảng nhiệt huyết, say mê; lương tâm cùng tinh thần trách nhiệm; sự tận tụy của nhà giáo; tấm gương học tập và rèn luyện cùng nhân cách trong sáng của người thầy sẽ tạo một dấu ấn vô cùng sâu đậm trong tâm hồn các thế hệ học sinh. Nghề dạy học là nghề cao quý và có những yêu cầu riêng, đòi hỏi mỗi người khi tham gia đều phải xác định cụ thể về sự mẫu mực “mô phạm”, sự cống hiến, tận tụy, thậm chí hi sinh không mệt mỏi vì lợi ích công việc, cũng như vì thành tựu của đối tượng phục vụ thay vì những lợi ích vị kỷ về vật chất. Để

có thể đáp ứng yêu cầu “hành nghề sư phạm”, trước hết cần có đạo đức nghề nghiệp, tức là có tình yêu với nghề giáo, tâm huyết, sẵn sàng cống hiến cho sự nghiệp giáo dục, có tình yêu với học trò. Một điều không thể thiếu nữa là sự nỗ lực không ngừng tự hoàn thiện và nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, nâng cao hiểu biết theo những yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp để có đủ năng lực giáo dục và giảng dạy, cũng như xã hội cần nâng tầm nhìn xa trông rộng về sự nghiệp trồng người.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Quang Báo (2005), *Một số giải pháp đào tạo, bồi dưỡng giáo viên*, Tạp chí giáo dục, số 121 (9/ 2005), trang 13 – 14.
2. Lê Khánh Bằng (2006), *Một số đổi mới trong việc nghiên cứu giảng dạy và học tập các khoa học giáo dục nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên*, Tạp chí giáo dục, số 129 (kỳ I), trang 26-28.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1996), *Định hướng giáo dục giá trị đạo đức trong các trường đại học*, Kỷ yếu hội thảo, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1991), *Giáo trình đạo đức học*, Nhà xuất bản Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2002), *Giáo trình triết học Mác – Lênin*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1997), *Tổng kết và đánh giá 10 năm đổi mới giáo dục và đào tạo*, Hà nội.
7. Nguyễn Ngọc Bích (1998), *Tâm lý học nhân cách*, Nhà xuất bản Giáo dục
8. Nguyễn Thanh Bình (chủ biên), (2006), *Lý luận giáo dục học Việt Nam*, Nhà xuất bản Đại học sư phạm Hà Nội
9. Nguyễn Hữu Công (2001), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển con người toàn diện*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
10. Vũ Chất - chủ biên (2001), *Từ điển tiếng Việt dành cho học sinh*, Vũ Chất chủ biên, Nhà xuất bản Trẻ, Hồ Chí Minh.
11. Phạm Khắc Chương (2003), *Rèn đạo đức và ý thức công dân*, Nhà xuất bản Đại học sư phạm Hà Nội.
12. Phạm Khắc Chương – Hà Nhật Thăng (2001), *Đạo đức học*, Nhà xuất bản Giáo dục.

13. Phạm Khắc Chương – Hà Nhật Thăng (1998), *Đạo đức là nội dung quan trọng trong rèn luyện nghiệp vụ sư phạm*, Kỷ yếu hội thảo khoa học khoa Tâm lý – giáo dục.
14. Nguyễn Hữu Dũng, *Nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên*, Kỷ yếu hội thảo khoa học kỷ niệm 45 năm ngày thành lập Trường Đại học sư phạm – Đại học quốc gia Hà Nội.
15. Thành Duy (2004), *Văn hóa đạo đức*, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin
16. Đảng cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành trung ương khóa VIII*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Đảng cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành trung ương khóa IX*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. Phạm Văn Đồng (1979), *Sự nghiệp giáo dục trong chế độ xã hội chủ nghĩa*, Nhà xuất bản sự thật, Hà Nội.
19. Phạm Minh Hạc (1999), *Giáo dục Việt Nam trước ngưỡng cửa thế kỷ XXI*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
20. Ngô Văn Hà (2007), *Quan điểm của Hồ Chí Minh về đạo đức của người thầy giáo*, Tạp chí Giáo dục, số 177.
21. Phạm Văn Hoàn (1982) *Giáo dục đạo đức cách mạng qua giảng dạy môn học*, Nghiên cứu giáo dục tháng 10/1982.
22. Nguyễn Đăng Hoạt (1997), *Phương pháp dạy học đạo đức*, Nhà xuất bản Giáo dục.
23. Bùi Văn Huệ (1998), *Nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên ở các trường sư phạm*, Tạp chí Nghiên cứu giáo dục (số 11), trang 4 -20.
24. Nguyễn Bá Hùng (2010), *Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên sư phạm trong nhà trường quân sự hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Học viện Chính trị - Bộ quốc phòng.
25. Trần Mậu Khiêm, *Giáo dục đạo đức*, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội

26. Lê Ngọc Lan (1992), *Tự đánh giá và phát triển nhân cách*. Thông tin khoa học giáo dục Hà nội số 32/ 1992.
27. Lê Thành Lập (2005), *Đạo đức nghề nghiệp*, số 6 trang 49-53. Tạp chí giáo dục.
28. Nguyễn Hiến Lê (1996), *Khổng Tử*, Nhà xuất bản Văn hóa.
29. Nguyễn Văn Lê (2009), *Học sinh, sinh viên với văn hóa đạo đức trong ứng xử xã hội*, Nhà xuất bản Giáo dục.
30. Nguyễn Văn Lê, *Những đặc điểm lao động sư phạm và yêu cầu đào tạo giáo viên hiện nay*, Kỷ yếu hội thảo khoa học kỷ niệm 45 năm thành lập Trường Đại học sư phạm – Đại học quốc gia Hà Nội.
31. Phan Ngọc Liên (2007), *Đào tạo giáo viên ở các trường sư phạm theo định hướng giáo dục vì phát triển bền vững*, Tạp chí giáo dục, số 165 (kỳ 2- 6/ 2007), trang 5 -6.
32. *Luật giáo dục*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
33. C. Mác và Ăngghen (1983), *Luận cương về Phoi-ơ-bắc*, C. Mác và Ăngghen, tập 3, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội 1995, tr 9-13
34. Hồ Chí Minh (1964), Bài nói chuyện tại trường ĐH Sư phạm Hà Nội, Hồ Chí Minh toàn tập, tập 11, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội 2000.
35. Nguyễn Hữu Ngọc - chủ biên (1987), *Từ điển Triết học*, Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
36. Hà Thế Ngữ - chủ biên (1990), *Hồ Chí Minh về vấn đề giáo dục*, Nhà xuất bản Giáo dục.
37. Nhà xuất bản Kim Đồng (2004), *Nghề sư phạm*, Hà Nội.
38. Vũ Ngọc Pha - Nguyễn Ngọc Long - Nguyễn Hữu Vui (1997), *Triết học*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
39. Hoàng Phê (1998), *Từ điển Tiếng Việt*, Nhà xuất bản Đà Nẵng.
40. Phạm Thành Trung – chủ biên (2004), *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên*, Nhà xuất bản Đại học sư phạm.

41. Trần Quốc Thành (2000), *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên*, Tạp chí nghiên cứu giáo dục Hà Nội.
42. Hà Nhật Thăng – chủ biên (1994), *Lịch sử giáo dục*, Đại học sư phạm Hà Nội.
43. Hà Nhật Thăng, Đào Thanh Âm (1998), *Lịch sử giáo dục thế giới*, Nhà xuất bản Giáo dục.
44. Thủ tướng Chính phủ (2001), *Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010* (Ban hành kèm quyết định số 201/ 2001/ QĐ – ngày 28/12/2001).
45. Nguyễn Cảnh Toàn, *Bàn về giáo dục Việt Nam*, Nhà xuất bản Lao động.
46. Nguyễn Cảnh Toàn (1991), *Đặt đúng vị trí nghề dạy học ngành sư phạm và cải tạo tâm lý xã hội với vấn đề này*, Tạp chí giáo dục tháng 05/1991.
47. Nguyễn Cảnh Toàn (1996), *Những chặng đường phát triển của ngành sư phạm Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
48. Trần Trọng Thủy (1998), *Một số khía cạnh tâm lý học trong giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông trung học*, Tạp chí giáo dục 01/1993.
49. Nguyễn Anh Tuấn, *Những biện pháp giáo dục nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam*, luận án tiến sĩ, trường Đại học sư phạm Hà Nội.
50. Thái Duy Tuyên (1999), *Những vấn đề cơ bản giáo dục học hiện đại*, Nhà xuất bản Giáo dục.
51. Thái Duy Tuyên (2007), *Triết học giáo dục Việt Nam*, Nhà xuất bản ĐH sư phạm, Hà Nội.
52. Nguyễn Quang Uẩn (1997), *Vấn đề rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên*, (Thông báo khoa học Đại học sư phạm Hà Nội 1987).
53. www.dantri.com.vn

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

Phiếu đánh giá nhận thức của giảng viên về ĐĐNN của nghề dạy học trong nền KTTT

1. *Trước khi làm việc tại môi trường sư phạm, anh (chị) nghĩ như thế nào về nghề dạy học. Đây là một nghề:*
 - a. Rất cao quý b. Cao quý c. bình thường như các nghề khác
 - d. Dành cho những người kém cỏi
2. *Anh (chị) hãy liệt kê những phẩm chất đạo đức mà người thầy phải có:*
3. *Anh (chị) hãy sắp xếp thứ tự quan trọng của những phẩm chất đạo đức nêu trên:*
4. *Trong điều kiện nền KTTT theo anh (chị) người thầy giáo phải có những phẩm chất gì? hãy liệt kê*
5. *Các dấu hiệu nào sau đây biểu hiện ĐĐNN của người thầy giáo trong nền KTTT?*
 - Yêu nghề
 - Yêu trẻ
 - Có lý tưởng cao đẹp
 - Có khả năng giao tiếp tốt
 - Sẵn sàng nhận công tác ở những nơi khó khăn
 - Có ý chí vươn lên, vượt qua gian khổ
 - Khiêm tốn, lịch sự
 - Muốn hưởng thành quả do bàn tay mình làm ra
 - Biết làm giàu chính đáng
 - Quan hệ giao tiếp rộng
 - Thương mại hóa giáo dục
 - Có niềm tin nghề nghiệp
 - Đối xử bạo lực với sinh viên

- Lối sống trung thực, giản dị

- Có uy tín trước sinh viên

7. Theo anh(chị) các môn học chuyên ngành có vai trò như thế nào đối với việc hình thành những phẩm chất đạo đức của người thầy giáo?

a. Rất quan trọng

b. Quan trọng

c. Bình thường

d. Chẳng có ý nghĩa gì

8. Theo anh(chị) các môn học nghiệp vụ (Tâm lý học, giao tiếp sư phạm) có vai trò như thế nào đối với việc hình thành những phẩm chất đạo đức của người thầy giáo?

a. Rất quan trọng

b. Quan trọng

c. Bình thường

d. Chẳng có ý nghĩa gì

9. Theo anh(chị) những phẩm chất đạo đức của người thầy giáo được hình thành:

a. Trước khi vào môi trường sư phạm

b. Trong quá trình công tác tại môi trường sư phạm

c. Khi công tác lâu năm

10. Anh (chị) hãy sắp xếp theo thứ tự tầm quan trọng của các môi trường trong việc hình thành các phẩm chất của người thầy giáo:

a. Trước khi vào môi trường sư phạm

b. Trong quá trình công tác tại môi trường sư phạm

c. Khi công tác lâu năm

11. Bất chấp ảnh hưởng của nền KTTT, khái niệm “ĐĐNN của người thầy giáo” vẫn giữ nguyên những giá trị nào? Hãy liệt kê.

12. Theo đồng chí nền KTTT, có ảnh hưởng như thế nào đối với nội hàm khái niệm “ĐĐNN của người thầy giáo”?

A. Tích cực

B. Tiêu cực

C. Cả hai ý trên

13. Anh (chị) hãy sắp xếp theo thứ tự tầm quan trọng của các môi trường hình thành các phẩm chất đạo đức của người thầy giáo?

15. Trước khi vào nghề dạy học anh (chị) đã có những phẩm chất gì? Hãy liệt kê

Phụ lục 2

Phiếu đánh giá nhận thức của giảng viên về các nội dung và biện pháp của nâng cao ĐĐNN trong nền KTTT.

1. Theo đồng chí các môn học chuyên ngành có vai trò như thế nào đối với việc hình thành những phẩm chất đạo đức của người thầy giáo?
 - A. Rất quan trọng
 - B. Quan trọng
 - C. Bình thường
 - C. Vô nghĩa
2. Theo đồng chí các môn học nghiệp vụ có vai trò như thế nào đối với việc hình thành những phẩm chất đạo đức của người thầy giáo?
 - A. Rất quan trọng
 - B. Quan trọng
 - C. Bình thường
 - C. Vô nghĩa
3. Theo đồng chí những phẩm chất đạo đức của người thầy giáo được hình thành?
 - A. Trước khi vào trường giảng dạy
 - B. Trong quá trình giảng dạy
 - C. Cả hai ý kiến đều đúng
4. Theo đồng chí, quá trình hình thành những phẩm chất đạo đức của người thầy giáo là quá trình?
 - A. Rất lâu dài và phức tạp
 - B. Lâu dài và phức tạp
 - C. Bình thường
 - D. Dễ dàng
5. Để hình thành những phẩm chất đạo đức của người thầy giáo cần phải tiến hành biện pháp giáo dục gì? Hãy liệt kê.

6. Theo đồng chí trong điều kiện hiện nay công tác giáo dục ĐĐNN trong nền KTTT cần thêm những biện pháp mới nào? Hãy liệt kê

7. Đồng chí có những đề xuất gì cho công tác giáo dục ĐĐNN trong điều kiện hiện nay?

8. Để hình thành các phẩm chất ĐĐNN, theo anh(chị) cần phải tiến hành:

- Giáo dục lòng yêu nghề;
- Giáo dục lòng yêu trò, tinh thần tất cả vì học sinh thân yêu;
- Giáo dục ý thức học tập, trau dồi chuyên môn;
- Giáo dục lòng vị tha, nhân ái;
- Giáo dục tác phong mô phạm, mẫu mực;
- Giáo dục phẩm chất lịch sự, khiêm tốn, cầu thị;
- Giáo dục tinh thần nhận công tác ở những nơi xa xôi, khó khăn;
- Giáo dục thế giới quan khoa học;
- Giáo dục niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng;
- Giáo dục lối sống trung thực, giản dị;
- Giáo dục ý thức tự rèn luyện, tự bồi dưỡng;

9. Để nâng cao ĐĐNN theo anh (chị) có thể sử dụng biện pháp nào dưới đây? Hãy xếp theo thứ tự quan trọng:

- Nâng cao ĐĐNN thông qua việc giảng dạy các lớp học, tập huấn;
- Tiến hành công tác giáo dục tư tưởng - chính trị
- Tổ chức cho giảng viên tham gia tọa đàm, thảo luận
- Xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh
- Tổ chức các ngày lễ hội, mang tính truyền thống
- Nêu lên những tấm gương sáng về ĐĐNN để giảng viên noi theo và học tập;
- Phối hợp với tổ chức Công đoàn nhà trường tổ chức các hoạt động;
- Phát huy tinh thần tự rèn luyện nâng cao giá trị ĐĐNN cho bản thân.

10. *Đồng chí hãy liệt kê các biện pháp nâng cao ĐĐNN mà các đồng chí đã sử dụng?*
11. *Thực hiện công tác nâng cao ĐĐNN cho giảng viên hiện nay có thuận lợi gì? Hãy liệt kê*
12. *Trong số các biện pháp nâng cao ĐĐNN mà các đồng chí đã sử dụng, đồng chí hay sử dụng biện pháp nào nhất? Vì sao?*

Phụ lục 3

Phiếu Nhận thức của đội ngũ giảng viên về những thực trạng nhận thức, thái độ, hành vi của giảng viên về đạo đức nghề nghiệp trong nền KTTT.

1. Trước khi vào nghề dạy học, anh (chị) đã nghĩ như thế nào về nghề dạy học?

- A. Rất cao quý*
- B. Cao quý*
- C. Bình thường như các nghề khác*
- D. Dành cho những người kém cỏi*

2. Anh (chị) quyết định vào môi trường giáo dục?

A. Rất mong muốn trở thành người giáo viên, yêu công việc dạy học, phù hợp với bản thân

- B. Sức ép của cha mẹ, bạn bè khuyên bảo*
- C. Không xin được việc ở nơi khác*
- D. Được xã hội tôn vinh*

3. Khi tham gia kỷ niệm ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 đầu tiên, cảm nhận của anh (chị) như thế nào về nghề dạy học?

- A. Rất cao quý*
- B. Cao quý*
- C. Bình thường như các nghề khác*
- D. Dành cho những người kém cỏi*

4. Theo anh (chị) người thầy giáo cần có những phẩm chất đạo đức gì?

Hãy liệt kê.

5. Theo anh (chị) những phẩm chất đạo đức của người thầy giáo được biểu hiện như thế nào? Hãy đánh dấu thứ tự vào đầu dòng nếu anh (chị) đồng ý:

- Có lý tưởng cao đẹp, thế giới quan khoa học.*
- Có trình độ văn hóa cao.*
- Có kiến thức chuyên môn nghiệp vụ giỏi.*

- Lối sống trung thực, giản dị, chan hòa với mọi người.

- Có năng lực giảng dạy.
- Có khả năng tự học, tự bồi dưỡng.
- Có lòng yêu nghề, yêu trò.
- Quan tâm, trách nhiệm đến sự tiến bộ của sinh viên.
- Có quan hệ rộng với nhiều tầng lớp trong xã hội.
- Có khả năng giao tiếp tốt.
- Say mê, nhiệt tình với công việc.
- Có niềm tin nghề nghiệp.
- Có uy tín trước sinh viên.
- Sẵn sàng nhận công tác ở những nơi khó khăn.
- Có khả năng làm kinh tế tốt.
- Có ý chí vươn lên, sẵn sàng vượt khó khăn gian khổ.

6. Theo anh (chị) các môn học nghiệp vụ (Tâm lý học, Giáo dục học, Giáo dục học sư phạm) có vai trò như thế nào đối với việc hình thành những phẩm chất đạo đức của người thầy giáo?

- A. Rất quan trọng
- B. Quan trọng
- C. Bình thường
- C. Chẳng có ý nghĩa gì

8. Để hình thành những phẩm chất đạo đức của người thầy giáo, cần phải tiến hành?

- Giáo dục lòng yêu nghề.
- Giáo dục lòng yêu trò, tinh thần tất cả vì học sinh thân yêu.
- Giáo dục ý thức học tập, trau dồi chuyên môn.
- Giáo dục ý thức rèn luyện tay nghề.
- Giáo dục lòng vị tha, nhân ái.
- Giáo dục tác phong mẫu mực, mô phạm.
- Giáo dục phẩm chất khiêm tốn, lịch sự, cầu thị.

- Giáo dục tinh thần sẵn sàng nhận công tác ở những nơi khó khăn.
- Giáo dục ý thức tự rèn luyện, tự bồi dưỡng.
- Giáo dục ý thức phối hợp với các lực lượng quản lý giáo dục.

9. Sau khi bước chân vào nghề sư phạm, anh (chị) cảm nhận như thế nào về nghề dạy học?

- Rất thích công việc của nghề giảng viên.
- Thích công việc của nghề giảng viên.
- Công việc của nghề giảng viên cũng bình thường như những công việc khác.
- Dạy học phù hợp với những người kém cỏi.

10. Sau một thời gian công tác trong ngành giáo dục, anh (chị) suy nghĩ như thế nào về nghề dạy học?

- Yêu nghề hơn.
- Thích thú với công việc.
- Chững chạc và tự tin hơn.
- Không yêu nghề và cũng không coi thường nghề dạy học.
- Coi thường nghề dạy học.
- Dạy học là nghề cao quý.
- Dạy học là một công việc vất vả.
- Dạy học là một công việc đòi hỏi tính khoa học, nghệ thuật và sáng tạo..
- Dạy học là một công việc là một công việc buồn chán.

11. Theo anh (chị) để hình thành những phẩm chất ĐĐNN cho giảng viên, có thể sử dụng những biện pháp nào dưới đây?

- Đổi mới nội dung, biện pháp tổ chức thực hiện các biện pháp giáo dục tư tưởng - chính trị theo hướng gắn liền với điều kiện của nền KTTT.
- Tổ chức các ngày lễ hội mang tính giáo dục sâu sắc, có khả năng mang tính năng động, sáng tạo của người giảng viên.

- *Nêu gương sáng về ĐĐNN, nhấn mạnh những gương sáng trong giai đoạn thực hiện nền KTTT.*
- *Đổi mới, quy trình rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên cho giảng viên*
- *Tổ chức các hoạt động phong phú, nâng cao khả năng tự giáo dục, tự rèn luyện.*
- *Gắn những nội dung của nền KTTT với các nội dung tọa đàm, thảo luận.*
- *Lồng ghép, tích hợp các nội dung liên quan của nền KTTT với việc giảng dạy các môn học.*
- *Xây dựng môi trường giáo dục, nơi công tác có một môi trường lành mạnh, thẩm mỹ, chống các tác động tiêu cực của nền KTTT.*
- *Tuyên truyền về truyền thống nghề dạy học và định hướng giá trị nghề nghiệp trong nền KTTT.*
- *Tăng cường kiểm tra, đánh giá khuyến khích giảng viên tự kiểm tra, tự đánh giá về nhân cách nghề nghiệp. Xây dựng và thực hiện quy chế khen thưởng và trách phạt rõ ràng hợp lý.*
- *Tạo dư luận tập thể đúng đắn.*

THÔNG TIN HỎI ĐÁP:

 Trong quá trình làm bài tiểu luận, bạn muốn tìm kiếm thêm nhiều tài liệu bài mẫu tiểu luận cập nhật mới của Trung tâm [Best4Team](#)

Liên hệ [dịch vụ viết tiểu luận thuê](#)

Hoặc Gọi SĐT Zalo: 091.552.1220 hoặc email: best4team.com@gmail.com để hỗ trợ ngay nhé!